HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 29/2012/NQ-HĐND	Sóc Trăng, ngày 07 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT
Về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2013

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27/7/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP; Thông tư lien tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08/01/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính hương dẫn xây dựng, thẩm định và ban hành bảng giá đất, điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2013; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân và giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2013, bao gồm:

1. Giá đất ở tại khu vực đô thị và đất ở tại khu vực nông thôn; giá đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được quy định tại các Phụ lục số 1, 5, 6, 7 và 8.

2. Giá đất nông nghiệp trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố Sóc Trăng được quy định tại các Phụ lục số 2, 3, 4 và 5.

3. Giá đất quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này được áp dụng làm căn cứ để:

a) Tính thuế sử dụng đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

b) Tính tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất; tính tiền sử dụng đất khi cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai.

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Đất đai.

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chon hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật.

f) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế theo quy định của Luật Đất đai.

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

h) Những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2.

Quy định giá đất ở tại các hẻm được tính toán theo hệ số vị trí về chiều sâu và chiều rộng của hẻm, nhưng mức giá trên địa bàn thành phố Sóc Trăng không thấp hơn 120.000 đồng/m2; trên địa bàn thị trấn, phường và đô thị loại IV và V thuộc các huyện, thị xã không thấp hơn 100.000 đồng/m2 và trên địa bàn các xã không được thấp hơn 80.000 đồng/m2.

Điều 3.

Giá đất theo Nghị quyết này được áp dụng kể từ ngày 01 thang 01 năm 2013 và không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Điều 4.

1.Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2.Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

3.Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa VIII, kỳ họp thứ 6 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu;
- VP.Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- VP.Chủ tịch nước;
- Các Bộ: TP, TC, TN&MT;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Mai Khương

PHỤ LỤC 1: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

(*Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

STT	Tên đường	Vị trí	Đoạn đường		Giá đất năm 2013
			Từ	Đến	
A	THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG				
1	Đường Hai Bà Trưng	1	Suốt đường		19,500
2	Đường Đồng Khởi	1	Suốt đường		17,000
3	Đường 3 tháng 2	1	Suốt đường		17,000
4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	1	Suốt đường		15,000
5	Đường Đào Duy Từ	1	Suốt đường		6,000
6	Đường Phạm Ngũ Lão	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	15,000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Ngô Quyền	8,000
		3	Đ. Ngô Quyền	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	7,000
7	Đường Phan Chu Trinh	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đường 3 tháng 2	15,000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Ngô Quyền	8,000
		3	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	6,000
		4	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Đề Thám	4,000
8	Đường Hàm Nghi	1	Suốt đường		13,000
9	Đường Hoàng Diệu	1	Suốt đường		15,000
10	Đường Nguyễn Hùng Phước	1	Suốt đường		13,000
11	Đường Ngô Quyền	1	Suốt đường		7,000
12	Đường Đinh Tiên Hoàng	1	Suốt đường		6,000
13	Đường Nguyễn Văn Cừ	1	Suốt đường		6,000

14	Đ. Trần Minh Phú	1	Suốt đường		8,000
15	Đường Nguyễn Huệ	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Nguyễn Du	15,000
		2	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	10,000
		3	Đ. Nguyễn Du	Đ. Phan Đình Phùng	6,000
		4	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	4,000
		4	Đ. Phan Đình Phùng	Cuối đường	4,000
16	Đường Nguyễn Du	1	Suốt đường		7,000
17	Đ. Nguyễn Đình Chiểu	1	Suốt đường		4,000
18	Đường Lê Lợi	1	Suốt đường		13,000
19	Đ. Hùng Vương	1	Cổng chính Hồ Nước Ngọt (Đường Yết Kiêu)	Quốc lộ 1A	12,000
20	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	1	Suốt đường		13,000
21	Đường Cách Mạng Tháng Tám	1	Đ. Hai Bà Trưng	Đ. Ngô Quyền	12,500
		2	Đ. Ngô Quyền	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	6,000
		3	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Nguyễn Văn Hữu	4,000
22	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Đồng Khởi	9,000
		2	Đ. Đồng Khởi	Hết đất Nhà máy Cảnh Kiến Hưng	5,000
		3	Giáp ranh Nhà máy Cảnh Kiến Hưng	Đường Lê Duẩn	4,000
		4	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đầu Voi	4,000
		5	Đường Lê Duẩn	Cống Nhân Lực	3,000
		6	Cống Nhân Lực	Kênh Quảng Khuôl	1,500
		6	Kênh Quảng Khuôl	Chợ Sung Đinh	1,500
23	Đường Trần Hưng Đạo	1	Đường 30/4	Đường Phú Lợi	12,500
		2	Đường Phú Lợi	Cầu kênh 3 tháng 2	7,000

		3	Cầu kênh 3 tháng 2	Ngã 3 Trà Tim	4,000
24	Đường Lê Hồng Phong	1	Đường Trần Hưng Đạo	Giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai	10,000
		2	Đường Ng.Thị Minh Khai	Đ. Đoàn Thị Điểm	8,000
		3	Đ. Đoàn Thị Điểm	Cuối đường	3,100
25	Đường Phú Lợi	1	Suốt đường		8,000
26	Đường Lê Duẩn	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Lê Hồng Phong	6,000
		2	Đ. Lê Hồng Phong	Đ. Lý Thường Kiệt	5,000
		3	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đ. Phạm Hùng	3,000
27	Quốc Lộ I A	1	Ngã ba Trà Men (tính từ ranh hẻm 298 bên P7)	Đầu kênh ranh khóm 1, 2 (P.7)	5,000
		2	Ngã ba Trà Men(tính từ ranh hẻm 298 bên P7)	Đ. Dương Kỳ Hiệp	4,000
		3	Đ. Dương Kỳ Hiệp	Cổng Trắng	3,000
		4	Đầu kênh ranh khóm 1, 2 (P.7)	Giáp ranh huyện Châu Thành	2,500
		4	Cổng Trắng	Ngã ba Trà Tim	2,500
28	Đường 30/4	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đ. Nguyễn Du	12,500
		2	Đ. Nguyễn Du	Ngã 4 đường Lê Duẩn	6,000
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Đ. Đoàn Thị Điểm	2,000
		4	Đ. Xô Viết Ngệ Tĩnh	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	1,000
		5	Đ. Đoàn Thị Điểm	Cuối đường	1,500
29	Đ. Hồ Minh Luân	1	Suốt đường		12,500
30	Đ. Trần Phú	1	Suốt đường		4,000
31	Đ. Trần Văn Sắc	1	Suốt đường		4,000
32	Đ. Hồ Hoàng Kiếm	1	Suốt đường		4,000
33	Quãng Trường Bạch Đằng	1	Suốt đường		6,000

34	Đ. Trương Công Định	1	Suốt đường		5,000
35	Đ. Nguyễn Trung Trực	1	Suốt đường		5,000
36	Đ. Trần Bình Trọng	1	Suốt đường		4,000
37	Đ. Lý Tự Trọng	1	Suốt đường		3,000
38	Đ. Bùi Thị Xuân	1	Đ. Lý Tự Trọng	Đ. Trương Văn Quới	1,500
39	Đ. Trương Văn Quới	1	Suốt đường		3,000
40	Đ. Nguyễn Trãi	1	Suốt đường		8,000
41	Đ. Bạch Đằng (Sông Đinh cũ)	1	Đ. Lý Thường Kiệt	Đ. Mạc Đĩnh Chi	1,000
		1	Đ. Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 tháng 4	1,000
42	Đ. Điện Biên Phủ	1	Đ. Tôn Đức Thắng	Đ. Yết Kiêu	5,000
		2	Đ. Yết Kiêu	Cầu Đúc	3,000
		3	Cầu Đúc	Cuối đường	600
43	Đ. Mạc Đĩnh Chi	1	Đ. Đồng Khởi	Đ. Phan Đình Phùng	6,000
		2	Đ. Phan Đình Phùng	Ngã 4 đường Lê Duẩn	5,000
		3	Ngã 4 đường Lê Duẩn	Lộ 9B (KDC 5A)-Kinh HTX	3,000
		4	Lộ 9B (KDC 5A) -Kinh HTX	Đường Bạch Đằng	2,000
44	Đ. Phan Đình Phùng	1	Đ. Nguyễn Huệ	Đ. Mạc Đĩnh Chi	4,000
		2	Đ. Mạc Đĩnh Chi	Hết đường	3,000
45	Vành Đai II	1	Đ. Dương Minh Quan	Đ. Văn Ngọc Chính	700
46	Đ. Mai Thanh Thế	1	Đ. Đồng Khởi	Đ. Nguyễn Du	6,000
		2	Đ. Nguyễn Du	Cuối đường	4,000
47	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt đường		5,000
48	Đ. Phan Bội Châu	1	Suốt đường		5,000
49	Đ. Thủ Khoa Huân	1	Suốt đường		4,000

50	Đ. Trần Quang Diệu	1	Suốt đường		4,000
51	Đ. Nguyễn Văn Thêm	1	Suốt đường		4,000
52	Đ. Ngô Gia Tự	1	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngã 3 đường Dã Tượng	7,000
		2	Đ. Lê Lai	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh	6,000
53	Đ. Lê Vĩnh Hoà	1	Suốt đường		3,000
54	Đ. Nguyễn Văn Hữu	1	Suốt đường		4,000
55	Đ. Lê Lai	1	Suốt đường		5,000
56	Đ. Calmette	1	Suốt đường		5,000
57	Đ. Yết Kiêu	1	Suốt đường		8,000
58	Đ. Dã Tượng	1	Suốt đường		8,000
59	Đ. Võ Đình Sâm	1	Suốt đường		3,000
60	Đ. Đặng Văn Viễn	1	Suốt đường		3,000
61	Đ. Pasteur	1	Suốt đường		3,000
62	Đ. Bùi Viện	1	Suốt đường		3,000
63	Đ. Nguyễn Chí Thanh	1	Suốt đường		7,000
64	Đ. Trần Văn Hòa	1	Suốt đường		3,000
65	Đường Bà Triệu	1	Suốt đường		3,000
66	Đường Đề Thám	1	Suốt đường		4,000
67	Đường Sơn Đê	1	Suốt đường		3,000
68	Đường Lê Văn Tám	1	Đ. Lê Duẩn	Đ. Lê Hồng Phong	1,500
69	Đường Lai Văn Tửng	1	Suốt đường		3,000
70	Đường Châu Văn Tiếp	1	Suốt đường		3,000
71	Đường Nguyễn Văn Linh	1	Suốt đường		4,000
72	Đ. Dương Kỳ Hiệp	1	Đ. Nguyễn Văn Linh	Quốc lộ 1A	800
		2	Quốc lộ 1A	Phú Tức	600
73	Đường kênh 30/4	1	Suốt đường		600

74	Đường Dương Minh Quan	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Đ. Văn Ngọc Chính	2,500
75	Đường Văn Ngọc Chính	1	Đ. Lê Hồng Phong	Chùa Mã Tộc	2,500
		2	Chùa Mã Tộc	Tà Lách	1,000
		3	Tà Lách	Giáp Tỉnh lộ 8	400
76	Đường Đoàn Thị Điểm	1	Đ. Lê Hồng Phong	Đường 30 tháng 4	600
77	Đường Sóc Vồ	1	Suốt đường		400
78	Đường Lê Hoàng Chu	1	Cầu Kênh Xáng (QL 1A)	Đường Sóc Vồ	400
79	Đường Nam Kỳ Khởi nghĩa		Cầu Đen (QL 1A)	Hết đất UBND Phường 7	2,500
			Giáp UBND Phường 7	Đường vào bãi rác TP Sóc Trăng	1,500
		1	Đường vào bãi rác TP Sóc Trăng	Bia tưởng niệm	1,000
		3	Bia tưởng niệm	Giáp ranh Huyện Châu Thành	600
80	Đường Trần Văn Bảy	1	Đường 30 tháng 4	Đ. Lê Hồng Phong	1,000
81	Đường Lý Đạo Thành	1	Suốt đường		1,000
82	Đường Huỳnh Phan Hộ	1	Đ. Hùng Vương	Cống rạch Trà Men	800
83	Đường Trần Quốc Toản	1	Đ. Hùng Vương	Cống rạch Trà Men	800
84	Đường Kênh Hồ Nước Ngọt	1	Suốt đường		800
85	Đường Phú Tức	1	Suốt đường		400
86	Đường Võ Thị Sáu	1	Đ. Lê Hồng Phong	Đ. Lê Duẩn	4,000
87	Đường Trần Quang Khải	1	Quốc lộ 1A	Kênh 8 m	800
88	Đường Sương Nguyệt Anh	1	Đập thủy lợi phường 7	Kênh 3/2	400
89	KDC Tuyến tránh Quốc lộ 60	1	Trên địa bàn phường 7		800
		2	Trên địa bàn phường 5		800
90	Tỉnh lộ 8 nối dài	1	Suốt đường		800
91	Lộ đá KDC Bình An	1	Suốt đường		1,500
92	Đường kênh xáng Xà lan	1	Đập thuỷ lợi P7	Ranh huyện Mỹ Tú	300

93	Đường Cống Trắng	1	Quốc lộ 1A	Trường QS Quân khu 9	1,200
94	Đường kênh Thị đội cũ (Đường Phạm Hùng, K3P8)	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh phường 5	400
95	Đường Sóc Mồ côi cũ (Đường Phạm Hùng, K7 P8)	1	Đường Phạm Hùng	Đến giáp ranh phường 5 (đường cùng)	400
96	Đường lộ Châu Khánh (Đường Phạm Hùng)	1	Cuối đường Phạm Hùng	Giáp xã Châu Khánh	400
97	Đường Tôn Đức Thắng	1	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	13,000
		2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	7,500
		3	Ranh hẻm Chùa Phước Nghiêm	Hết ranh UBND Phường 5	4,000
		1	Giáp ranh UBND Phường 5	Giáp Đ. Lương Định Của	3,000
98	Đường Phạm Hùng	1	Đ. Bà Triệu	Ngã ba đ. Coluso	3,000
		2	Ngã ba đ. Coluso	Cống 77	1,500
		3	Cống 77	Cầu Saintard	1,000
99	Đường Cao Thắng	1	Đ. Coluso	Đ. Phạm Hùng	800
100	Đường Chông Chác	1	Suốt đường		400
101	Đường Lương Định Của	1	Cống Chông Chác	Giáp ranh H.Long Phú	1,500
102	Đường Kênh Xáng (Coluso)	1	Trung tâm dạy nghề	Ngã ba lộ đá Coluso	1,500
		2	Đường Bà Triệu	Trung tâm dạy nghề	1,200
103	Lộ đá Coluso	1	Đ. Phạm Hùng (TL 6 cũ)	Đường Kênh Xáng	1,200
104	Lộ Đal Khóm 6	1	Khóm 6		400
105	Lộ đá cặp kênh cầu xéo	1	Đường Phạm Hùng	Giáp Đường Chông Chác	400
106	Lộ nhựa (Coluso nối dài)	1	Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh cầu xéo	800
107	Đ. Kênh Quảng Khuôl	1	Đường Mạc Đỉnh Chi đến	Đường 30/4 - Khóm 5P9	500
108	Lộ nhựa cặp kênh 8m - phường 2	1	Đ. Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường 7	400
109	Lộ đất cặp kênh đi Phụng Hiệp K3P7	1	Quốc lộ 1A	Đ. Sóc Vồ	200

110	Lộ đất giáp ranh H. Mỹ Xuyên P10	1	Quốc lộ 1A	Đ. Văn Ngọc Chính	300
111	Lộ nhựa cặp Quân Khu IX	1	Hết Thửa đất số 156, Bản đồ 53 (K3P2)	Giáp Ranh Phường 10	1,000
112	Lộ đất cặp sông Maspero Phường 8	1	Từ Đường Coluso	Cuối đường (Ngã tư Sung Đinh)	400
113	Khu Dân cư Hung Thịnh	1	Toàn khu dân cư		2,500
114	Lộ đal Xóm Chài	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lê Duẩn	600
115	Lộ đal phường 9	1	Đường 30/4	Cuối đường	400
116	KDC Nguyên Hưng Phát	1	Khu C, Khu D, Khu E, Khu F		1,900
			Khu HV		800
117	KDC Sáng Quang Phường 10	1	Toàn khu dân cư		900
B	**HUYỆN MỸ XUYÊN**				
I	**Thị trấn Mỹ Xuyên**				
1	Đường Trưng Vương 1	1	Suốt đường		3,500
2	Đường Trưng Vương 2	1	Suốt đường		3,500
3	Đường Lê Lợi	1	Giáp đường Phan Đình Phùng	Hẻm 1 Lê Lợi	4,000
		2	Đoạn còn lại		3,500
4	Hẻm 1 Lê Lợi	1	Suốt hẻm		1,400
5	Hẻm 2 Lê Lợi	1	Suốt hẻm		1,400
6	Đường Phan Đình Phùng	1	Suốt đường		3,200
7	Đường Lý Thường Kiệt	1	Suốt đường		3,000
8	Đường Nguyễn Tri Phương	1	Suốt đường		3,000
9	Đường tỉnh 934	1	Giáp Đ. Lê Hồng Phong	Ngã tư Phước Kiện	3,100
		2	Giáp Đ. Đoàn Minh Bảy	Cầu Tiếp Nhật	2,200
		3	Cầu Tiếp Nhật	Ranh xã Tài Văn	1,800
10	Hẻm 40 (nghĩa trang)	1	Giáp đường tỉnh 934	Kênh Xáng (hết ranh đất bà Phan Thị Thẩm)	1,000

11	Hẻm 111	1	Suốt hẻm (Phạm Thị Nữ đến Đặng Thị Ba)		800
12	Hẻm 1 (Thạnh Lợi)	1	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ôngh Tạ Kim Sủng)		1,000
13	Hẻm 2 (Chùa Xén Cón)	1	Giáp đường tỉnh 934	Hết ranh đất ông Châu Quí Phát	1,000
		2	Giáp ranh đất ông Châu Quí Phát	Giáp đường Huỳnh Văn Chính	400
14	Đường đi Tài Công	1	Giáp đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn, huyện Trần Đề	800
15	Hẻm Cầu Cái Xe	1	Giáp đường tỉnh 934	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đen	800
16	Đường Trường Công Nông	1	Giáp đường tỉnh 934	Kênh An Nô	800
17	Hẻm 99	1	Giáp đường tỉnh 934	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Chánh	800
18	Đường tỉnh 934	1	Ngã tư Phước Kiện (Ngã tư máy kéo)	Cống số 1	1,000
		2	Cống số 1	Ranh TP Sóc Trăng	700
19	Đường Triệu Nương	1	Giáp đường Hoàng Diệu	Giáp đường Lý Thường Kiệt	3,500
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Ngã tư Phước Kiện	3,000
20	Đường Ngô Quyền	1	Cầu bà Thuỷ	Cầu số 2	760
		2	Đoạn còn lại		400
21	Đường Nguyễn Thái Học	1	Giáp Đường Hoàng Diệu	Miễu lò heo	1,500
		2	Đoạn còn lại		760
22	Đường Trần Hưng Đạo	1	Từ cầu Chà Và	Cơ quan Huyện Uỷ cũ lên 300m	2,000
		2	Từ Huyện Uỷ cũ lên 300m	Hết lộ Dân Sinh	1,000
		3	Đoạn còn lại		400
23	Đường Phan Chu Trinh	1	Đường Ngô Quyền	Hết Miếu Ông Hổ	400
		2	Đoạn còn lại		200
24	Đường Phan Thanh Giãn	1	Giáp đường Triệu Nương vào	Hết dãy phố họ Mã	760
		2	Đoạn còn lại		400

25	Đường Văn Ngọc Tố	1	Suốt đường		3,500
26	Đường Đoàn Minh Bảy	1	Suốt đường		3,500
27	Đường Huỳnh Văn Chính	1	Giáp Tỉnh Lộ 8	Hết đất kho vật liệu Trung Hưng	1,000
		2	Đoạn còn lại		600
28	Đường Thầy Cùi	1	Suốt đường		500
29	Đ. Lê Văn Duyệt	1	Suốt đường		680
30	Đường vào Trường Tiểu Học Mỹ Xuyên 2	1	Suốt đường		800
31	Huyện lộ 14	1	Ngã tư Phước Kiện	Hẻm kênh Chủ Hổ	1,000
		2	Đoạn còn lại		750
32	Hẻm Đình Thần	1	Giáp Huyện Lộ 14	Đường Thầy Cùi	500
33	Hẻm 67 (Trường học)	1	Giáp Huyện Lộ 14	Hết ranh đất ông Phạm Minh Sơn	500
34	Hẻm 147 Kênh Chủ Hổ	1	Giáp Huyện Lộ 14	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	500
35	Đường Hoàng Diệu	1	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thuỷ	5,000
36	Đường Phan Bội Châu	1	Đ. Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	1,100
		2	Đoạn còn lại		800
37	Hẻm 20	1	Giáp đường Phan Bội Châu	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy	600
38	Hẻm 70	1	Giáp đường Phan Bội Châu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	600
39	Đường Phước Kiện	1	Suốt đường		300
40	Đường vào khu dân cư điện lực	1	Giáp đường tỉnh 934	KDC Điện lực	1,000
41	KDC điện lực	1	Toàn Khu		1,000
42	KDC Đại Thành	1	Toàn Khu		1,000
II	**Xã Đại Tâm**				
1	Đường đi Trà Mẹt - Tham Đôn	KV2-VT2	Vào 300m		330
		KV2-VT3	Phần còn lại		200

2	Đường 939 (Đại Tâm-Phú Mỹ)	KV2-VT2	Vào 300m		300
		KV2-VT3	300m	500m	200
		KV2-VT3	Phần còn lại		130
3	Đường 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ 1	Cầu đúc số C4	760
		KV2-VT1	Cầu đúc số C4	Giáp ranh Tham Đôn	400
4	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Ngã 3 Trà Tim	Hết đất Chùa Salôn (Chùa Chén Kiểu)	1,800
		KV2-VT1	Giáp ranh Chùa Sà Lôn	Cống Sà Lôn	1,200
		KV2-VT2	Cống Sà Lôn	Giáp ranh xã Thạnh Phú	1,000
III	**Xã Thạnh Phú**				
1	Đường nhựa vào ấp Rạch Sên	KV2-VT2	Giáp Quốc Lộ 1A (đường loại 3)	Trường học Rạch Sên	330
2	Đường nhựa ấp Cần Đước	KV2-VT2	Suốt Đường		300
3	Đường đất trường Mẫu giáo Cần Đước (2 bên)	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ 1A	Vào 500 m	520
		KV1-VT3	Từ trên 500 m	Đến 700 m	370
4	Đường đất Khu 2	KV1-VT1	Quốc lộ 1A	Đến đường đan thứ I	1,100
		KV1-VT2	Đoạn còn lại	Đến cống khu 1	700
5	Đường đan khu 3	KV1-VT2	Quốc lộ 1A	Đến hết đất hãng nước đá Trung Tín	710
6	Đường đất khu 3	KV2-VT1	Giáp Lộ đan khu 3	Đến cống Rạch Sên	460
7	Đường Khu 4 xuống Phà Chàng Ghé	KV1-VT3	Quốc lộ 1A	Đến cống 4 Hơn	510
		KV2-VT1	Cống 4 Hơn	Đến ngã 4 khu 4	470
		KV2-VT2	Đoạn còn lại đến phà Chàng Ghé		420
8	Đường Rạch Bà Chuội	KV1-VT3	Suốt đường (đường loại 3)		550
9	Đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy	KV1-VT2	Suốt tuyến		850

10	Khu vực chợ Thạnh Phú	ĐB	Khu trung tâm chợ		3,500
11	Quốc lộ 1A (Cũ)	KV2 -VT 1	Hết đất Ngân hàng NN&PTNT	Sông Nhu Gia	2,500
		KV2-VT2	Sông Nhu Gia	Giáp Đường vào Khu căn cứ Tỉnh Uỷ	2,500
12	Quốc lộ 1A	ĐB	Cầu Cần Đước (đoạn Cầu Nhu Gia mới)	Giáp đường tỉnh 940	2,500
		KV1-VT1	Từ giáp đường 940	Qua Cống Sóc Bưng 200m	1,500
		KV2-VT1	Cầu Cần Đước	Giáp ranh xã Đại Tâm	1,000
		KV2-VT1	Đoạn còn lại		1,000
13	Đường tỉnh 940	KV2-VT1	Quốc lộ 1A	Ngã 4 Khu 4	600
		KV2-VT2	Giáp Quốc Lộ 1A (đường tỉnh 940)	Giáp Xã Lâm Kiết (Thạnh Trị)	300
IV	**Xã Thạnh Quới**				
1	Lộ đan vào Đay sô	KV2-VT1	Từ đầu hẻm vào 700 m		400
2	Lộ đan đi Bưng Thum	KV2-VT1	Vào 500 m		400
3	Khu vực chợ Hòa Khanh	KV1-VT3	Giáp Quốc lộ 1A	Đến chùa Trà Cuôn	600
4	Quốc lộ 1A (Khu vực chợ Thạnh Quới)	KV1-VT1	Cầu Xẻo Tra	Về hướng Thạnh Phú 500m	2,000
		KV1-VT2	Điểm cách cầu Xẻo Tra 500m về hướng Thạnh Phú	Về hướng Thạnh Phú 300m	1,300
		KV1-VT1	Cầu Lịch Trà	Về hai phía 1000 m	1,500
		KV2-VT1	Phần còn lại		1,000
5	Huyện lộ 20	KV2-VT1	Giáp Quốc Lộ 1A	Hết đất Nhà máy nước đá Trường Hưng	300
		KV2-VT2	Giáp ranh Nhà máy nước đá Trường Hưng	Giáp ranh xã Gia Hòa 2	200
V	**Xã Ngọc Tố**				
1	Đường tỉnh 936	KV2-VT2	Ranh xã Ngọc Đông	Cống Đập Đá	300
2	Đường tỉnh 936 B	KV2-VT1	Đường đal vào cầu Miễu Lẩm	Giáp ranh Hòa Tú 2	200

3	Khu Vực chợ Cổ Cò	ĐB	Khu trung tâm chợ (Giới hạn bởi: Kênh Cống đập đá, Sông Cổ Cò, Đường đal vào Cầu Miểu Lầm, Đường 936 và 936B)		1,100
VI	**Xã Ngọc Đông**				
1	Đường tỉnh 936	KV2-VT3	Từ phà Dù Tho	Đến ranh xã Ngọc Tố	200
2	Huyện Lộ 15	KV2-VT3	Ngã ba Hòa Thượng	Ranh xã Hòa Tú 1	200
VII	**Xã Hòa Tú 1**				
1	Huyện Lộ 15	KV2-VT3	Ranh xã Ngọc Đông	Ngã 3 Hòa Phuông	200
		KV2-VT3	Ranh xã Gia Hòa 1	Ranh xã Hòa Tú 2	200
VIII	**Xã Hòa Tú 2**				
1	Đường tỉnh 936B	KV2-VT3	Cầu Vàm Lẻo	Giáp ranh xã Ngọc Tố	200
2	Đường tỉnh 940 (đường tỉnh 04)	KV2-VT2	Giáp ranh Hoà Tú 1	Cầu Hòa Phú	200
		KV2-VT3	Cầu Hòa Phú	Sông Cổ Cò	300
3	Lộ đal Khu vực chợ Dương Kiển	KV1-VT2	Trạm y tế xã Hòa Tú 2	Đường tỉnh 940	700
4	Lộ Đal (qua cầu chợ)	KV2-VT3	Cầu chợ	Hết ranh đất chùa Bữu Linh	200
5	Lộ Đal (Hòa Nhờ A)	KV2-VT3	Đường tỉnh 940	Hết ranh đất bà Trần Thị Ánh (500m)	200
IX	**Xã Gia Hòa 1**				
1	Đường tỉnh 940 (đường tỉnh 04)	KV2-VT3	Phà Chàng Ghé	Ranh xã Hòa Tú 1	200
2	Đường huyện 18	KV2-VT3	Suốt tuyến		200
X	**Xã Gia Hòa 2**				
1	Khu vực trung tâm xã Gia Hòa 2	KV2-VT2	Cầu xã Gia Hòa 2	Hết đất trạm Y tế xã	300
2	Đường huyện 18	KV2-VT3	Hết đất UBND xã Gia Hoà 2	Đến giáp ranh Gia Hoà 1	200
3	Huyện lộ 20	KV2-VT3	Cầu Cà Lăm	Giáp ranh Bạc Liêu	200
XI	**Xã Tham Đôn**				
1	Huyện lộ 14	KV2-VT1	Ranh thị trấn Mỹ Xuyên	Ngã 3 Vũng Đùng	400
			Ngã 3 Vũng Đùng	Hết đất Chùa Tắc Gồng	200

2	Đường tỉnh 936	KV2-VT1	Hết đất UBND xã Tham Đôn	Xuống Phà Dù Tho	200
			Ngã 3 Vũng Đùng	Giáp ranh xã Đại Tâm	200
3	Lô Cần Giờ 1	KV2 - VT1	Giáp đường 936	Ranh TP Sóc Trăng	400
C	**HUYỆN MỸ TÚ**				
I	**Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa**				
1	Trần Hưng Đạo	6	Ranh xã Long Hưng	Kênh 3 Vợi	250
		5	Kênh 3 Vợi	Hết ranh đất nhà 6 Cao	500
		4	Giáp ranh đất nhà 6 Cao	Kênh Ông Quân	750
		3	Kênh Ông Quân	Đập Chín Lời	1,000
		2	Đập Chín Lời	Hết ranh UBND thị trấn	1,500
		1	Giáp ranh UBND thị trấn	Cầu 3 Thắng	3,600
		3	Cầu 3 Thắng	Đập 6 Giúp	1,000
		5	Đập 6 Giúp	Ranh xã Mỹ Tú	500
2	Đ. Phạm Ngũ Lão	1	Phía trái nhà lòng chợ		2,700
3	Đ. Nguyễn Đình Chiểu	1	Phía phải nhà lòng chợ		2,300
4	Đ. Lý Thường Kiệt	1	Đ. Hùng Vương	Hết ranh đất nhà bà Bé	1,350
5	Đ. Hùng Vương	2	Đường Điện Biên Phủ	Đường Trần Phú	1,000
		1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường tỉnh 940	2,000
		3	Đuiờng tỉnh 940	Cầu 1/5 (huyện đội)	1,100
6	Đường Lê Thánh Tông	1	Suốt tuyến		1,000
7	Đường Ngô Quyền	1	Cầu 3 Thắng	Cầu 2 Minh	1,350
8	Chưa có tên đường	1	Cầu 3 Thắng	Nhà lồng chợ mới	1,350

9	Đường huyện 27	1	Cầu 1/5	Cầu Béc Trang	250
		2	Cầu Béc Trang	Giáp ranh xã Mỹ Tú	150
10	Đường Võ Thị Sáu	1	Cầu Bệnh Viện	Đê Bé Bùi	170
11	Đường Trần Phú	1	Cầu nhà trẻ	Cầu bệnh viện	1,000
		2	Cầu Bệnh viện	Kênh Út Biện	200
		3	Kênh Út Biện	Ranh xã Mỹ Tú	150
12	Đường Đồng Khởi	1	Cầu nhà trẻ	Ranh xã Mỹ Hương	200
13	Chưa có tên đường	1	Cầu nhà trẻ	Ranh xã Long Hưng	150
14	Đường 3/2	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	700
15	Đường 30/4	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	600
16	Đ. Huỳnh Văn Triệu	1	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ	500
17	Đường Lý Tự Trọng	1	Đường 3/2	Đường 30/4	500
18	Chưa có tên đường	1	Đường 30/4 đến đường Hùng Vương (cặp nhà ông 5 Đờn, số nhà 181)		500
19	Đường Quang Trung (Đ. Tỉnh 940)	2	Ranh xã Long Hưng	Cầu Sáu Xôi	300
		1	Cầu Sáu Xôi	Đường Hùng Vương	500
		2	Cầu 2 minh	Ranh xã Mỹ Tú	300
20	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường 30/4	Đường 3/2	1,000
21	Đường tỉnh 939	1	Đường Quang Trung (ĐT 940)	Cầu 1/5 (huyện đội)	300
		2	Cầu 1/5 (huyện đội)	Ranh xã Mỹ Tú	200
22	Đ. TT xã Long Hưng	1	Cống thị trấn	Ranh xã Long Hưng	250
23	Lộ Dal	1	Tuyến còn lại		140
II	**Xã Mỹ Hương**				
1	Chưa có tên đường	ĐB	Đường cầu Xẻo Gừa vào chợ và 2 dãy bên nhà lòng chợ		900

2	Chưa có tên đường	KV1-VT2	Lộ mới từ đường tỉnh 939	Giáp đường lộ cũ (vào chợ)	500
3	Đường tỉnh 939.	KV2-VT1	Giáp ranh xã An Ninh	Hết ranh đất Trạm Bưu điện	300
		KV1-VT1	Giáp ranh Trạm bưu điện (hướng về Sóc Trăng)	Cầu Xẻo Gừa	700
		KV1-VT1	Cầu Xẻo Gừa	Hết ranh đất ông Tuấn	700
		KV1_VT1	Giáp Ranh đất ông Tuấn	Cầu bà Lui	500
		KV2-VT1	Cầu Bà Lui	Kênh Ba Anh	350
		KV2-VT1	Kênh Ba Anh	Giáp ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	500
4	Đường tỉnh 939B.	KV2-VT2	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Hết ranh đất Trạm Viễn thông	250
		KV1-VT2	Giáp ranh Trạm viễn thông	Giáp ranh TT-HHN	450
5	Đường ôtô đến trung tâm xã Long Hưng	KV2-VT2	Đường tỉnh 939B	Kinh rau Cần	200
6	Lộ Đal	KV1-VT1	Cầu Xẻo Gừa	Trường mẫu giáo (Xóm Lớn).	400
		KV1-VT1	Cầu Xẻo Gừa	Cầu ông Tám Bầu	300
		KV1-VT2	Ủy ban cũ	Kho phân 6 Địa	300
		KV1-VT3	Giáp ranh chợ Xẻo Gừa	Hết ranh đất bà Trịnh Ngọc Ba	300
		KV2-VT1	Giáp ranh đất bà Trị Thị Ba	Lộ Quẹo cũ	250
		KV2-VT2	Lộ Quẹo cũ	Ranh xã An Ninh	200
III	**Xã Mỹ Phước**				
1	Đường huyện lộ 25.	KV1-VT1	Kinh số 3 (Ranh xã Mỹ Thuận)	Cầu 8 Tinh	150
		KV1-VT1	Cầu 8 Tinh	Hết ranh đất Trường THCS	180
		KV1-VT2	Giáp Trường THCS	Ranh huyện Ngã 5	150
2	Đường huyện 30.	KV2-VT2	Suốt tuyến		120
3	Đường ôtô trung tâm xã Hưng Phú	KV2-VT2	Đường huyện 30	Ranh xã Hưng Phú	140

4	Đường tỉnh 939	KV2-VT2	Mố cầu kinh 8 thước	Đi Long Tân 300m	140
		KV2-VT2	Đoạn còn lại		140
5	Khu vực chợ	KV1-VT1	Các lộ bên dãy nhà lồng chợ		250
IV	**Xã Mỹ Thuận**				
1	Đường Tỉnh 938.	KV2-VT1	Ranh xã Thuận Hưng	Hết ranh đất Trạm cấp nước (Tam Sóc A)	250
		KV1–VT1	Giáp trạm cấp nước (Tam sóc A)	Sông Nhu Gia, và Cầu Mỹ Phước	300
2	Đường Tỉnh 940.	KV1-VT1	Ranh xã Mỹ Tú	Cầu Cái Trầu mới	250
			Cầu Cái Trầu mới	Ranh huyện Thạnh Trị	200
3	Lộ đi khu căn cứ.	KV2-VT1	Đường tỉnh 940	Ranh xã Mỹ Phước (Cầu kinh số 3)	150
4	Đường Rạch Rê	KV2-VT2	Suốt tuyến		150
V	**Xã Thuận Hưng**				
1	Đường Tỉnh 939.	KV1-VT1	Cầu trắng	Hết ranh đất Trạm bơm	1,000
2	Đường Tỉnh 938	KV1-VT1	Cầu trắng	Giáp ranh Cầu Trà Lây 1	600
		KV2-VT2	Cầu Trà Lây 1	Giáp ranh Kênh Tà Chum	300
		KV2-VT2	Kênh Tà Chum	Kênh Tam Bình	200
3	Đường Huyện 31.	KV2-VT1	Cầu Đồn	Giáp ranh Cầu Ngang	200
		KV2-VT3	Cầu Ngang	Đường Tỉnh 938	150
VI	**Xã Long Hưng**				
1	Đường huyện 26	KV2-VT2	Ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	Ranh Quản lộ Phụng Hiệp	150
		KV2-VT1	Ranh Quản lộ Phụng Hiệp	Cầu qua UB Xã	200
		KV2-VT2	Giáp Cầu qua UB xã	Kênh 1/5	200
		KV2-VT3	Kênh 1/5	Kênh Đập Đá	150
2	Huyện lộ 32.	KV1-VT1	Đường Ô tô trung tâm xã	Giáp ranh Quản lộ Phụng Hiệp	150

		KV1-VT2	Ranh Quản lộ Phụng Hiệp	Đến ranh huyện Châu Thành.	120
3	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	KV2-VT1	Cầu Kinh Chùa	Kênh 1/5	300
		KV2-VT2	Đoạn còn lại của Quản Lộ Phụng Hiệp		250
4	Đường Ô tô đến TT xã	KV2-VT1	Suốt tuyến		200
5	Đường 940	KV2 - VT2	Giáp Quản lộ Phụng Hiệp	Kênh Hai Bá	300
		KV2 - VT2	Kênh Hai Bá	Ranh TT Huỳnh Hữu Nghĩa	250
6	Lộ đal	KV2-VT2	Cầu UBND Xã	Đường ôtô trung tâm	200
VII	**Xã Hưng Phú**				
1	Đường huyện 26	KV1-VT1	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	120
		KV2-VT2	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	150
		KV1-VT2	Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	120
		KV2-VT3	Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	120
2	Quốc lộ Quản lộ Phụng Hiệp	KV1-VT2	Kênh Đập Đá	Kênh Bắc Bộ	200
		KV1-VT1	Kênh Bắc Bộ	Kênh Miễu	250
		KV1-VT2	Kênh Miễu	Kênh Chín Mùi	200
		KV1-VT2	Kênh Chín Mùi	Kênh Ka Rê	200
3	Đường Ô tô đến TT xã	KV2-VT2	Ranh UBND xã	Cầu Kênh 1000	160
		KV2-VT2	Cầu Kênh 1000	Cầu Nguyễn Việt Hồng	140
		KV2-VT2	Cầu Nguyễn Việt Hồng	Ranh xã Mỹ phước	140
VIII	**Xã Mỹ Tú**				
1	Đường huyện 27.	KV2-VT2	Ranh thị trấn	Hết ranh đất nhà ông Hai Lích	120
		KV2-VT2	Giáp ranh nhà ông Hai Lích	Cầu Mai Văn Thời (cầu xã)	140
2	Đường Bê Tông.	KV1–VT1	UBND xã Mỹ Tú	Hết đất Trường mẫu giáo xã Mỹ Tú	120

3	Đường huyện 30.	KV2-VT1	Cầu Tám Lương	Ranh xã Mỹ Phước	120
4	Đường tỉnh 940.	KV2-VT1	Giáp ranh thị trấn	Cầu Cây Công	250
		KV2-VT1	Cầu Cây Công	Ranh xã Mỹ Thuận	220
5	Đường tỉnh 939	KV2-VT1	Ranh thị trấn	Ranh xã Mỹ phước	200
IX	**Xã Phú Mỹ**				
1	Đường Tỉnh 939	KV2-VT1	Cầu Trắng	Hết ranh Đồn công tác CT28	300
		KV2-VT2	Giáp ranh Đồn công tác CT28	Cầu Phú Mỹ 2	200
		KV1-VT1	Cầu Phú Mỹ 2 đi Đại Tâm 650m		400
		KV2-VT2	Cầu Phú Mỹ 2 đi Đại Tâm 650m	Giáp ranh xã Đại Tâm	200
2	Đường huyện 12	KV2-VT2	Ranh Đường Tỉnh 939	Hết đất Nhà ông Tăng Sơn	150
		KV2-VT2	Giáp đất Nhà ông Tăng Sơn	Rạch Rê	120
3	Lộ đal Phú Tức	KV2-VT1	Ranh phường 2, TPST	Hết đất nhà ông Danh Sết	300
			Giáp ranh đất ông Danh Sết	Hết ranh đất ông Sơn Hoài	250
4	Lộ đal	KV2-VT1	Hai bên nhà lồng chợ Phú Mỹ		350
		KV2 - VT2	Đường tỉnh 939	Kênh 2	150
D	**HUYỆN KẾ SÁCH**				
I	**Thị trấn Kế Sách**				
1	Đường 30/4 (trên đất liền)	1	Hết ranh đất nhà thầy Lén	Cầu sắt	4,200
2	Đường Ung Công Uẩn	1	Đầu cầu An Mỹ	Ngã tư Ung Công Uẩn	2,800
		2	Ngã Tư Ung Công Uẩn	Giáp Huyện lộ 2	700
3	Đường Phan Văn Hùng	2	Giáp Đường Tỉnh 932	Ngã tư Ung Công Uẩn	1,300
		1	Ngã tư Ung Công Uẩn	Cầu sắt Kế Sách	1,800
		3	Cầu sắt Kế Sách	Cầu Trắng	800

4	Đường Tỉnh 932	1	Giáp đường Phan Văn Hùng	Hết ranh đất Nghĩa trang Huyện	1,200
		2	Hết đất bà Yến (Giáp ranh đất Nghĩa trang Huyện)	Cầu NaTưng	600
5	Đường 3/2	1	Suốt đường		2,800
6	Đường Bạch Đằng	1	Suốt đường		1,500
7	Đường Nguyễn Văn Thơ	1	Suốt đường		3,000
8	Đường Lê Văn Lợi	1	Suốt đường		900
9	Đ. Nguyễn Trung Tĩnh	1	Suốt đường		900
10	Hẻm 1 (Vũ Hùng - 6 Gấm)	1	Suốt đường		1,500
11	Hẻm 2 (Quân Điện tử)	1	Suốt đường		750
12	Hẻm 3 (bà Giàu)	1	Suốt đường		600
13	Hẻm 4 (Điện lực cũ)	1	Suốt đường		1,200
14	Đường Thiều Văn Chỏi	1	Suốt đường		1,000
15	Đường Lê Lợi	1	Suốt đường		900
16	Đường Huyện 5	1	Cầu An Mỹ	Trạm xăng dầu	1,500
		1	Trạm xăng dầu	Cống Mười Mót	1,000
		2	Cống Mười Mót	Cống Trại cá	600
17	Khu Dân cư - Thương mại	1	Khu A, K1, K2, I1, I2, G1, G2, E1, F1, F2		2,500
		2	Khu H1, H2, E2		2,000
		3	Khu B, C, D		1,500
18	Đ. Nguyễn Hoàng Huy	1	Suốt đường		400
19	Đường Huyện 2	1	Giáp đường tỉnh 932 (Phía trên đất liền)	Cống kênh Nổi	350
		2	Giáp đường tỉnh 932 (Phía bên kênh)	Cống kênh Nổi	300
		2	Cầu kênh Nổi	Cầu Bưng Tiết (KếThành)	300

20	Đường xuống bến đò	1	Bến đò	Giáp Đường Huyện 5	1,000
21	Lô Đal ấp An Khương	1	Hết đất ông Nam Công An	Rạch Bưng Túc	250
22	Đường Đal tái định cư Phương Nam	1	Giáp Đường Ung Công Uẩn	Giáp Đường Thiều Văn Chỏi	280
23	Đường Vòng cung	1	Hết đất Trường Tiểu Học Kế Sách 1	Cầu Trắng (đất liền)	400
		2	Giáp ranh đất Khu tập thể Trường Tiểu Học Kế Sách 1	Cầu Trắng (bên kênh)	200
24	Hẻm Ông Húa	1	Hết ranh đất Bác sĩ Ngoan	Cuối hẻm	350
25	Hẻm ông Tào Cua	1	Hết ranh đất ông Tào Cua	Cuối hẻm	350
26	Đường Đal ấp An Ninh 2	1	Cầu rạch bà Tép (giáp ranh ấp An Nghiệp)	Hết ranh đất ông Hai Hải	250
		1	Giáp ranh đất ông Hai Hải	Hết ranh đất ông Ba Thai	250
27	Đường Đal Ấp An Ninh 1	1	Cầu Thanh Niên	Hết ranh đất ông Cẩn	250
28	Đường Đal Ấp An Thành	1	Đường đal nội bộ ấp An Thành		250
29	Đường Đal Ấp An Phú	1	NaTưng	Hết ranh đất Út Hoà	250
30	Đường Trường Tiểu học Kế Sách 2	1	Giáp ranh đất ông Đường (đường Phan Văn Hùng)	Giáp Huyện lộ 2	350
31	Đường đal An Định	1	Các hẻm nội bộ		250
32	Đường đal nhà thầy Khen	1	Hết đất bà Kiết	Hết đất ông Viễn	250
33	Đường đal Trường cấp 3	1	Giáp đường Vòng cung	Ranh trường Cấp 3	250
34	Đường đal nhà ông Tư Khánh	1	Hết ranh đất ông Tư Khánh	Hết ranh đất bà Sum	250
35	Đường nhà ông Tăng Hữu Hạnh	1	Giáp ranh đất ông Khôi	Hết ranh đất ông Tăng Hữu Hạnh	250
36	Hẻm Bệnh viện	1	Giáp đường tỉnh 932	Hết ranh đất ông Luận	250
37	Đường đal An Ninh 2 (dọc sông số 1)	1	Giáp đường Nguyễn Hoàng Huy	Hết ranh đất Trạm xăng dầu Sóc Trăng	250
38	Hẻm Phở Anh Thư	1	Giáp ranh đất Phở Anh Thư	Đến ranh hết đất nhà bà Sang	250
39	Hẻm nhà ông Thạch Thế Phương	1	Hết ranh đất bà Tuyết	Hết ranh đất Cô Oanh	500

40	Hẻm nhà ông Khải chụp hình	1	Giáp ranh đất ông Khải	Giáp KDC thương mại	500
41	Đường đal nhà ông Hoành	1	Giáp ranh đất nhà ông Hoành	Bờ sông quán Hoàng Vy	500
42	Các hẻm tiếp giáp đường Lê Văn Lợi	1	Giáp ranh đất ông Thọ	Hết ranh đất nhà ông Cường	600
		1	Hết ranh đất bà Hạnh	Hết ranh nhà ông Mã Lắng	600
		1	Hết ranh đất nhà ông Lượng Tạp hóa	Hết ranh đất nhà	900
43	Các hẻm tiếp giáp đường 3/2	1	Hết ranh đất ông Hoàng Anh	Giáp ranh đất Trung tâm Dân số	600
		1	Hết ranh đất ông Việt	Hết ranh đất nhà bác sỹ Phước	600
		1	Hết đất ông Sa	Hết đất ông Dũng	600
44	Đường bên kênh Tập Rèn (đối diện đường Phan Văn Hùng)	1	Cầu Thanh niên	Giáp Kênh Cầu Trắng	250
45	Đường nhà máy ông Châu (dọc kênh Số 1 - ấp An Ninh 1)	1	Cầu Thanh niên	Hết đất Chùa Vân Trung	250
II	**Xã Kế Thành**				
1	Đường Huyện 2	KV2-VT2	Cầu Bưng Tiết	Cầu Kế Thành	350
III	**Xã Kế An**				
1	Đường Huyện 2	KV2-VT2	Cầu số 1	Cầu Kế Thành	350
IV	**Xã Trinh Phú**				
1	Đường Huyện 3	KV2-VT2	Suốt đường		400
2	Đường Tỉnh 932	KV2-VT2	Suốt đường		400
V	**Xã Xuân Hòa**				
1	Đường Tỉnh 932B	KV2-VT3	Cầu Rạch Bần	Hết ranh đất nhà ông Bửu	150
			Hết ranh đất nhà ông Bửu	Giáp ranh xã Ba Trinh	150
VI	**Xã An Lạc Thôn**				

1	Đường chính	1	Cầu Công An	Sông Hậu	3,500
2	Đường chợ chính	1	Cầu Công An	Hết ranh đất Hoàng Ba	2,500
		2	Hết đất ông Dư (nước đá)	Hết ranh đất Chùa Bà	2,000
		2	Hết ranh đất ông Sành	Hết ranh đất ông Tư Minh	2,000
		3	Hết ranh đất Tiệm vàng Hồng Nguyên	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	1,200
		4	Hết đất bà Bảy Lành (giáp ranh Chùa Bà)	Cầu Kênh Đào	1,000
3	Đường Tỉnh 932B	1	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cống Rạch Bối	800
		2	Cống Rạch Bối	Cầu Rạch Bần	500
4	Đường bờ sông	1	Hết ranh đất Nguyễn Văn Lợi	Ngã Ba Tám Khải	800
		1	Hết ranh đất bà Diệp Ngọc Oanh	Sông Cái Côn	900
5	Đường vô phân viện	1	Hết ranh đất ông Quốc Lương	Hết ranh đất Mười Kết	1,000
6	Quốc lộ Nam Sông hậu (đất ODT)	1	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Mương Khai (phía bên lộ)	1,000
		2	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Mương Khai (phía bên kênh)	800
		1	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Hết đất Trường cấp 3	1,000
		1	Ngã 4 Quốc Lộ Nam Sông Hậu	Hết ranh đất Mai Văn Dũng	1,000
7	Đường đal Trường Tiểu học	1	Giáp ranh đất Nhà nghỉ Duy Thành	Hết đất Trường Tiểu học	600
8	Đường đal Trường Trung học	1	Giáp ranh đất ông Huỳnh Hữu Thoại	Hết ranh đất Trường Trung học	600
9	Hẻm Bà Bảy Uốn tóc	1	Hết ranh đất bà Trần Thị Thanh Quốc	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hoàng	600
10	Hẻm Tư Râu	1	Hết đất La Thanh Long	Sông Hậu	600
11	Hẻm ông Mong	1	Hết đất Nguyễn Văn Hổ	Sông Hậu	600
12	Hẻm ông Lón	1	Hết ranh đất Trần Thị Huệ	Sông Hậu	600
13	Hẻm Bà Đẹp	1	Hết ranh đất Trần Thị Đẹp	Sông Hậu	600

14	Hẻm 7 Giảng	1	Hết ranh đất Bảy Giảng	Hết đất Nguyễn Văn Út	600
15	Hẻm Ba Thích	1	Hết đất Trương Thanh Tòng	Hết đất Trần Văn Sướng	600
16	Hẻm Út Miễu	1	Hết ranh đất Lê Thị Nhỏ	Hết đất Đinh Thị Thanh Trúc	600
17	Hẻm Út Canh chua	1	Hết ranh đất Lê Văn Hiền	Hết ranh đất Trần Văn Ý	600
18	Hẻm Ủy ban	1	Hết ranh đất Hà Văn Buôl	Hết ranh đất Trần văn Tha	600
19	Quốc lộ Nam Sông Hậu (ONT)	KV1-VT3	Mương Khai	Phèn Đen	600
VII	**Xã Phong Nẫm**				
1	Khu vực xã	KV2-VT3	Hết đất Trụ sở UBND xã	Hết đất tổ Điện lực	250
		KV2-VT3	Giáp ranh đất Trụ sở UBND xã	Hết ranh đất 4 Suôl	250
		KV2-VT3	Hết đất trường Tiểu học	Cầu Bà Xe	250
2	Đường nhựa	KV2-VT3	Giáp ranh đất Tổ Điện lực	Bến phà ông Khiêm	200
VIII	**Xã An Mỹ**				
1	Khu vực chợ	KV2-VT2	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cống Ba Công	350
		KV2-VT3	Cống Ba Công	Cầu Đình	250
2	Đường huyện 5	KV2-VT3	Cống Trại Cá	Cầu Hai Lép	150
		KV2-VT3	Cầu Hai Lép	Cầu Đình	250
		KV2-VT3	Cầu Đình	Giáp ranh xã Hậu Thạnh	250
IX	**Xã Đại Hải**				
1	Chợ Mang cá	KV1-VT3	Hết đất Trụ sở UBND xã	Hết đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	600
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Chùa Cao Đài Phụng Thiên	Voi Ba đen	350

		KV1-VT3	Khu vực nhà lồng chợ		600
2	Đường Huyện 3	KV2-VT2	Cầu Mang cá 2	Giáp ranh xã Ba Trinh	350
3	Đường Huyện 2	KV2-VT1	Cầu Mang cá 1	Hết đất ông hai Đực (về hướng Quốc lộ 1)	550
		KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Hai Đực	Cống Vũ Đảo	350
		KV1-VT1	Cống Vũ Đảo	Cầu Ba Rinh	1,000
		KV2-VT2	Giáp ranh đất UBND xã	Hết đất Chùa Cao Đài Ngọc Tiên An	350
		KV2-VT2	Giáp ranh đất Chùa Cao Đài Ngọc Tiên An	Cầu Kế An	400
4	Đường Đal Vườn cò	KV2-VT3	Cầu Kế An hướng về vườn cò	Hết đất ông Chính	250
5	Khu vực chợ Cống Đôi	KV1-VT3	Hết đất đất ông Thường (hướng cầu kênh Ngọc Lý)	Hết ranh đất ông Đắc	600
6	Quốc lộ 1A	KV1-VT1	Cầu Ba Rinh	Cống 7 Nhờ	1,200
		KV1-VT1	Cống 7 Nhờ	Cống 1 Đông Hải	1,000
		KV1-VT1	Cống 1	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	1,200
		KV1-VT2	Cầu Ba Rinh	Giáp ranh thị xã Ngã Bảy	800
7	Đường Mang Cá-Đại Thành	KV2-VT2	Cầu Mang Cá - Đại Thành	Giáp ranh xã Đại Thành	350
8	Khu Tái định cư Quốc lộ 1A	KV1-VT2	Suốt tuyến		800
9	Khu tái định cư tự phát ấp Đông Hải	KV2-VT1	Suốt tuyến		350
X	**Xã Ba Trinh**				
1	Khu vực trung tâm xã	KV2-VT2	Cầu Đường Trâu	Hết ranh đất ông Nguyễn Thành Công	400
		KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Nguyễn Thành Công	Rạch Thành Văn Buôl	300
		KV2-VT2	Đài Tưởng Niệm	Cầu Sông Rạch Vọp	350
		KV2-VT2	Đường đal Cầu Sông Rạch Vọp đi Trạm Y tế	Đài Tưởng Niệm	400
2	Đường huyện 3	KV2-VT2	Suốt đường		350

3	Đường Tỉnh 932B	KV2-VT3	Giáp ranh xã Đại Hải	Giáp ranh Xã Xuân Hòa	150
XI	**Xã Thới An Hội**				
1	Chợ Cầu Lộ	ĐB	Dãy A,B,C từ nhà ông Phạm Văn Tho	Hết đất ông Nguyễn Văn Hùm - Nguyễn Văn Vem - Nguyễn Thanh Tâm	2,000
2	Đường Huyện 3	KV1-VT1	Hết đất Trụ sở UBND xã	Cầu 8 Chanh	1,750
		KV1-VT2	Cầu 8 Chanh	Cầu Xóm Đồng	800
		KV1-VT3	Cầu Xóm Đồng	Giáp ranh xã Trinh Phú	600
		KV1-VT3	Cầu Thới An Hội	Cầu Vàm mương	500
		KV2-VT2	Cầu Vàm mương	Giáp ranh xã An Lạc Tây	350
3	Đường vòng cung Trường mẫu giáo	KV1-VT1	Giáp Tỉnh lộ 932	Giáp Huyện lộ 3	1,200
4	Đường tỉnh lộ 932	KV1-VT1	Ngã 3 UBND xã	Cầu 2 Vọng	1,000
		KV2-VT2	Cầu 2 Vọng	Cầu 10 Xén	400
		KV2-VT2	Cầu 10 xén	Cầu Chệt Tịnh	300
		KV2-VT1	Cầu Chệt Tịnh	Giáp rahh TT Kế Sách	550
5	Đường huyện 1	KV2-VT1	Suốt tuyến		500
6	Khu vực chợ cũ	KV2-VT3	Cầu đối diện UBND xã	Hết ranh đất Nhà Thờ Tin Lành	250
7	Đường đal Cầu Trắng	KV2-VT3	Cầu Trắng	Hết ranh đất ông Sum	150
XII	**Xã An Lạc Tây**				
1	Chợ An Lạc Tây	KV1-VT1	Hết ranh đất bà Chi	Hết ranh đất ông Đại	1,000
		KV1-VT1	Giáp ranh đất ông Đại	Giáp Quốc lộ NSH (đường Cầu Sáu Ú)	1,000
2	Đường huyện 3	KV1-VT2	Giáp ranh đất Nhà bà Chi	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	750
		KV2-VT1	Ngã 4 Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Thị Hồ (giáp xã Thới An Hội)	500
3	Đường đal chợ Trà Ếch	KV2-VT3	Cầu Trà Ếch	Hết ranh đất nhà ông Hoài	150
4	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV2-VT1	Cầu Trà Ếch	Cống Hai Liềm	500

		KV1-VT2	Cống Hai Liềm	Cầu Rạch Vọp	700
		KV2-VT1	Cầu Rạch Vọp	Cầu Phèn Đen	500
XIII	**Xã Nhơn Mỹ**				
1	Khu vực chợ	KV1-VT1	Hết đất Bưu điện UBND xã cũ	Hết ranh đất chùa Hiệp Châu	1,000
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Chùa Hiệp Châu	Cầu tàu	750
		KV1-VT2	Cầu tàu	Giáp Quốc lộ Nam Sông Hậu	700
2	Đường xuống bến phà	KV1-VT2	Giáp Quốc lộ Nam sông Hậu	Bến phà mới	700
		KV1-VT2	Giáp Quốc lộ NSH	Ngã 4 Bến phà cũ	800
		KV1-VT2	Ngã 4 bến phà cũ	Bến phà cũ	700
		KV1-VT2	Cầu tàu	Ngã tư bến phà cũ	800
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Cầu Rạch Mọp	Cầu Mương Khai	700
		KV1-VT3	Cầu Mương Khai	Cống 5 Khù	600
		KV1-VT2	Cống 5 Khù	Cầu Trà Ếch	700
4	Đường huyện 1	KV2-VT1	Giáp Quốc lộ NSH	Cầu Trâm Bầu	500
		KV2-VT2	Cầu Trâm Bầu	Cầu Mỹ Hội	400
E	**HUYỆN THẠNH TRỊ**				
I	**Thị trấn Phú Lộc**				
1	Đường Văn Ngọc Chính	1	Cầu Phú Lộc	Đường Lý Thường Kiệt	3,100
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	2,500
		3	Đường Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Ông Chánh	800
		4	Cầu Phú Lộc	Ngã ba kênh Bào Lớn	750
2	Đ. Nguyễn Văn Trỗi	1	Quốc Lộ 1A	Cầu Bào Lớn	800
3	Đường 1/5	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3,100

4	Đ. Nguyễn Đức Mạnh	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	3,000
5	Đường Trần Hưng Đạo	1	Quốc Lộ 1A	Đường Lý Thường Kiệt	3,000
		2	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Trung Trực	1,500
6	Đường Lý Thường Kiệt	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2,700
7	Quốc lộ 1A	1	Đầu đường Nguyễn Huệ	Hết đất UBND Huyện	2,600
		2	Cầu Xẻo Tra	Đầu đường Nguyễn Huệ	2,430
		3	Hết ranh đất UBND huyện	Đầu Hẻm 10	1,700
		4	Đầu hẻm 10	Hẻm 12	1,400
		5	Hẻm 12	Ngã 3 đường 937B	1,200
		6	Ngã 3 đường 937B	Cầu Nàng Rền	950
8	Đường cặp công Viên	1	Hết ranh đất ông Nguyễn Ngọc Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Phước Tài	1,500
10	Đường 30/4	1	Quốc lộ 1A	Đường Nguyễn Trung Trực	2,500
		2	Đ. Nguyễn Trung Trực	Cầu 30/4	900
		3	Cầu 30/4	Hết ranh đất ông Võ Thành Lực	400
10	Lộ Rẫy Mới	1	Giáp ranh đất ông Võ Thành Lực	Giáp Ranh TT Hưng Lợi	250
11	Đường Điện Biên Phủ	1	Đường Văn Ngọc Chính	Đường 30/4	2,100
12	Đường Lý Tự Trọng	1	Quốc Lộ 1A	Bệnh Viện Đa Khoa	1,800
13	Đường Ngô Quyền	1	Cầu Phú Lộc	Đ. Nguyễn Trung Trực	1,400
		2	Đ. Nguyễn Trung Trực	Cuối đường (Miếu Bà)	800
14	Đường Nguyễn Huệ	1	Quốc Lộ 1A	Kênh Trạm Quản Lý Thuỷ nông	1,560
		2	Kênh Trạm Quản Lý Thuỷ nông	Giáp Ranh xã Thạnh Trị	900
15	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Đường Nguyễn Huệ	Đường 30/4	2,000

16	Đường trần Văn Bảy	1	Đầu đường Trần Văn Bảy	Giữa kinh KT13	900
		2	Giữa kinh KT13	Giáp ranh đường Huyện 1	700
17	Đường Cách Mạng Tháng 8	1	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Nguyễn Nam Sơn	850
18	Đường Trần Phú	1	Suốt đường		1,500
19	Đường Huyện 1	1	Đầu cầu Xẻo Tra	Hết ranh cống Thái Văn Ba	400
		2	Giáp ranh cống Thái Văn Ba	Giáp ranh xã Tuân Tức	300
20	Đường Tỉnh 937B	1	Quốc Lộ 1A	Cầu Trắng	400
21	Lộ ấp Phú Tân	1	Ranh xã Thạnh Quới	Giáp ranh xã Tuân Tức	200
22	Lộ ấp Bào Lớn	1	Cầu Bào Lớn	Giáp ranh xã Châu Hưng A, Bạc Liêu	250
23	Đường vành đai	1	Cầu 30/4	Hẻm 10	600
		2	Hết hẻm 10	đường tỉnh 937B	450
24	Tuyến cặp sông (cặp QL 1A)	1	Đầu ranh đất bà Lý Thị Hoài	Hết ranh đất ông Lâm Văn Đức	350
25	Lộ ấp Thạnh Điền	1	Cầu Bào Lớn	giáp ranh xã Thạnh Quới	200
II	**Xã Thạnh Trị**				
1	Đường tỉnh 937	KV2-VT1	Ranh thị trấn Phú Lộc	Cống số 2 (Hết đất ông Ba Việt)	900
		KV2-VT1	Giáp ranh đất ông Ba Việt	Giáp đất Đình Trương Hiền	700
		KV2-VT2	Hết ranh đất Đình Trương Hiền	Cầu Sa Di	500
		KV2-VT2	Cầu Sa Di	Giáp ranh xã Thạnh Tân	350
2	Đường Huyện 5	KV2-VT2	Giáp Ranh Xã Vĩnh Thành	Ranh xã Tuân Tức	300
3	Lộ Rẫy Mới	KV2-VT3	Đầu Vàm Xáng (Đầu ấp Rẫy Mới)	Giáp Ranh TT Hưng Lợi	250
4	Lộ kinh 8 thước	KV2-VT3	Cầu bà Nguyệt	Ranh xã Thạnh Tân	150
III	**Xã Tuân Tức**				
1	Đường Huyện 1	KV1-VT1	Giáp ranh Phú Lộc	Hết Trường THCS Tuân Tức	250

		KV1-VT1	Giáp Trường THCS Tuân Tức	Hết đất Nhà máy Lai Thành	300
		KV1-VT2	Giáp ranh Nhà máy Lai Thành	Giáp ranh xã Thạnh Tân	200
		KV1-VT1	Hết đất ông Lý Cuội	Cầu Chùa Mới Trung Hoà	300
2	Đường Huyện 5	KV1 - VT1	Giáp ranh xã Thạnh Trị	Hết đất bà Quách Thị Buối	250
		KV1-VT1	Giáp ranh đất bà Quách Thị Buối	Hết đất nhà Lý Sà Rương	250
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Lý Sà Rương	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
3	Đường Huyện 2	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Lý Ưng	Giáp ranh xã Lâm Tân	220
4	Lộ ấp Trung Thành	KV2-VT1	Kênh 10 Quởn	Giáp ranh Phú Lộc	200
5	Lộ ấp Trung Hoà	KV1-VT1	Chợ Mới	Hết ranh đất Thạch Hưng	300
		KV2 - VT1	Đầu ranh đất Nhà Dương Lê	Cầu Thanh Niên	250
6	Lộ Trung Hoà - Trung Bình	KV2 - VT1	Ranh đất ông Lý Cuội	Cầu Chợ Mới Trung Bình	250
IV	**Xã Vĩnh Lợi**				
1	Đường Tỉnh 937B	KV2-VT1	Ranh xã Vĩnh Thành (Tư duyên)	Giáp ranh đất Sân Bóng	350
		KV1-VT2	Hết đất Sân Bóng	Cầu Chợ	500
		KV1-VT2	Cầu Chợ	Hết đất ông Trần Văn Dự	500
		KV1 - VT3	Ranh đất ông Trần Văn Dự	Kênh Nàng Rền	400
		KV2 - VT1	Kênh Nàng Rền	Cầu Bờ Tây (Mỹ Quới)	300
2	Khu Chợ	KV1-VT1	Cầu Chợ	Cầu Miễu	500
			Cầu Miễu	Hết đất ông Trần Văn Đường	400
			Cầu Thanh Niên	Giáp đường tỉnh 937B	500
3	Các ấp còn lại	KV2-VT1	Ranh đất ông Trần Văn Đường	Giáp Ranh Kinh ông Tà	300
		KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	Giáp Cầu 13 xã Châu Hưng	250

		KV2-VT1	Cầu Nàng Rền (giáp đường tỉnh 937B)	Hết kinh 15	300
		KV2-VT1	Cầu Nàng Rền (giáp đường tỉnh 937B)	Hết kinh 14	300
		KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Nguyễn Thị Bồng	Hết ranh đất nhà ông Trương Văn Minh	200
		KV2-VT2	Cầu Bờ Tây	Kênh ông Tà	300
4	Lộ đal ấp 15		Hết đất Trần Văn Hừng	Hết đất ông Thái Xe	500
V	**Xã Vĩnh Thành**				
1	Đường Huyện 5	KV1 - VT2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Đúng	Hết đất bà Muồi	350
		KV2-VT1	Ranh đất Bà Muồi	Hết đất bà Lê Thị Nhung	250
		KV1-VT2	Ranh đất bà Lê Thị Nhung	hết đất ông Thái	400
2	Đường Huyện 5	KV1-VT3	Ranh đất ông Thái	Cầu Thanh Niên (Ranh xã Thạnh Trị)	250
3	Đường tỉnh 937B	KV1-VT2	Ranh thị trấn Châu Hưng	Cầu Tây Nhỏ	350
VI	**Xã Thạnh Tân**				
1	Đường tỉnh 937	KV1-VT3	Giáp Ranh xã Thạnh Trị	Hết ranh đất ông Nguyễn Sơn	250
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Nguyễn Sơn	Cầu 14/9	350
		KV2-VT1	Cầu 14/9	Cầu Ông Tàu	250
2	Đường huyện 1	KV2-VT2	Đầu ranh đất bà Liêu Thị Sa Ma Lay	Giáp ranh xã Tuân Tức	200
3	Đường Huyện 2	KV2 - VT2	Đầu ranh đất ông Lâm Hữu Thống	Giáp ranh xã Tuân Tức	200
4	Lộ kênh 8 mét	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Bùi Minh Huệ	Giáp Ranh xã Thạnh Trị	150
5	Lộ A2 - Tân Thắng	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Thạch Sóc	Giáp ranh xã Lâm Tân	150
6	Lộ 14/9	KV2 - VT3	Cầu 14/9	Giáp ranh xã Lâm Tân	150
7	Lộ B1- A2- 21	KV2 - VT3	Cầu treo	giáp ranh Tân Long	150
	Lộ đal (xóm cá)	KV2 - VT3	Đầu ranh Chùa ông 7 Đạt	Cầu bà Nguyệt	150

8	Lộ đal (xóm lá)	KV2 - VT3	Cầu 8 Trưởng	Cầu Treo kênh 8m	150
9	Lộ đal (Ngọn Tà Âu)	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông 5 Quanh	Giáp Nông Trường Công An	150
VII	**Xã Lâm Kiết**				
1	Đường Tỉnh 940	KV1-VT2	Giáp Ranh Xã Thạnh Phú	Cống Tuân Tức	500
		KV1-VT3	Cống Tuân Tức	Cống Sa Keo	400
		KV2–VT1	Cống Sa Keo	Ranh xã Mỹ Thuận (Mỹ Tú)	300
2	Khu Vực Xóm Phố	KV1-VT1	Đầu Chùa Trà É	Chợ Lâm Kiết	700
3	Khu Dân Cư	KV1–VT3	Đầu ranh đất Triệu Văn Xê	hết đất ông Thạch Sịnh	400
4	Trung Tâm Xã	KV1–VT3	Trạm Y Tế	hết đất Bà Thạch Thị Ọl	350
5	Đường Huyện 5	KV2–VT1	Đầu Đường Huyện 5	Hết đất ông Thạch Kha Lức	300
		KV2-VT2	Ranh đất ông Thạch Kha Lức	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
6	Đường Liên Xã	KV2–VT2	Đầu ranh đất ông Ngô Huỳnh Thủ	Giáp ranh xã Lâm Tân	250
7	Lộ đal Kiết Bình	KV2-VT3	Đường Tỉnh 940	Giáp ranh xã Lâm Tân	200
			Cống Sa Keo	Cầu Kiết Bình	200
8	Đường tỉnh 940 tuyến mới	KV2–VT1	Ranh xã Thạnh Phú	Công Tuân Tức	300
9	Lộ đal ấp Kiết Hoà	KV2–VT2	Cống Cái Trầu	Hết đất ông Chín Ấm	250
10	Lộ đal ấp Lợi	KV2–VT2	Đầu ranh đất ông Trần Minh	Hết đất ông Lý Chêl	250
11	Lộ đal ấp Trà Do	KV2–VT2	Cầu Trà Do	Hết đất bà Lý Thị Nol	250
12	Lộ ấp Kiết Lợi	KV2–VT2	Đoạn Cầu Xóm phố	Hết ranh đất ông Khưu Trái Thia	400
		KV2–VT3	Ranh đất ông Quết	hết ranh đất bà Trang	250
13	Lộ Kiết Thắng	KV2–VT2	Cầu Kiết Thắng	Hết ranh đất ông Đặng	200

VIII	Xã Lâm Tân				
1	Đường huyện 2	KV2–VT2	Ranh xã Tuân Tức	Kênh Mương Điều Chắc Tức	150
		KV1–VT2	Kênh Mương Điều Chắc Tức	Kênh vàm Mương điều dọc theo huyện lộ 2 ấp Kiết Nhất B	200
		KV2–VT2	Kênh Vàm Mương Điều	Ranh xã Lâm Kiết	150
2	Đường Huyện 5	KV1-VT2	Giáp ranh xã Tuân Tức	Ranh xã Lâm Kiết	150
IX	**Thị trấn Hưng Lợi**				
1	Đường tỉnh 937B	1	Cầu Trắng	Cầu Cống	350
		2	Cầu Cống	Hết đất Phùng Văn Vẹn	1,200
		3	Giáp ranh đất Phùng Văn Vẹn	Cầu Trương Từ	1,600
		4	Cầu Trương Từ	Hết đất ông Lâm Ngà	1,600
		5	Giáp ranh đất ông Lâm Văn Ngà	Cầu số 1	700
		6	Cầu số 1	Giáp ranh xã Châu Hưng	350
2	Lộ ấp Xóm Tro 1	1	Đầu ranh đất ông Đặng	Hết đất ông Trần Văn Hoàng (Ông Hấu)	250
		2	Giáp ranh đất ông Trần Văn Hoàng (Ông Hấu)	Cầu Ông Kịch	200
			Đầu Ranh đất ông Lâm Si Tha	Hết ranh đất ông Tăng Kịch	200
3	Huyện lộ 66 (Lộ Kinh Ngay)	1	Vòng xuyến đường 937B	Hết ranh Trạm Y Tế	2,000
		2	Từ ranh Trạm Y Tế	Cống bà Nguyễn Thị Lệ	600
		3	Giáp Cống bà Nguyễn Thị Lệ	Cống Sáu Chánh	500
		4	Giáp Cống Sáu Chánh	Giáp ranh xã Châu Hưng	350
4	Đường Chợ	1	Đường tỉnh 937B	Cầu bà Kía	1,600
		1	Đầu ranh đất ông Hấu (Lý Đông)	Hết nhà Tiêu Thanh Đức	1,600
		2	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Hó	Hết đất Quách Hùng Thương	700

		2	Đầu ranh đất ông Lý Hún	Cầu Trương Từ	700
		3	Đầu ranh đất Quách Hùng Thương	Hết đất ông Ngô Ìa	500
5	Đường số 1	1	Đầu ranh đất ông Nguyên	Hết đất ông Đỏ	3,000
6	Đường số 2	1	Đầu ranh đất Bác sỹ Dũng	Hết ranh đất Quách Hưng Đại	2,000
7	Đường số 3	1	Đầu ranh đất Mỹ Dùng	Hết ranh đất ông Thành	2,500
8	Đường số 4	1	Đầu ranh đất ông Tấu	Hết ranh đất ông Hùng	1,500
9	Đường số 5	1	Đường 937B	Hết ranh đất ông Đúng	200
10	Lộ ấp số 8	1	Giáp ranh đất ông Lâm Ngà	Hết ranh đất bà Thạch Thị Lêl	200
		1	Đầu ranh đất bà Thạch Thị Lêl	hết ranh đất ông Lâm Hong	200
11	Lộ ấp số 9	1	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất ông Húa Đen	600
		2	Giáp ranh đất ông Húa Đen	Hết đất Nhà máy Kim Hưng	600
		2	Giáp ranh đất Nhà Máy Kim Hưng	Giáp ranh xã Thạnh Trị	250
		3	Giáp ranh đất ông Nguyễn Minh Luận	Hết ranh đất Lý Oi	200
		3	Giáp ranh đất Lý Oi	Giáp ấp 23 xã Thạnh Trị	200
		3	Giáp ranh đất Lý Oi	Hết ranh đất ông Danh Lợi	200
12	Đường Dal	1	Đầu ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Khel	200
13	Đường cặp sông	1	Đường tỉnh 937B	Hết đất Bành Thiệu Văn (ông Só)	600
		1	Đầu ranh đất bà Lâm Thị Thuỷ	Hết ranh đất bà Lệ ấp Kinh Ngay	600
14	Kinh Giồng Chùa	1	Đầu ranh đất ông Lý ChấnThạnh	Chùa Lộc Hoà	400
		2	Giáp ranh đất ông Lý Chấn Thạnh	Chùa Khmer	250
15	Lộ Bào Cát- Quang Vinh	1	Đầu ranh đất bà Nguyễn Thị Thắm	Hết ranh đất Võ Văn Hiền	250
		1	Giáp ranh Võ Văn Hiền	Hết ranh đất Bành Ghi	250

		1	Đoạn còn lại của lộ Bào Cát - Quang Vinh		200
16	Lộ đal Chợ Cũ- Xóm Tro	1	Đường tỉnh 937B	Hết ranh đất ông Hàng Hel	200
17	Lộ đal ấp Số 8	1	Đầu ranh đất Trần Hoàng	Hết ranh đất Liêu Tên	200
18	Lộ đal ấp Số 8	1	Giáp ranh đất Tấn Cang	Hết ranh đất ông Trịnh Phol	500
19	Lộ đal ấp Số 8	1	Đầu ranh đất ông Dương Phal	Hết đất Ngô Văn Thắng	500
20	Lộ đal ấp Chợ Mới - Số 8	1	Vũ Văn Hoàng	Hết đất ông Tiển Buội	500
21	Lộ ấp Giồng Chùa (mới)	1	Giáp ranh TT Phú Lộc	Ranh đất Quách Mứng	200
22	Khu Tái định cư ấp Số 9	1	Suốt tuyến		300
X	**Xã Châu Hưng**				
1	Lộ Kinh Ngay	KV1-VT2	Đầu ranh đất Trường tiểu Học Châu Hưng 1	Hết ranh đất trạm Y tế xã	400
		KV1-VT2	Cầu Nàng Rền	Hết ranh đất UBND xã	400
		KV2–VT1	Giáp ranh TT Hưng Lợi	Hết ranh đất bà hai Gấm	350
		KV2–VT2	Cầu Kinh Ngay 2	Hết ranh đất ông Teo	250
2	Đường tỉnh 937B	KV2-VT1	Giáp ranh TT Hưng Lợi	Giáp ranh xã Vĩnh Thành	350
3	Lộ đal ấp Tràm Kiến - 13	KV2–VT2	Cầu ông Hó	Giáp ranh xã Vĩnh Lợi	200
4	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2–VT2	Cầu ông Teo	Hết ranh đất ông Đương	200
5	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2–VT2	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Ba Đốm	200
6	Lộ đal ấp Tàn Dù	KV2–VT2	Cầu ông Chuối	Hết ranh đất ông Hó	200
7	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2- Xóm Tro2- Quang Vinh	KV2–VT2	Cầu Việt Mỹ (ông Tuyền)	Ngã tư Quang Vinh	200
8	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2 - Xóm Tro 2	KV2–VT2	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu trường TH Xóm tro 2	200
		KV2–VT2	Cầu Xóm Tro 2	Ranh Bạc Liêu	200

9	Lộ đal ấp Kinh Ngay 2- 23	KV2–VT2	Đầu ranh đất ông Phong	Đường tỉnh 937B	200
10	Lộ Kinh Ngay 2 - Tràm Kiến	KV2–VT1	Cầu Kinh Ngay 2	Cầu ông Hó	250
11	Lộ đal ấp 13	KV2–VT2	Đất Út Hòa (Tám Luyến)	Hết đất Út Phước	200
		KV2–VT2	Cầu Ba Tẻo	Hết đất Út Phước	200
		KV2–VT2	Đất bà Nguyệt	Hết ranh đất Bảy Thơi	200
12	Huyện lộ 66	KV2–VT1	Hết ranh đất ông Có	Hết ranh đất Nguyễn Minh Dương	350
F	**HUYỆN NGÃ NĂM**				
I	**Thị trấn Ngã Năm**				
1	Đường Nguyễn Trung Trực.	1	Hết ranh đất bà Ngô Thị Mết (cầu trắng cũ)	Cống 5 Kẹ	4,500
		2	Cống 5 Kẹ	Cầu Thanh Niên (ấp 1)	1,750
		3	Cầu Thanh niên (ấp 1)	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (ấp 7)	1,200
		4	Cầu Quản Lộ Phụng Hiệp (ấp 7)	Kênh 90	800
		5	Kênh 90	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Thành	500
		6	Giáp đất ông Nguyễn Văn Thành	Hết tuyến	400
2	Đường 3 tháng 2.	1	Giáp ranh đất bà Ngô Thị Mết (Cầu trắng cũ)	Đường Trần Văn Bảy	4,800
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh đất Chùa Phật Mẫu	4,200
		3	Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	2,500
		4	Giáp ranh đất cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	1,000
3	Đường Lê Hồng Phong	1	Suốt tuyến		4,300
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt tuyến		4,300
5	Đường Võ Thị Sáu	1	Suốt tuyến		4,300

6	Đường Trần Văn Bảy	1	Suốt tuyến		3,800
7	Đường Mai Thanh Thế	1	Giáp đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	4,300
		2	Đường Trần Văn Bảy	Hết đất Trụ sở UBND thị trấn Ngã Năm	4,300
8	Đường Hùng Vương	1	Cầu Ngã Năm mới (ngang khu hành chính)	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	3,800
		2	Đầu đường Nguyễn Trãi (Cầu Đỏ cũ)	Cầu Đỏ mới	1,800
		3	Cầu Đỏ mới	Cầu Bến Long	800
		4	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp xã Long Tân)	200
9	Đường 30 tháng 4	1	Mố cầu Đỏ cũ (đường 1-5) đến đầu voi	Hết ranh đất ông Năm Miên	1,000
		2	Giáp ranh đất ông Năm Miên	Đường nối Quốc lộ 61B (Nhánh rẽ 42 - Trà Ban)	600
10	Đường 1 tháng 5	1	Mố cầu Đỏ cũ	Rạch Xẻo Cạy	400
		2	Rạch Xẻo Cạy	Giáp ranh xã Long Tân	200
11	Ấp 2	1	Cầu Chùa Ông Bổn đến đầu voi	Hết ranh đất bà Ba Đê	450
12	Kênh Xáng chìm	1	Giáp ranh đất bà Ba Đê	Hết ranh đất Hai Thời	250
13	Đ. Lạc Long Quân	1	Giáp đường Mậu Thân	Hết ranh đất Chùa Ông Bổn cũ	700
		2	Giáp Ranh đất Chùa Ông Bổn cũ	Đến giap ranh xã Vĩnh Quới	200
14	Đường Mậu Thân	1	Giáp đường Lạc Long Quân	Cầu Treo	700
		2	Cầu treo	Cầu Đường Trâu	600
15	Đường Nguyễn Trãi (Quốc lộ 61B)	1	Giáp đường Hùng Vương (mố cầu Đỏ cũ)	Vòng xuyến (trước khu HC)	1,600
		2	Từ Vòng xuyến (trước khu HC)	Mỗ cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (hết đất bến xe tạm)	1,600
		3	Mố cầu Quản lộ Phụng Hiệp (Giáp đất bến xe tạm)	Cống ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	1,400
16	Đường Lê Hoàng Chu	1	Suốt đường		200
17	Quốc lộ 61B	1	Giáp xã Long Bình	Cống ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	800

		2	Cống ông Phạm Văn Bê (Nghĩa trang liệt sĩ mới)	Cầu Đỏ mới	600
		3	Cầu Đỏ mới	Giáp đường 30/4	500
		3	Giáp đường 30/4	Cầu Dừa (Trà Ban)	500
18	Đường nội ô ấp 1	1	Trường Mai Thanh Thế	Hết đất UBND TT Ngã Năm	1,800
19	Đường vào Bệnh viện và nội ô TT Ngã Năm	1	Từ Cầu Ngã Năm mới (ngang khu HC) Đến hết ranh đất ông Lê Văn Được	Giáp đường Mai Thanh Thế	1,500
		1	Từ ranh đất ông Lê Văn Được (trước trường Tiểu học Ngã Năm 1)	UBND TT Ngã Năm	1,500
		1	Nhà ông Thái Quốc Tuấn	Quản lộ Phụng Hiệp	1,500
20	Đường số 1	1	Quản lộ Phụng Hiệp	Hết tuyến	1,800
21	Quản lộ Phụng Hiệp	1	Kinh Cống đá	Cầu Kinh Phú Lộc - Ngã Năm	500
		2	Cầu Kinh Phú Lộc - Ngã Năm	Kinh Bến Long	600
		3	Kinh Bến Long	Ranh xã Long Tân	200
22	Đ. Khu hành chính mới	1	Giáp Tỉnh lộ 937	Đường số 1	1,800
23	Đường Trần Hưng Đạo	1	Cầu Bến Long	Hết tuyến (giáp xã Long Tân)	200
24	Đường Xẻo Cạy	1	Giáp đường 1 tháng 5	Giáp đường 30/4 (Cầu Dừa)	200
II	**Xã Long Tân**				
1	Khu vực Trung tâm xã	ĐB	Cống Lý Thanh	Đường vào khu hành chính mới	3,100
2	Ấp Tân Lập B	KV1-VT1	Đầu ranh đất bà Hoàng	Hết ranh đất Trường Tiểu học Long Tân 1	2,200
3	Kênh Mỹ Phước	KV1-VT1	Đường vào khu hành chính mới	Hết đất cây xăng ông Dũng	2,000
		KV1-VT2	Giáp đất cây xăng ông Dũng	Kênh 8/3	700

		KV1-VT3	Kênh 8/3	Kênh Mỹ Lợi	350
		KV2-VT1	Kênh Mỹ Lợi	Cầu kênh Bình Hưng	300
		KV2-VT2	Cầu kênh Bình Hưng	Giáp gianh xã Tân Long	200
4	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	KV1-VT3	Giáp cống Lý Thanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Từ	450
		KV1-VT2	Hết ranh đất Cây xăng Trường Thịnh đến đầu voi	Hết ranh đất nhà máy Tư Mễnh	400
5	Đường khu hành chính mới	KV1-VT1	Giáp ranh đất ông Sừng	Giáp đường Quản lộ - Phụng Hiệp	800
6	Ấp Tân Lập B	KV2-VT1	Hết đất ông Tăng Văn Tuấn đến đầu voi	Hết ranh đất nhà ông Cà Hom	400
7	Ấp Tân Thành A	KV2-VT1	Hết ranh đất Trại cưa Phú Cường đến đầu voi	Đến mố cầu treo	400
8	Quản lộ Phụng Hiệp	KV2-VT2	Giáp Huyện Mỹ Tú	Giáp kinh xáng Mỹ Phước	200
		KV2-VT1	Kinh Xáng Mỹ Phước	Hết ranh đất Trường THCS	350
		KV2-VT3	Giáp ranh đất Trường THCS	Giáp thị trấn Ngã Năm	200
9	Quốc lộ 61B	KV2-VT1	Giáp ranh Cầu Dừa	Cầu Trà Ban	300
10	Đường UBND xã	KV1-VT1	Hết ranh đất UBND xã	Đường vào Trường học cũ	600
III	**Xã Mỹ Quới**				
1	Khu vực Trung tâm xã	ĐB	Hết ranh đất Hai Di	Hết ranh đất ông Trần Văn Lắm	2,500
2	Ấp Mỹ Thành	KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Trần Văn Lắm	Cầu Mới	700
		KV1-VT3	Cầu Mới	Hết ranh đất Sáu Phi	550
		KV2-VT1	Giáp đất bà Hai Di	Hết ranh đất Ba Sinh	500
		KV2-VT1	Giáp ranh đất Ba Sinh	Cầu nhà ông Hai Thảo	300
		KV1-VT2	Cầu Tỉnh lộ 937B (hương lộ 17) đến UBND xã	Hết ranh đất Nhà máy ông Chúng	750
3	Ấp Mỹ Thọ	KV2-VT1	Giáp Nhà máy ông Chúng	Hết ranh đất Sáu Quyền	350

		KV2-VT2	Giáp ranh đất Sáu Quyền	Hết ranh đất ông Tư Thiện	250
4	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937 B)	KV1-VT1	Cầu chợ Mỹ Quới	Hết ranh đất Trường THPT Lê Văn Tám	1,000
		KV2-VT1	Giáp Trường THPT Lê Văn Tám	Cầu Số 1 (Cầu Bưng Sen)	500
		KV2-VT2	Cầu số 1 (Cầu Bưng Sen)	Giáp ranh xã Mỹ Bình	300
5	Ấp Mỹ Tây A - Mỹ Tường B	KV1-VT1	Hết ranh đất bà Hai Nhung đến đầu voi	Hết ranh Đình Nguyễn Trung Trực	700
6	Ấp Mỹ Tường B	KV1-VT2	Giáp Đình Nguyễn Trung Trực	Hết ranh đất Tư Đời	500
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Tư Đời	Hết ranh đất Bảy Dương	400
7	Ấp Mỹ Thọ	KV2-VT1	Đầu ranh đất Năm Châu đến đầu voi	Hết ranh đất Châu Thị Mỹ	500
8	Ấp Mỹ Tây A	KV2-VT1	Giáp đất ông Huỳnh Văn Nhung (không bao gồm đất ông Nhung)	Cầu Mới	600
		KV2-VT2	Cầu Mới	Hết ranh đất ông Dương Huỳnh Long	400
9	Đường Mỹ Quới - Rộc Lá	KV1-VT1	Từ giáp khu vực xây dựng chợ Nhà ông Đạt Em)	Cầu mới	1,000
		KV1-VT2	Cầu mới	Hết tuyến	150
10	Lộ B Mỹ Thành (Kênh Thầy Cai Nhâm)	KV2-VT1	Kênh Mương lộ	Hết ranh đất ông Năm Hành	200
IV	**Xã Tân Long**				
1	Quốc lộ 61B	KV2-VT1	Cầu ông Tào giáp xã Thạnh Tân	Hết ranh đất cơ sở nước đá Lê Văn Thu	300
		KV2-VT2	Hết ranh đất cơ sở nước đá Lê Văn Thu	Cầu Cái Trầu	400
		KV1-VT1	Cầu Cái Trầu, KV chợ Tân Long	Hết ranh đất UBND xã Tân Long	1,600
		KV1-VT2	Ranh đất UBND xã	Hết ranh đất Cây xăng Thắng Trận 1	600

		KV2-VT1	Giáp ranh đất Cây xăng Thắng Trận 1	Cầu Ba Bọng	500
		KV2-VT2	Cầu Ba Bọng	Hết địa giới xã	350
2	Ấp Long Thạnh	KV1-VT1	Cầu Cái Trầu	Cầu Xéo	820
3	Lộ liên xã Tân Long – Long Tân	KV2-VT3	Cầu Ba Bọng	Hết ranh xã	250
4	Đường vào phố	KV2-VT1	Hết ranh đất nhà ông Ty	Hết ranh đất nhà ông Hiệp	400
5	Hẻm trạm y tế	KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Em	Hết ranh nhà úay ông Tư Cư	200
V	**Xã Vĩnh Quới**				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Cầu Sóc Sải đến UBND xã	Cầu Đường Tắc	200
2	Đường ôtô	KV1-VT2	Hết tuyến		150
3	Tuyến Kinh Xáng Quản Lộ Phụng Hiệp	KV2-VT1	Cầu Đường Trâu	Cống Bảy Tươi	150
		KV2-VT2	Cống Bảy Tươi	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	150
VI	**Xã Vĩnh Biên**				
1	Đường nhựa ven kênh xáng Phụng Hiệp	KV2-VT1	Hết ranh đất Trường THCS Vĩnh Biên (Bao gồm đất QH xây dựng chợ Vĩnh Biên)	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	800
		KV2-VT2	Cầu Cống Đá	Giáp ranh đất Lò đường ông Hai Trung Thành	600
		KV2-VT2	Đầu ranh đất Lò đường ông Hai Trung Thành	Giáp ranh đất ông Tám Thầy	400
		KV2-VT3	Giáp ranh đất Trường THCS Vĩnh Biên	Giáp ranh tỉnh Bạc Liêu	400
2	Quản lộ Phụng Hiệp	KV1-VT1	Cầu Cống Đá	Cống Tám Xưa	500
		KV1-VT2	Cống Tám Xưa	Cống Hai Cường	300
		KV1-VT1	Cống Hai Cường	Cầu Nàng Rền	500
		KV1-VT2	Cầu Nàng Rền	Giáp tỉnh Bạc Liêu	300

VII	Xã Long Bình				
1	Quốc lộ 61B	KV1-VT2	Đầu kênh Dân Quân ấp 3, thị trấn Ngã Năm	Kênh ông Tám Sơn	600
		KV1-VT1	Kênh ông Tám Sơn	Kênh ông Tùng	700
		KV1-VT3	Kênh ông Tùng	Hết địa giới xã (giáp Tân Long)	350
VIII	Xã Mỹ Bình				
1	Trung tâm xã	KV1-VT1	Đầu đất trường học	Cống Hai Nhân	300
2	Hương lộ 17 (Tỉnh lộ 937 B)	KV1-VT2	Hết tuyến		300
3	Đường ô tô	KV2-VT1	Cống Hai Nhân	Giáp ranh xã Vĩnh Biên	200
G	THỊ XÃ VĨNH CHÂU				
I	PHƯỜNG I				
1	Đ. Trưng Trắc	1	Suốt đường		4,500
2	Đ. Trưng Nhị	1	Suốt đường		4,500
3	Đ. Trần Hưng Đạo	1	Ngã 4 đường 30/4	Đến ngã 4 đường Lê Lai	4,500
		2	Ngã 4 đường 30/4	Đến đường Phan Thanh Giản	3,000
		2	Ngã tư Lê Lai	Hết đất Chùa bà	3,000
		3	Giáp đất Chùa bà	Cầu Ngang	2,100
4	Đ. Đề Thám	2	Suốt đường		2,300
5	Đường 30/4	2	Cầu Vĩnh Châu	Đến cầu Giồng Dú	2,300
		1	Cầu Vĩnh Châu	Đ. Nguyễn Huệ	3,460
		3	Ngã tư Nguyễn Huệ	Quốc lộ Nam Sông Hậu	2,100
6	Đường Lê Lợi	1	Cầu Vĩnh Châu	Đ. Lê Lai	3,460

		2	Cầu Vĩnh Châu	Đ. Phan Thanh Giản	2,300
		3	Ngã 3 đ. Phan Thanh Giản	Kho Cty Vĩnh Thuận	1,080
7	Đ. Phan Thanh Giản	2	Suốt đường		2,300
8	Đ. Nguyễn Huệ	1	Chùa Ông	Ngã 4 Đ. Phan Thanh Giản	3,460
		2	Ngã 4 Đ. Phan Thanh Giản	Ranh Phường Vĩnh Phước	2,300
9	Đ. Thanh Niên	3	Suốt đường		1,800
10	Đường Đồng Khởi	1	Đường 30/4	Chợ mới	3,460
		2	Đường 30/4	Cống Ông Trầm	1,100
		3	Cống Ông Trầm	Ngã 3 trại giam	650
11	Đường Số 4 (Châu Văn Đơ)	3	Đường đường 30/4	Giáp hẻm 2	1,800
12	Tỉnh lộ 935	2	Cầu Giồng Dú	Ranh Phường Khánh Hòa	650
13	Đ. Nguyễn Trãi	1	Cầu Vĩnh Châu	Cầu chợ mới	3,460
		2	Cầu Vĩnh Châu	Cống Ông Trầm	650
14	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai	1	Suốt đường		3,460
15	Đ. Lê Hồng Phong	1	Suốt đường		3,460
16	Đ. Bùi Thị Xuân	1	Đường Trưng Nhị	Đến Lê Lai	3,000
17	Đ. Lê Lai	1	Cầu Mậu Thân	Quốc lộ Nam Sông Hậu	2,300
		3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đê Biển	1,600
18	Huyện lộ 10	2	Suốt tuyến trong phạm vi Phường 1		650
19	Đ. Lý Thường Kiệt	1	Suốt tuyến		1,600
20	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Suốt tuyến		1,100
21	Huyện lộ 111	2	Ngã 3 Giồng Dú	Ranh Phường 2	650
22	Đ. Giồng Giữa (khu 5)	3	Suốt tuyến		360

23	Đ. Mậu Thân	3	Suốt tuyến		360
24	Đ. Đinh Tiên Hoàng	3	Suốt tuyến		360
	Hẻm Nối Đường Nguyễn Huệ				
25	Hẻm (Cập nhà Trường Dân tộc nội trú)	2	Suốt tuyến		460
26	Hẻm số 2 (Cập nhà ông Nguyễn Giang)	1	Suốt tuyến		575
27	Hẻm (Cập nhà ông Lâm Hai)	1	Hết ranh đất nhà bà Sơn Thị Út	Hết đât nhà bà Thị Suôl	460
		2	Từ đất bà Thị Suôl	Hết đất ông Lý Pho	345
		3	Đoạn còn lại		230
	Hẻm nối đường Phan Thanh Giản				
28	**Hẻm** (sau đội quản lý duy tu sửa chữa)	1	Suốt tuyến		460
29	**Hẻm (Cơ khí cũ)**	1	Suốt tuyến		460
	Hẻm nối đường số 4				
30	**Hẻm** Búp Sen Xanh	1	Suốt tuyến		360
	Hẻm nối đường Lê Lai				
31	Hẻm (Vào nhà ông Lâm Hoàng Viên)	1	Đất nhà ông Võ Văn Que	Lai Thị Xiếu Láo	460
		1	Lai Thị Xiếu Láo	Trần Văn thêm	345
		3	Đoạn còn lại		230
32	Hẻm vào nhà ông Trạng	1	Ranh Đất ông Trần Minh Nhật	Hết đất ông Tạ Ngọc Trí	460
		2	Ranh Đất ông Tạ Ngọc Trí	Hết đất bà Huỳnh Thị Thanh Liễu	345
33	**Hẻm** (Lâm nghiệp)	1	Suốt tuyến		400
34	**Hẻm**	1	Suốt tuyến		130
35	Hẻm (Đối diện Đồn 646)	1	Đầu hẻm	Hết đất ông Nguyễn Quang	320

		2	Giáp đất ông Nguyễn Quang	Hết đất ông Trần Văn Dũng	240
		3	Đoạn còn lại		160
36	Hẻm (Vào nhà ông Huỳnh Văn Cọn)	1	Đất bà Huỳnh Thị Xém	Hết đất o6Ông Châu Xèm Tịch	320
		2	Ông Châu Xèm Tịch	Hết đất ông Châu xèm Hon	240
		3	Đoạn còn lại		160
37	Hẻm (Giồng Giữa)	1	Đất ông Trương Văn Chỉnh	Hết đất Trịnh Văn Tó	320
		2	Hết đất Trịnh Văn Tó	Hết đất ông Tăng Văn Cuôi	240
		3	Đoạn còn lại		160
38	Hẻm 106 (hẻm vào nhà ông Hinh)	1	Suốt tuyến		320
39	Đường trong khuTĐC Hải Ngư	1	Suốt tuyến		420
Hẻm nối đường Trần Hưng Đạo					
40	Hẻm Ba Cò	1	Suốt tuyến		460
41	Hẻm 9 (Xóm Gọ)	1	Suốt tuyến		600
42	Hẻm 10	1	Từ đất ông Đỗ Văn Út	Hết đất bà Kim Thị Út	420
43	Hẻm 145	1	Suốt tuyến		420
Hẻm nối đường Mậu Thân					
44	**Hẻm** (Cặp nhà bà Dự)	1	Suốt tuyến		360
II	**PHƯỜNG II**				
1	Huyện Lộ 111	3	Ranh phường 1	Ranh xã Lạc Hoà	500
2	Đường Trần Hưng Đạo	3	Ranh phường 1	Đến ngã ba Quốc lộ NSH	2,100
3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Từ ngã ba Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đến ranh Phường 1	1,100
		2	Ranh đất bà Lâm Thị Đa Ri	Đến hết đất ông Kim Vong	800

		3	Vị trí còn lại		600
4	Huyện lộ 10	2	Suốt tuyến		650
5	Lộ Dol Chêl	3	Suốt tuyến		200
6	Lộ Vĩnh Bình	3	Suốt tuyến		250
7	Lộ Đal Cà Săng Cộm	1	Suốt tuyến		250
8	Lộ đal Vĩnh Bình-Vĩnh An (phía nam lộ NSH)	1	Suốt tuyến		200
9	Lộ đal Vĩnh Bình-Vĩnh An (phía bắc lộ NSH)	1	Suốt tuyến		200
10	Lộ đal Sân Chim-Cà Lăng B	1	Suốt tuyến		200
11	Lộ Giồng Me	1	Suốt tuyến		200
12	Lộ đal Vĩnh Trung	1	Suốt tuyến		200
13	Lộ đal Giồng Nhãn	1	Suốt tuyến		200
14	Lộ dal Đol Chát	1	Suốt tuyến		200
15	Hẻm còn lại	3	Có lộ đal trong phạm vi Phường		140
III	**PHƯỜNG VĨNH PHƯỚC**				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	1	Cống PìPu	Hết ranh đất ông Lâm Sóc	1,800
		1	Từ ranh đất ông Lâm Sóc	Salatel ấp Xẻo Me	1,800
		2	CốngWathpich	Hết đất Cây xăng Thanh La Hương,	1,000
		2	Từ ranh Phường 1	Cống Wathpich	1,100
		2	Đoạn còn Lại		600
2	Huyện lộ 10	2	Ngã ba Biển Dưới	Về phía Tây hết đất bà Trần Thị Luối, phía Đông đến hết ranh đất HTX Muối	800

		3	Còn Lại		650
3	Huyện lộ 12	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Kè	1,100
		3	Từ Cầu Kè	Cầu Dù Há	450
4	Đường Nguyễn Huệ	2	Ranh Phường 1	Ngã tư Quốc lộ Nam Sông Hậu	2,300
5	Lộ Phước Tân	3	Hết đất Trường học Biển Dưới	Giáp ranh xã Vĩnh Tân	190
6	Lộ Tà Lét	3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện Lộ 10	280
7	Lộ Xẻo Me	3	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện Lộ 10	360
8	Lộ Đai Trị	1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu chợ	1,800
		3	Vị trí còn lại		140
9	Lộ Vĩnh Thành	2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Cầu Điền Lớn	1,000
		3	Vị trí còn lại		140
10	Hẻm còn lại	3	Có lộ đal trong phạm vi phường		140
IV	**PHƯỜNG KHÁNH HÒA**				
1	Tỉnh lộ 935	2	Hết đất Cụm Công an huyện	Hết đất trường TH Khánh Hòa 2	650
		2	Lộ đal Sóc Ngang	Hết đất nhà ông Nhan Hùng	650
		2	Mé sông	Hết đất nhà ông Nguyễn Thanh Hoàng	650
		3	Phần còn lại		550
2	Huyện lộ 11	3	Tỉnh lộ 935	Giáp Kênh Kết Nghĩa	200
		3	Tỉnh lộ 935	Ranh xã Hòa Đông	360
3	Các tuyến lộ dal	3	Trong phạm vi toàn phường		140
V	**XÃ LẠC HÒA**				
1	Huyện Lộ 111	KV1-VT1	Hết đất chùa Hải Phước An Tự đến	Hết đất cây xăng Hữu Còn	1,200
		KV1-VT2	Từ tim cống về hướng bắc (lộ Đal)	Hêt đất trạm nước	700

		KV1-VT3	Suốt tuyến trong phạm vi xã		500
2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV2-VT1	Suốt tuyến trong phạm vi xã		600
3	Lộ Từng Dù	KV2-VT2	Suốt tuyến		300
4	Lộ Ca Lạc Đại Bái	KV2-VT2	Suốt tuyến		300
5	Lộ Đal Hoà Nam	KV2-VT3	Suốt tuyến		200
6	Lộ dal Ca Lạc A	KV2-VT4	Suốt tuyến		200
7	Lộ Đal Vĩnh Biên	KV2-VT5	Suốt tuyến		200
8	Các vị tuyến lộ Dal	KV3-VT2	Trong phạm vi toàn xã		140
VI	**XÃ VĨNH HẢI**				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Hết đất UBND xã Vĩnh Hải	Hết đất ông Tăng Kil đến Ngã 3 cây xăng Trương Tám	1,200
		KV1-VT2	Hết đất Trường TH Vĩnh Hải 4	Cầu Mỹ Thanh 2	1,000
		KV1-VT3	Suốt tuyến còn lại trong phạm vi xã		600
2	Huyện lộ 111	KV2-VT2	Hết đất nhà ông Huỳnh Mến,	Hết đất ông Năm Phụng (cống cầu ngang)	700
		KV2-VT3	Suốt tuyến		500
3	Lộ Bà Len	KV3-VT1	Từ ngã tư chợ Vĩnh Hải về hướng bắc đến ngã 3 huyện lộ 111, hướng Nam đến lộ Đal khu An Lạc.		500
4	Lộ đal Âu Thọ B	KV2-VT4	Suốt tuyến		250
6	Lộ đal Âu Thọ A	KV2-VT4	Suốt tuyến		200
7	Lộ vào Khu du lịch Hồ Bể		Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất bà Lý Thị Vuông	500
8	Các vị tuyến lộ Dal	KV2-VT4	Có lộ đal trong phạm vi xã		140
VII	**XÃ HOÀ ĐÔNG**				
1	Trung tâm xã Hoà Đông	KV2-VT2	Từ ngã ba chợ Hòa Đông về hướng nam đến hết đất UBND xã, hướng tây đến hết đất nhà ông Quách Suôl, hướng đông đến hết đất cây xăng ông Kiệt		700

2	Huyện lộ 11	KV2-VT3	Suốt tuyến (trừ trung tâm chợ)		360
3	Lộ Đal Cảng Buối	KV3-VT1	Hết ranh đất nhà ông tư Quến	Hết ranh đất nhà ông Tăng Văn Súa	360
4	Các vị tuyến lộ Dal	KV3-VT2	Trong phạm vi toàn xã		140
VIII	**XÃ VĨNH TÂN**				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Tim cầu Vĩnh Tân dọc theo lộ về hướng đông hết đất bà Sơn Thị Phên, hướng tây hết đất ông Thạch Chi		800
		KV1-VT3	Còn lại		500
2	Huyện Lộ lộ 10	KV2-VT3	Suốt tuyến còn lại (trừ trung tâm ngã tư)		500
		KV2-VT1	Đầu đất ông Sơn Sinh	Hết đất bà Sơn Thị UôL	700
3	Lộ NoPôl	KV3-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Huyện lộ 10	350
4	Các vị tuyến lộ Dal	KV3-VT2	Các tuyến lộ daltrong phạm vi toàn xã		140
IX	**XÃ LAI HOÀ**				
1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Cống Lai Hoà về hướng Đông đến hết cống Xẻo Cốc, hướng Tây đến hết đất ông Nguyễn Hoàng Chánh dọc theo Quốc lộ Nam Sông Hậu về phía tây hết đất ông Cao Hoàng Lợi, phía đông hết đất ông Đặng Như Tiến		1,000
		KV1-VT3	Suốt tuyến còn lại		600
2	Huyện lộ 10	KV2-VT1	Suốt tuyến trong phạm vi xã		500
3	Lộ Prey Chop	KV2-VT1	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Hết đất trường TH Lai Hoà 1	500
		KV2-VT1	Từ ngã ba chợ Prey Chóp về hướng Đông hết đất ông Thạch Khươl, hướng Tây hết đất ông Tăng Kim Hoà, hướng nam hết đất VLXD ông Nguyễn Văn Hoài, hướng Bắc hết đất trường tiểu học Lai Hoà 5		500
		KV2-VT2	Suốt tuyến còn lại (trừ các trung tâm)		350
4	Lộ Năm căn	KV2-VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu	Đê sông Mỹ Thanh	140

5	Lộ Đal Tà Bôn	KV2-VT2	Suốt tuyến		140
6	Lộ Đal Xung Thum A	KV2-VT3	Huyện lộ 10	Chợ Preychop	200
7	Lộ Đal Khu 5 Lai Hoà	KV2-VT3	Suốt tuyến		200
8	Các vị tuyến lộ Dal	KV2-VT4	Trong phạm vi toàn xã		140
X	**XÃ VĨNH HIỆP**				
1	Huyện lộ 12	KV2-VT2	Cầu Dù Há	Hết đất Phạm Kiều (Đầu Voi)	280
		KV2-VT2	Chợ Vĩnh Hiệp	Hết đất UBND xã	280
2	Các vị tuyến lộ Dal	KV3-VT2	Các tuyến lộ daltrong phạm vi toàn xã		140
H	**HUYỆN LONG PHÚ**				
I	**Thị trấn Long Phú**				
1	Đoàn Thế Trung	1	Ngã tư chợ	Cầu sắt	3,500
		2	Cầu Sắt (chợ)	Ngã 3 UBND thị trấn	2,800
		1	Ngã tư chợ	Hẻm Trường TH Long Phú A (Đoàn Thế Trung)	3,500
		2	Hẻm Trường TH Long Phú A (Đoàn Thế Trung)	Cầu Khoang Tang	2,800
		3	Cầu Khoang Tang	Hết ranh đất UBND huyện	2,200
2	Đ. Đặng Minh Quang	1	Ngã 3 Huyện ủy	Đầu Hẻm 7 Nhiên	2,200
		2	Đầu hẻm 7 Nhiên	Ngã 3 Chín Đô	1,800
		2	Ngã 3 Chín Đô	Cống Bệnh Viện	1,800
		3	Cống Bệnh Viện	Kênh 5 Nhạo	1,500
		3	Kênh Năm Nhạo (tính về phía lộ)	Giao lộ Nam Sông Hậu	1,200
3	Đ. Lương Định Của	1	Ngã tư chợ	Hẻm Ba Min	2,800
		3	Hẻm Ba Min	Cầu Tân Lập	2,200

		1	Ngã tư chợ	Hẻm nhà ông Nhu (ấp 3)	2,800
		2	Đầu ranh đất ông Nhu	Hết ranh Chùa Năm ông	2,300
		4	Giáp ranh Chùa Năm ông	Cống bà Bảy Vườn	1,900
		5	Cống bà Bảy Vườn	Ngã 3 Chín Đô	1,500
4	Đ. Nguyễn Trung Trực	1	Ngã 3 đập	Hết ranh đất ông Quyền	1,000
		2	Đầu đất Trạm Quản Lý Thủy Nông	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	800
5	Đường Tỉnh 933	1	Giáp đất UBND huyện	Hết đất Ông Tư đồng hồ (Tỉnh lộ 6 cũ)	1,500
		2	Giáp đất Ông Tư đồng hồ (Tỉnh lộ 6 cũ)	Giáp ranh xã Tân Hưng	800
6	Đ. Huyện 28	1	Ngã 3 UBND thị trấn	Đầu hẻm trại giam cũ	1,200
		2	Đầu Hẻm trại giam cũ	Hết Nghĩa trang thị trấn	800
		3	Giáp Nghĩa trang thị trấn	Giáp ranh xã Long Phú	600
7	Đường Nam Sông Hậu	3	Giáp ranh xã Long Phú (phía giáp lộ)	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	250
		2	Cầu Nam sông Hậu (ấp 2)	Cống (phà Đại Ân 1)	260
		1	Cống (phà Đại Ân 1) phía lộ	Cống Bào biển (ranh xã Long Đức)	330
8	Tuyến lộ đal ấp 1 (đi ngang Đình Nguyễn Trung Trực)	1	Ngã 3 vào Đình Nguyễn Trung Trực	Vàm Hải Quân	300
9	Lộ đal ấp 1	1	Giao lộ Nam Sông Hậu	Bến phà Đại Ân 1(giáp lộ Nam Sông Hậu)	250
10	Các tuyến đường còn lại	1	Cầu Sắt (chợ)	Cầu Tân Lập (lộ mé sông)	2,200
		1	Cầu Sắt (chợ)	Hết ranh đất Tư Xiêm	850
		1	Cầu Khoang Tang	Cầu Tân Lập (lộ mé sông)	850

		1	Lộ cặp sông từ chợ Long Phú	Giáp ranh Chùa Năm Ông	800
		1	Cầu Sắt (chợ)	Hết ranh đất nhà máy Mậu Xương (Cũ)	700
		1	Ngã 3 UBND thị trấn	Cầu Chùa phật	700
		1	Giáp đất nhà máy Mậu Xương	Hết đất ông Huỳnh Thiện	300
		1	Đầu ranh đất Tư Khương	Giáp Chùa Ông Bổn	230
		1	Giáp ranh đất Tư Xiêm	Hết ranh đất Thạch De	220
		1	Đường trại giam cũ	Giáp Chùa nước mặn	220
		1	Xóm Kinh xáng ấp 3	Hết ranh đất ông Kép	200
		1	Cầu Khoang Tang (đi Khoang Tang)	Giáp ranh ấp 4	250
		1	Cầu Đầu Sóc (lộ đal)	Giáp ranh Tân Hưng	200
		1	Đường vào nhà lồng chợ ấp 3		1,500
		1	Đường nội ô Chợ Tân Long		1,500
		1	Đường nội ô chợ đập ấp 2		1,000
		1	Đường vào bãi rác TT Long Phú (suốt đường)		250
11	Đường vòng cung ấp Khoang Tang được tách ra làm bốn đoạn mới.	1	Đầu ranh đất nhà ông Thạch Cơm	Hết ranh đất nhà Văn hoá ấp Khoang Tang	250
		2	Giáp ranh nhà Văn hoá ấp Khoang Tang	Cầu Đầu Sóc	200
		1	Cầu Đầu Sóc	Hết ranh đất nhà bà Lành	250
		1	Giáp ranh đất nhà bà Lành	Giáp ranh nhà ông Thạch Cơm	250
12	Ấp Khoang Tang giáp xã Tân Hưng	1	Từ đầu cầu "Tam Giác Vàng" (ấp Khoang Tang)	Hết ranh đất nhà ông Mai Văn Xuyên	200
13	Đoạn đường cặp Khu Chợ đập	1	Hết đất VLXD Trường Đạt	Giao lộ Đường Đặng Quang Minh	889
14	Khu vực Bến Phà	1	Đường xuống Bến phà Long Phú đi Đại Ân 1	Suốt đường	300

15	Lộ đal vào nghĩa địa ấp 4	1	Đường đal từ đầu đất nhà bà Tâm (Đ. vào nghĩa địa ấp 4)	Hết đất Nhà bà Mai Thị Phương	250
		2	Đường đal từ ranh đất nhà bà Tâm (Đ. vào nghĩa địa ấp 4)	Giao lộ Đường tỉnh 933	220
16	Đường đal giao lộ đường Đoàn Thế Trung	1	Hẻm Trường TH Long Phú A	Suốt đường	2,200
		1	Hẻm tiệm vàng Sơn	Suốt đường	2,200
17	Đường đal giao lộ đường Lương Định Của	1	Hẻm 3 Gà	Suốt đường	230
		2	Cống bà 7 Vườn (lộ đal)	Đầu đất bãi rác cũ	200
18	Đường đá, sỏi giao lộ đường Đặng Quang Minh	1	Từ đầu đất quán "Đà lạt 3" (đường đá sỏi)	Giao lộ đường Đặng Quang Minh	250
19		1	Khu chăn nuôi cũ		250
20	Đường đal ấp Khwang Tang	1	Nhà máy ông Đức	Nhà ông Thạch Cơm	250
II	**Thị trấn Đại Ngãi**				
1	Các tuyến đường nội ô chợ	2	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Đền thờ Phật Mẫu	1,600
		1	Hai đường cặp hông chợ Đại Ngãi		4,200
		1	Đền thờ Phật Mẫu	Hết đất Bưu điện	1,200
		1	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Ngã 3 nhà ông Xe	2,200
		1	Ngã 3 nhà ông Xe	Ngã 4 ông Thép	2,000
		1	Ngã 4 ông Thép	Hẻm Ba Ngọt	1,200
		1	Hẻm Ba Ngọt	Khu chợ mới	1,200
		1	Ngã 3 Vĩnh Thuận	Ngã 3 ông Lâm	2,000
		1	Ngã 3 Năm Thuận	Bến phà	1,200
		1	Bến phà	Hẻm Tây Nam (Lộ cặp sông)	1,600

		1	Hẻm Tây Nam	Hết đât chợ mới (Lộ cặp sông)	1,200
		1	Giáp đất chợ mới	Hẻm 7 Công	750
		1	Hẻm 7 Công	Cầu Đại Ngãi (Lộ cặp sông)	600
		1	Đường Nhà thờ	Suốt đường	600
		1	Đầu ranh đất Ông Luỹ	Hết ranh đất bà Cúc	400
2	Đ. Nam Sông Hậu	1	Cầu Đại Ngãi	Ngã 4 (giao với QL60)	600
		1	Ngã 4 (giao với QL60)	Ranh xã Song Phụng (nhà ông Phát)	600
3	Quốc lộ 60	3	Đầu ranh đất Bà My	Bến phà (QL60 đoạn mới mở)	500
		1	Hết ranh đất Phân viện	Lộ Nam Sông Hậu (QL60)	750
		1	Lộ Nam Sông Hậu	Ngã 3 Bưu điện (QL60)	750
		1	Ngã 3 Bưu điện	Ngã 3 NămThuận	750
		1	Ngã 3 Năm Thuận	Sông Hậu (QL60)	750
		2	Giáp Phân viện	Cầu Mương Điều (QL60)	600
		3	Cầu Mương Điều	Ranh xã Hậu Thạnh	550
4	Đường huyện 21	1	Cầu Mương Điều	Ranh ấp Phụng Sơn - Song Phụng	300
5	Các lộ còn lại	1	Cầu Đại Ngãi	Cầu An Đức	250
		1	Cầu Mương Điều	Ranh ấp Phụng Sơn (nhà Đinh Văn Tư)	250
		1	Nhà ông Đền	Cầu Tư Huệ	250
		1	Đường bầu tròn ấp An Đức đến suốt đường		250
6	Đường Di Long tách ra hai đoạn mới.	1	Đường Di Long	Ngã tư ông Két	1,000
		2	Hẻm ông Chà	Suốt hẻm	600
7	Hẻm đường đal nội ô Thị trấn	1	Hẻm ông Tỷ	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm 3 Ánh	Suốt hẻm	600

		1	Hẻm 7 Mol	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 5 Thắng	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm ông Nu	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm ông Huỳnh	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Bưu điện	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 2 Sơn	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm ông Tuấn	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Ngân hàng	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Tây Nam	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Lò Bún	Suốt hẻm	700
		1	Hẻm Cây Gòn	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Lợi Dân	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm 7 Công	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm Đền Thờ Phật Mẫu	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Tổ Điện Lực	Suốt hẻm	600
		1	Hẻm Thiên Hậu Cung	Suốt hẻm	700
8	Hẻm đường đal nội ô Thị trấn	1	Hẻm Đội thuế	Suốt hẻm	800
		1	Hẻm ông Trạng	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm Hai Mành	Suốt hẻm	550
		1	Hẻm ông Hợp	Suốt hẻm	500
		1	Hẻm nhà ông Bọ	Hết nhà ông Vũ	700
		1	Bến Phà mới	Giáp ranh xã Song Phụng	200
		1	Từ đầu đất nhà ông Luỹ	Hết đất nhà ba Thảnh	550
		1	Từ lộ sân bóng	Cổng trường Tiểu học Đại Ngãi A	750
		1	Từ đầu hẻm 3 Ngọt	Lộ Sân bóng	600

		1	Hẻm 3 Ngọt	Suốt hẻm	650
		1	Đường vào bãi rác	Suốt đường	200
		1	Từ ranh đất Trường Tiểu học Đại Ngãi A	Hết đất ông Võ Văn Hai	400
		2	Lộ ông Hàm	Suốt đường	200
III	**Xã Song Phụng**				
1	Các tuyến đường khu vực Trung tâm xã	KV1-VT1	Hết đất UBND xã Song Phụng	Bến đò Nhơn Mỹ	300
		KV1-VT1	Bến đò Nhơn Mỹ	Hết ranh đất Trường trung học cơ sở	250
		KV1-VT2	Bến đò Nhơn Mỹ	Cầu Nam Sông Hậu	250
		KV1-VT2	Giáp Trường trung học cơ sở	Giáp ranh đất ông Quận	200
		KV1-VT2	Cầu Trường Tiền	Đầu ranh đất Ông Nghĩa	200
2	Đường Nam Sông Hậu	KV1 - VT1	Ranh xã Đại Ngãi	Đập Lá	500
		KV2 - VT2	Đập lá	Đập Lớn	450
		KV2 - VT2	Đập Lớn	Giao điểm lộ Nam Sông Hậu(đầu đất ông 9Phóng)	400
		KV1-VT2	Giao điểm lộ Nam Sông Hậu(Giáp đất ông 9 Phóng)	Cầu Nam Sông Hậu (Cầu rạch Mọp)	600
3	Các đường còn lại	KV2-VT1	Hết đất ông Quận	Giáp ranh xã Đại Ngãi	200
		KV2 - VT1	Cầu khu 4	Cầu Trường Tiền	200
		KV2-VT1	Nhà ông Nghĩa	Ranh xã An Mỹ- Huyện Kế Sách	200
		KV2-VT1	Cầu Trường Tiền	Ranh xã Đại Ngãi (cặp rạch Mương Điều)	200
IV	**Xã Hậu Thạnh**				
1	Quốc Lộ 60	KV1-VT1	Ranh xã Trường Khánh	Ranh xã Đại Ngãi	450
2	Đường cặp kinh Thầy Cai	KV1 - VT1	Quốc lộ 60	Ranh huyện Kế Sách	350

		KV1-VT1	Cầu số 3 (Giáp QL 60)	Chùa Bà Ấp Phố	350
3	Các đường còn lại	KV1-VT2	Quốc lộ 60 (UBND xã)	Ngã ba cây Dương	250
		KV2-VT2	Kinh Cây Dương	Hết ranh đất ông Đặng Hữu Lộc	200
		KV2-VT1	Hết đất Chùa bà Ấp Phố	Ranh xã Đại Ngãi	200
		KV2-VT1	Cầu Đình Phố	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Út	150
		KV2-VT1	Hết ranh đất ông Tám Minh	Hết ranh đất ông Sáu Triệu	150
		KV2-VT2	Giáp ranh đất bà Nguyễn Thị Út	Giáp đất ông Tám Minh	150
		KV2-VT2	Giáp ranh đất ông Sáu Triệu	Ranh xã Phú Hữu	120
4	Đường đal (Đường ông Ba Hiển)	KV2-VT3	Giáp cầu ông Hai Thứ	Hết đất ông Lý Văn Tiếp	120
V	**Xã Trường Khánh**				
1	Đường bên hông chợ (mé sông)	KV1-VT2	Hết ranh đất nhà Ký Tuôi	Hết ranh đất nhà Ông Nghĩa	1,200
2	Đường bên hông chợ	KV1-VT1	Hết ranh đất nhà Bà Hiên	Hết ranh đất nhà Ông Kia	2,000
3	Quốc lộ 60	KV1 -VT1	Cầu Trường Khánh	Hương lộ 20	2,000
		KV1-VT2	Hương lộ 20	Hết ranh đất cây xăng Khánh Tân	1,000
		KV1-VT3	Giáp Cây xăng Khánh Tân	Giáp ranh xã Hậu Thạnh	450
		KV1-VT2	Cầu Trường Khánh	Giáp ranh Thành Phố Sóc Trăng	2,000
4	Đường ấp Trường Lộc	KV2 -VT1	Cầu Thanh Niên	Giáp ranh xã An Mỹ-Huyện Kế Sách	200
5	Đường số 6	KV2-VT1	Toàn tuyến		200
6	Đường 3 Sâm	KV2-VT3	Cầu bà Cúc	Kênh Xáng	200
7	Các đường còn lại	KV1-VT2	Cầu Đen	Hết ranh đất Ông Són	650
		KV2-VT2	Đầu nhà Ông Bình	Đầu đất 5 Kha	250

		KV2-VT1	Quốc Lộ 60	Cầu bà Chín	400
		KV1-VT3	Quốc Lộ 60	Cầu Ông Tích	400
		KV1-VT3	Quốc Lộ 60	Cầu Thanh Niên	400
		KV1-VT3	Cầu Trường Khánh	Cầu 5 Thắng	500
		KV1-VT3	Hết ranh đất Ông Kia	Hết ranh Trường trung học cơ sở	500
		KV1-VT1	Hết ranh đất ông Ngoãn	Hết ranh đất Ông Rết	1,800
7	Các đường còn lại	KV1-VT2	Đường vào Trường Trung học cơ sở		500
		KV2-VT2	Cầu bà Chín	Cầu Thanh Niên	200
		KV2-VT1	Cầu Ông Dú	Cầu đúc Trường An (cầu chữ Y)	200
		KV2 - VT2	Cầu đúc Trường An (cầu chữ Y)	Cầu Thanh Niên Trường An	200
		KV2-VT2	Hết ranh đất Ông Phạm Văn Hai	Hết ranh đất Ông Đoàn Văn Tư	200
		KV2 - VT1	Cầu 5 Kha	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	200
		KV2-VT2	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	Hết ranh đất Ông Võ	200
		KV2-VT2	Cầu bà Kế (cầu lò rèn)	Hết ranh đất Ông Đinh	200
		KV2-VT2	Cầu Ông Tích	Cầu Napích	200
		KV2-VT2	Cầu bà Chín	cuối đường đal	200
		KV2-VT2	Cầu Napích	Hết đường đal	200
		KV2-VT1	Hết ranh đất Bà Chil	Cầu Khana Cũ	200
		KV2-VT1	Hết đất Lý Bá Tòng	Nhà Bà Mén (đầu cầu Đen)	400
		KV1 - VT2	Hẻm Bác Sĩ Năm	Suốt hẻm	780
		KV2-VT1	Hẻm hai Tráng	Suốt hẻm	400
		KV2 VT1	Hẻm nhà Tám Lùn	Hết ranh đất Ông On	200
		KV2 - VT1	Đầu ranh Quán bà Xuyên	Suốt hẻm	200
		KV1 - VT2	Cầu ông Dú	Cầu 5 Thắng	300
8	Đường đal	KV1-VT2	Hẻm nhà Út Bá	Suốt hẻm	350

		KV2-VT2	Từ nhà ông Võ (đường đal)	Giáp kênh Bưng Xúc	200
		KV2-VT2	Cầu Chữ Y (ấp Trường Lộc)	Hết ranh đất nhà ông Trần Huôl	250
		KV1-VT2	Hẻm ông Trần Tốt	Rạch Trường Bình	350
		KV2-VT2	Đường đal giao với Quốc lộ 60	Hết ranh đất ông Lục Hal	250
		KV2-VT2	Giao Quốc lộ 60 (đường vào ấp Trường Thọ)	Cầu Trường Thọ	250
		KV1-VT2	Hẻm Đào Chức	Rạch Trường Bình	350
		KV2-VT2	Cầu Trường Thọ	Hết đường đal	200
		KV2-VT2	Giao Quốc lộ 60 (đường vào ấp Trường Thọ)	Cầu bà Chil	200
		KV2-VT2	Đường đal giao với Quốc lộ 60	Hết ranh đất nhà ông Diệu	250
		KV2-VT2	Cầu Bãi rác tập trung	Cầu ông Tích	250
		KV2-VT2	Từ hết ranh đất nhà ông Lượm	Cầu Chữ Y (ấp Trường An)	250
		KV2-VT2	Từ hết ranh đất nhà ông Lượm	Cầu Chữ Y (An Mỹ - Kế Sách)	250
VI	**Xã Long Đức**				
1	Đường Nam Sông Hậu	KV1-VT2	Ranh Nhà máy nhiệt điện	Ranh TT Long Phú	300
2	Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	KV2-VT1	đất ông Lê văn Thạnh (đầu lộ đal)	Cầu Phú Hữu	220
3	Đường đal cặp kênh mới	KV2 - VT1	Đầu ranh đất Hai Sơn	Đầu kênh Bào Tre (An Hưng)	200
4	Các đường còn lại	KV1 - VT1	Bến Phà Long Đức - Đại Ngãi	Hết ranh đất ông Lê văn Thạnh (đầu lộ đal)	350
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Lê văn Thạnh (đầu lộ đal)	Hết đất ông chín Mốc (giáp ranh nhà máy nhiệt điện)	250
		KV2-VT1	Hai bên kênh bà Sẫm		200
		KV1-VT1	Đầu ranh đất 5 Trung	Giáp ranh đất chị Thâm (đầu kênh bà Sẫm)	400
		KV1-VT2	Tuyến tránh Trung tâm điện lực Long Phú	suốt tuyến	300

		KV1-VT2	Cầu Đại Ngãi	Giáp ranh Nhà máy điện (lộ NSH)	300
		KV2 - VT1	Đường đal cặp kênh mới từ lộ NSH	Cầu kênh bà Xẩm	200
		KV2-VT1	Tuyến lộ vào khu Tái định cư và các tuyến lộ trong khu tái định cư		200
5	Đường đal	KV3-VT1	Lộ đal liền 3 ấp: Từ cống Phú Hữu ấp Hoà Hưng	Cống 3 Đỏm ấp Lợi Hưng	150
		KV3-VT2	Lộ Gạch Gốc ấp An Hưng: Từ cống Út Ton	Suốt lộ	120
		KV3-VT1	Lộ hai bên kinh Bào Tre: Từ Huyện Lộ 23	Đập ông Trương Văn Khương	150
6	Đường đất	KV3-VT1	Lộ cặp sông Sainstard (ấp Hoà Hưng) từ nhà Nguyễn Tấn Triệu)	Cống Phú Hữu	150
7	Lộ đal Bào Biển	KV3-VT1	Cống Bào Biển	Kinh Bà Sẩm	200
8	Tuyến lộ cặp rạch Trưởng Ý	KV3-VT1	Giao lộ Đường tỉnh 934	Sông Saintard	200
VII	**Xã Phú Hữu**				
1	Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	KV1-VT1	Cầu Phú Hữu	Ranh xã Châu Khánh	250
2	Các đường còn lại	KV1-VT1	Cầu Phú Hữu	Cống Đìa Thùng (giáp Đình Phú Hữu)	200
		KV1-VT1	UBND xã	Giáp ranh đất ông Lưu Ni	200
		KV1-VT1	Ngã 3 cầu ngang	Giáp ranh đất ông Trần Văn Bảy(con ông Trường)	200
		KV1-VT1	Đầu đất ông Nguyễn văn Chính	Hết đất ông Phạm Văn Tám	220
2	Các đường còn lại	KV1-VT1	Đình Phú Trường	Hết đất ông Tư Điện	200
		KV1-VT2	Đầu đất ông Trần Văn Bảy (con ông Trường) qua lộ vòng cung	Đường tỉnh 935B	200
		KV1-VT2	Giáp ranh đất ông Phạm Văn Tám	Ranh xã Châu Khánh	220
		KV1-VT2	Đầu ranh đất Ông Tiền	Hết đất nhà ông Hồng (trên rạch ông Xuân)	200

		KV1-VT2	Cống Đìa Thùng (giáp Đình Phú Hữu)	Hết ranh đất ông Lưu Ni	200
		KV1-VT2	Kênh 12	Cầu Thanh Niên Phú Trường (bên giáp lộ đal)	200
		KV2 - VT1	Kênh 26/3 qua đất Chung văn So	Hết đất ông Lê Văn Ổi (bên đường đất cặp kênh Mắc Tưng)	200
		KV2-VT1	Kênh 12	Kênh 26/3	200
		KV2-VT1	Kênh 12	Hết ranh đất ông Lâm Văn Nghét	200
3	Tuyến cặp sông Saintard	KV2-VT1	Đầu đất ông Nguyễn Văn Chính	Cầu Mây Hắt (cặp sông Saintard)	220
4	Lộ vòng cung	KV2-VT1	Đầu ranh đất Ông Tiền	Kênh 26/3	200
		KV2-VT1	Đầu ranh đất Ông Tiền	Cầu giáp Mây Hắt	220
5	Tuyến cặp sông Saintard	KV2-VT1	Cầu giáp Mây Hắc	Nhà ông Võ Minh Kỳ	220
6	Tuyến giáp ranh xã Hậu Thạnh	KV2-VT1	Đầu đất ông Võ Minh Kỳ	Cầu giáp Mây Hắc	200
VIII	**Xã Châu Khánh**				
1	Đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh	KV1-VT1	Cống Lộ Đình	Kênh Ba Hoà	250
		KV1-VT2	Kênh Ba Hoà	Ranh xã Tân Thạnh	230
2	Đường số 9	KV1 - VT1	Ngã 3 UBND xã	Ranh xã Tân Thạnh	220
3	Các đường còn lại	KV1-VT2	Rạch Ngã Cũ	Giáp đê Phú Hữu - Mỹ Thanh	200
		KV2 - VT1	Cầu 6 Tiền giáp Long Đức	Ngã 3 lộ (gần nhà Ông Ơn)	220
		KV2-VT2	Cống thuỷ nông (cầu ba Hô)	Giáp lộ đal (lộ từ thẻ số 9- UBND xã)	200
		KV2-VT1	Phường 8- TPST	Cống Ba Có (ấp 1)	215
		KV2 - VT2	Cống Ba Có (ấp 1)	Cầu Thanh niên Chông Chác (P5- TPST)	200
		KV2-VT2	Đầu đất Ông Chiến (giáp Phú Hữu)	Cầu Ông Bến	200
4	Đường đất cặp sông Sóc Dong	KV3-VT1	Rạch cũ	Ranh xã Tân Hưng	200
		KV3-VT1	Giáp lộ Thông 30/4	Vàm Văn Cơ	200

IX	**Xã Tân Thạnh**				
1		KV1-VT1	Khu vực chợ Tân Thạnh	Tổ dân cư số 2, ấp Saintard	250
2	Tỉnh lộ 933	KV1-VT1	Cầu Saintard	Cầu Cái Quanh	850
		KV1-VT2	~~Cầu Cái Quanh~~	Kênh Thẻ số 9	500
3		KV2-VT2	Cống Cái Xe	Ranh Mỹ Xuyên	200
4	Đường số 9	KV2 - VT1	Đường Tỉnh 933	Ranh xã Châu Khánh	220
5	Đường đal Cái Quanh	KV1-VT2	Cầu Cái Quanh	Hết đất Út Tài	350
		KV2-VT1	Giáp đất Út Tài	Cầu Cái Đường	245
6	Các đường còn lại	KV2 - VT2	Cầu Cái Đường	Cầu Cái Xe	200
		KV2 - VT2	Cầu Cái Đường	Giáp Huyện lộ (đê bao Phú Hữu - Mỹ Thanh)	220
		KV1-VT2	Ngã 3 chợ Cái Quanh	Cầu Nhà Thờ	350
		KV2 - VT2	Cầu Nhà Thờ	Cầu ông Tư Nhiệm	220
		KV2 - VT1	Đầu ranh đất ông Chi	Giáp Lộ Hàm Trinh	260
		KV2 - VT2	Đầu đất 9 Hiện	Đầu đất Tư Chung	220
		KV2-VT2	Cống Bà Cầm	Đình Tân Hội	200
		KV2-VT2	Đầu cầu Tân Hội - Mương Tra	Hết ranh đất ông Mau	200
		KV2-VT2	Đầu đất Tư Hữu	Cầu 2 Do	200
		KV2-VT1	Ngã 3 Hải Vân (Cái Đường)	Giáp ranh đất bà 7 Thêu	245
		KV2-VT2	Ngả 3 Nhà ông Tùng	Cầu Tân Hội - Mương Tra	200
7	Từ ranh xã Châu Khánh đến cống Cái Xe	KV2-VT1	Từ ranh xã Châu Khánh	Cống Cái Xe	350

		KV2-VT2	Cống Cái Xe	Cống Cái Quanh	245
8	Đường đal	KC2-VT1	Cầu Út Hiển	Lộ đal hết đất nhà ông Sơn	245
9	Đường đất	KV2-VT1	Cầu Sanitard	Ranh xã Châu Khánh (Thuộc lộ khu 3)	350
X	**Xã Tân Hưng**				
1	Đường Tỉnh 933	KV1 - VT1	Thẻ số 9	Giáp ranh TTLP	500
2	Đường đan lộ thẻ số 9	KV2-VT1	Đường đal lộ thẻ số 9	Chùa Cũ (xã Châu Khánh)	220
3	Đường Đal còn lại	KV1-VT1	Tỉnh lộ 933 (UBND xã)	Hết đất nhà ông Sáu Ảnh	350
		KV2-VT2	Đầu ranh đất 2 Đực qua Cầu nhà lầu	Giáp ranh Lợi Hưng - Long Đức	200
		KV2-VT2	Cầu Liên Ấp TQA - kokô	Rạch Bưng Thum xã Long Phú	215
		KV2-VT2	Cầu nhà Lầu	Kênh hai Hường	200
		KV2-VT2	Cầu đầu Sóc	Giáp ranh TTLP	200
		KV2 - VT2	Đầu đất Ông Tiên (giáp huyện lộ) qua cầu Bưng Xúc	Hết ranh đất ông Lâm Sanh	200
		KV2 - VT2	Trường Tiểu Học Tân Hưng A	Hết ranh đất ông Kim Sang	200
		KV2 - VT2	Hết đất ông Hiệp qua huyện lộ đến đất bà mai qua cầu chín chiến	Hết ranh đất ông 8 Kiển	200
		KV2 - VT2	Cầu Liên Ấp TQA - kokô đến kênh hưng Thạnh	Đường đal	200
		KV2-VT2	Cầu PécDon	Kênh ông Hi	200
		KV2-VT2	Cầu PécDon	Đầu ranh đất Trà Thành Lợi	200
		KV2-VT2	Cầu Khu 3	Kênh Hưng Thạnh	200

		KV2-VT2	Cầu Kim Sang	Hết đất Thạch Ngưm	200
		KV2 - VT1	Giáp đất nhà ông Sáu Ảnh	Cầu Đầu Sóc	300
		KV1-VT1	Cầu Đầu Sóc	Cầu Xóm Rẫy	400
4	Lộ đal ấp Sóc Dong	KV2-VT2	Cầu Bào Trễ	Hết ranh đất nhà ông Ba Xế	200
		KV2-VT2	Giáp ranh đất nhà ông Ba Xế	Hết đất bà Đỗ Thị Lẹ	200
XI	**Xã Long Phú**				
1	Đường Nam Sông Hậu	KV1-VT1	Ranh TTLP	Ranh Đại Ân 2	300
2	Đường Huyện 27	KV1-VT1	Ranh TTLP	Nghĩa địa	400
		KV1-VT2	Nghĩa địa	Ranh Đại Ân 2	280
3	Đường Huyện 28	KV1-VT2	Giáp huyện lộ 27	Giáp Kênh Hưng Thạnh	200
4	Các đường còn lại	KV1-VT2	Giáp huyện lộ 27 (UBND xã)	Cầu Chùa Phật	200
		KV1-VT2	Cầu Tân Lập	Kênh lò đường 2 Tỉ	200
		KV1-VT2	Cầu Tân Lập	Kênh Phụ Nữ	200
		KV1-VT2	Đầu ranh đất 5 Miền (ngã 3 nhà trẻ)	Ranh TTLP	200
		KV1-VT2	Cầu Xả Chỉ	Ranh Đại Ân 2	200
		KV1-VT2	Kênh lò đường 2 Tỉ	Kênh 25/4	200
		KV1-VT2	Ngã 3 Chùa Phật	Cầu ông Phưm	200
		KV1 - VT2	Kênh Phụ Nữ	Giáp lộ kênh trường học	200
		KV2-VT1	Ngã 3 ông Sanh	Giáp huyện lộ 28 (Tú Điềm)	200
		KV2-VT1	Đầu ranh đất Đào Sal	Trường học Bưng Tròn	200

		KV2-VT1	Cầu nhà mát (qua cầu Thạch Năm)	Cầu ông Savel	200
		KV2-VT1	Cầu ông Phưm	Hết đất Lý Thị Mỹ(ngã 3)	200
		KV2-VT1	Đất ông Xiêm (giáp TTLP) chùa mặn 1	Cầu mặn 2	200
		KV2 -VT1	Cầu mặn 1	Cầu sắt Mặn 1 (cặp rạch mặn 1 bên sông)	200
		KV2-VT1	Huyện lộ 27 (UBND Xã)	Hết đất Kim Yêm	200
		KV2 -VT1	Cầu mặn 2	Hết đất ông Hoàng (HL27)	200
		KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy	Giáp huyện lộ 27	200
		KV2-VT1	Đầu đất Lâm Sết	Kênh Lò Đường	200
		KV2-VT1	Cầu sắt Mặn 1	Kênh Xả Chỉ	200
5	Lộ đất (Đê Nam Sông Hậu cũ)	KV2-VT1	Đầu đất nhà ông Trương Văn Tư	Cống Xã Chỉ	200
6	Các tuyến lộ đal	KV2-VT1	Cầu Nước Mặn 2	Cầu Thanh Niên Mười Chiến	200
		KV2-VT1	Hết đất ông Vương Văn Tài	Lộ vành đai Sóc Mới - Tân Lập	200
		KV2-VT1	Nhà ông Lương Văn Lượng	Ranh huyện Trần Đề	200
		KV2-VT1	Trường Tiểu học Sóc Mới	Đầu đất nhà bà Lý Thị Mỹ	200
		KV2-VT1	Đầu đất nhà bà Lý Thị Mỹ	Cầu Thanh Niên Bưng Thum	200
		KV2-VT1	Cầu Thanh Niên Bưng Thum	Quán cà phê ông Sa Vel	200
		KV2-VT1	Quán ông Hành	Hết đất ông Chẹ	200
		KV2-VT1	Nhà ông Huyền	Cầu Kim Thái Thông	200
I	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**				
I	**Thị trấn Cù Lao Dung.**				
1	Đường hai bên hông chợ Bến Bạ.	1	Suốt đường		3,600

2	Đường Đồng Khởi	1	Đầu ranh đất Bảy Xe	Hết đất Nhà VH Thị trấn	2,800
		2	Giáp đất Nhà VH Thị trấn	Cầu Bến Bạ	2,400
		2	Ranh Cầu xã.	Cuối đường Xóm củi	2,400
		1	Giáp ranh Cầu xã	Hết ranh Bệnh viện đa khoa	2,800
3	Đường Đoàn Thế Trung	1	Từ Chợ Bến Bạ	Hết ranh đất Chi nhánh Bưu điện	3,200
		2	Giáp ranh Chi nhánh Bưu điện	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	2,800
		3	Ngã Tư giáp đường Hùng Vương	Bến đò Giồng Đình	2,200
4	Đường Đoàn Văn Tố	1	Đường Đồng Khởi	Đường Hùng Vương	2,600
5	Đường 3 tháng 2	1	Giáp ranh Bệnh viện đa khoa	Đường Hùng Vương	1,200
6	Đường Hùng Vương	1	Hết đất cây xăng Lê Vũ	Giáp đường 3/2	1,600
		3	Đường 3/2	Ranh xã An Thạnh Tây	1,200
		2	Giáp ranh đất cây Xăng Lê Vũ	Cầu Kinh Đình Trụ	1,400
7	Đường dal	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Giáp Đường Đoàn Văn Tố	1,700
		2	Giáp đường 3 tháng 2	Giáp Đường Đoàn Văn Tố	1,000
8	Đường Rạch Già Lớn	1	Giáp Đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	350
9	Đường 30 Tháng 4	2	Giáp Đường Hùng Vương	Giáp Bệnh viện mới	450
		1	Đầu ranh đất Bệnh viện mới	Hết ranh đất Bệnh viện mới	500
		2	Giáp ranh đất Bệnh viện mới	Sông Cồn Tròn	450
10	Đường Nguyễn Trung Trực	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Hết đất Trường Tiểu học	450
11	Đường Xóm 5	1	Giáp Đường Đoàn Thế Trung	Giáp Khu đất ông Hai Tằng	450
12	Đường Rạch vẹt	1	Suốt tuyến		450
13	Đường ôtô	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Bến Bạ	1,200

14	Đường đal	1	Giáp đường bên hông chợ Bến Bạ	Rạch ông Hảo	1,600
15	Đường đal (đường 3/2 nối dài)	1	Giáp đường Hùng Vương	Sông Cồn Tròn	450
16	Các đường còn lại	1	Suốt tuyến		250
II	**An Thạnh I**				
1	Quốc lộ 60	KV1-VT1	Bến phà phía sông Đại Ngãi	Bến phà phía Sông Trà Vinh	1,400
2	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Bến phà Kinh Đào	Đầu lộ dal Rạch Su	1,000
		KV1-VT2	Đầu lộ dal Rạch Su	Hết đất HTX Hoàng Dũng	700
		KV1–VT3	Giáp ranh HTX Hoàng Dũng	Lộ dal Rạch Sâu (giáp xã An Thạnh Tây)	1,000
3	Đường trung tâm xã	KV1-VT1	Giáp ngã ba Đường Tỉnh 933B	Bến phà Long Ẩn (cơ sở giáo dục Cồn Cát)	650
4	Đường dal Kinh Đào	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Ba Mạnh	Hết ranh đất ông Chuông	650
5	Đường dal Rạch Miễu	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Bảy Tự	Hết ranh đất Bến Đình	450
6	Đường dal Rạch Đôi	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Thoàn	Hết ranh đất ông Chọn	450
7	Đường dal Rạch Trầu	KV2-VT3	Đầu ranh đất Hồng Văn Y	Hết ranh đất ông Đọt	450
8	Đường dal Rạch Su	KV2-VT3	Đầu ranh đất Tư Kiệt	Hết ranh đất ông Hai Thế	450
9	Đường Trường Tiền Nhỏ	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Tửng	Giáp QL60	650
10	Đường dal Rạch Vượt (phía trên)	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Tư Hoàng	Hết ranh đất ông Năm Minh	450
11	Đường dal xóm chùa	KV2-VT3	Đầu đất ông Đào Văn Oanh	Giáp huyện lộ (chợ Long Ẩn)	450
12	Đường dal Mương Cũi	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Sáu Điền	Hết ranh đất Ba Rệt	450
13	Đường dal Rạch Trê	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Cần	Hết ranh đất ông Chắn	450
14	Đường dal Rạch Sâu	KV1-VT2	Đầu ranh đất ông Huỳnh	Giáp ranh Cầu nhà Út Gia	700
15	Đường đal Rạch Gừa – Thầy Phó	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Nguyễn Minh Lộc	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Tư	250
16	Đuường Đal Trường Tiền Lớn	KV2-VT3	Đầu đất ông Phan Văn Út	Hết ranh đất bà Mai Thị Chua	250

17	Đường Đal Rạch Trại - KDC	KV2-VT2	Đầu đất ông Nguyễn Thanh Lâm	Hết đường dal	300
18	Đường đal đê Tả hữu	KV2-VT1	Đầu đất ông bà Huỳnh Kim Hoàng	Hết ranh đất bà Hồ Thị Chín	500
19	Đường Đal Rạch Ông Cột	KV2-VT2	Cầu Rạch Ông Cột	Hết ranh đất ông Võ Văn Phong	300
20	Đường Đal Long Ẩn - Cây Bần	KV2-VT2	Giáp Đường Tỉnh 933B	Cầu Trại Giống	300
21	Đường Đal Long Ẩn - Cồn Cát	KV2-VT2	Giáp Ngã tư đường trung tâm xã	Hết đường Dal	300
22	Đường Đal nhánh rẻ cồn Long Ẩn	KV2-VT2	Giáp Ngã ba đường trung tâm xã	Hết đường Dal	300
23	Đường đal đê Tả hữu	KV2-VT3	Cồn Long Ẩn	Giáp cơ sở Giáo dục Cồn Cát	250
24	Các tuyến đường Đal Đê Tả Hữu còn lại	KV2-VT3	Suốt tuyến		250
III	**An Thạnh Tây**				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Ranh xã An Thạnh 1	Hết đất ông Huỳnh Văn Thử (giáp đường đal Bần Xanh)	800
		KV1-VT1	Giáp đường đal Bần Xanh	Giáp đường đal Bình Linh	750
		KV1–VT2	Giáp đường đal Bình Linh	Ranh TT. Cù Lao Dung	750
2	Lộ dal Rạch Sâu	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Biện	Cầu Chính Khánh	350
3	Lộ dal Rạch Tàu	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Hỳnh Văn Hết	Bến phà Bắc Trang	350
4	Hết đấtLộ dal Rạch Già	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Trương Ngọc Chiêu	Hết đất ông Phan Văn Tán	350
5	Lộ dal Bần Xanh	KV2-VT3	Giáp Đường Tỉnh 933B	Hết ranh đất ông Hai Thanh	350
6	Lộ dal Bình Linh	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Trương Văn Phiến	Bến phà Bình Linh	350
7	Lộ dal An Phú	KV2-VT1	Đầu ranh đất ông Đoàn Văn Giàu	Bến đò Cồn Chén	400
8	Đường đal đê Tả hữu	KV2-VT3	Cù Lao Nai	Giáp Đại Ân 1	250
9	Đường đal đê Tả hữu	KV2-VT3	Rạch Sâu	Rach Sung	250
10	Lộ dal An Phú	KV2-VT3	Đầu ranh đất bà Ngô Thị Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bê	350
11	Lộ dal An Phú	KV2-VT3	Đầu ranh đất ông Ngô Văn Nhân	Cầu Bà Hành	350

12	Lộ Cồn Chén An Phú	KV2-VT3	Từ Cầu Đúc giáp Đại Ân 1	Cầu Giáp Đại Ân 1	250
13	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT1	Cầu Bà Hành	Đê Tả hữu	350
14	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT3	Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Bình	Đê Tả hữu	250
15	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT1	Giáp ranh ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Cầu Đúc	350
16	Lộ Dal An Phú A	KV2-VT3	Cầu Đúc	Cầu Treo giáp Đại Ân 1	250
17	Lộ Dal Rạch Sung	KV2-VT1	Hết ranh đất ông Phạm Thanh Hồng	Đê Tả hữu	350
IV	**Xã An Thạnh II**				
1	Đường Tỉnh 933B	KV1-VT1	Cầu kinh Đình Trụ	Hết đất Nghĩa trang liệt sĩ	1,100
		KV1-VT2	Ranh nghĩa trang liệt sĩ	Giáp đường 933	600
		KV1-VT2	Giáp đường 933	Cầu Rạch Lớn (ấp Bình Du B)	450
		KV1-VT2	Cầu Rạch Lớn	Đầu lộ dal xóm mới	600
		KV2-VT2	Đầu lộ dal xóm mới	Rạch Mù U (giáp xã An Thạnh 3)	400
2	Đường Tỉnh 933 đi Đại Ân 1	KV1-VT3	Đường Tỉnh 933B	Cầu Còn Tròn	550
3	Đường dal xóm Rẫy	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hơn B)	300
4	Đường dal xóm Mới	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du B)	250
5	Đường dal Bà Kẹo (Chùa Kostung)	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	250
6	Đường dal Mù U	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh B)	250
7	Đường đal rạch Ngây	KV2 - VT3	Giáp đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	250
8	Đường dal Đầu Bần	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hơn B)	200
9	Đường dal Rạh Dày	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Du A)	200
10	Đường dal Bà Chủ	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp bình Du B)	200
11	Đường dal Bà Kẹo (Tuyến sông Cồn Tròn)	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	200
12	Đường Đal mương ông Tám	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Phạm Thành Hơn B)	200

13	Đường Dal bà Cả	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Bình Danh A)	200
14	Đường Dal Công Điền	KV2 - VT3	Đường Tỉnh 933B	Hết đường (ấp Sơn Ton)	200
V	**Xã An Thạnh III**				
1	Đường bên hông chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất ông Út Nhịn	Hết ranh đất Trang Văn Gầm	2,100
		ĐB	Đầu ranh đất ông Ửng	Hết ranh đất Lương Hoàng Thiện	2,100
2	Lộ dal trước chợ Rạch Tráng	ĐB	Đầu ranh đất Trương Văn Khâm	Hết ranh đất Nguyễn Văn Ấn	2,100
3	Đường dal sau chợ Rạch Tráng	KV1 - VT1	Đầu ranh đất ông Nghĩa	Hết ranh Nhà ông Minh và ông Ngon	1,700
4	Đường dal mé sông	KV1 - VT1	Đầu ranh đất Sáu Cứng	Xẻo Ông Đồng	1,800
5	Đường dal	KV1-VT1	Đầu ranh đất Mười Phấn	Giáp ranh đất ông Gầm	1,500
6	Tỉnh Lộ 933B	KV2 - VT1	Giáp đường dal Mù U Giáp Ranh An Thạnh II	Hết ranh đất Tư Trực	500
		KV1 - VT3	Giáp ranh đất ông Tư Trực	Lộ dal ông Sáu	700
		KV1 - VT2	Lộ dal ông Sáu	Hết ranh đất ông Chong	900
		KV1 - VT1	Giáp ranh đất ông Chong	Đầu ranh đất ông Oanh	1,700
		KV1 - VT1	Đầu ranh đất Tư Giây	Hết ranh đất Trương Văn Hùng	1,200
		KV1-VT3	Giáp ranh đất ông Trương Văn Hùng	Lộ dal Rạch Chồi	500
		KV2 - VT1	Lộ dal Rạch Chồi	Hết ranh đất Hai Trừ	500
		KV2 - VT2	Đầu ranh đất Hai Việt	Cầu Kinh Xáng	400
7	Đường dal	KV2 - VT1	Rạch Mương Cột	Hết đất Quán Sang	600
8	Đường dal Trạm Y Tế	KV1 - VT2	Đầu ranh đất ông Tư Tà	Hết ranh đất Trại Cưa Út Lăm	1,200
		KV1-VT3	Giáp ranh Trại cưa Út Lăm	Rạch Mương Cột	650
9	Đường nhựa đi An Thạnh Nam (Huyện lộ 28)	KV1 - VT2	Cầu Mới	Cầu Ba Hùm	550
		KV1 - VT3	Cầu Ba Hùm	Cầu Rạch Voi	500
10	Đường dal ông Tám	KV1 - VT3	Đầu ranh đất thầy Vũ	Cầu Bà Hời	550
		KV1-VT3	Đầu ranh đất ông Kiên	Hết ranh đất ông Minh	200

11	Đường Dal An Quới	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Khởi	Hết ranh đất ông Cảnh	200
12	Đường Dal ông Sáu	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Thọ	Hết ranh đất ông Sáu	200
13	Đường Dal Mù U	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Diệp	Hết ranh đất ông Nam	200
14	Đường Dal rạch Chồi	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Đô	Hết ranh đất ông Tuấn	200
15	Đường Dal Biên Phòng 634	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Mới	Hết ranh đất ông Tròn	200
16	Đường Dal 416	KV2 - VT3	Đầu ranh đất bà Liên	Cầu 8 Bực	200
17	Đường Dal Vàm Hồ	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Long	Hết ranh đất ông Phận	200
VI	**Xã An Thạnh Nam**				
1	Đường Giao thông nông thôn	KV2 - VT1	Giáp đê quốc phòng	Hết ranh đất Út Hậu	500
2	Đường Ô tô (934)	KV2 - VT1	Giáp ranh đất Út Hậu	Cầu Rạch Voi	500
3	Đường dal	KV2 - VT3	Đầu ranh đất UBND xã	Hết ranh đất Chín Trường	300
4	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu rạch Bùng Binh	Bến phà Ba Hùng	300
5	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Tám Bực	Cầu T80	300
6	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Cây Mắm	Hết ranh đất Năm Khải	300
7	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Rạch Năm Tiến	Hết ranh đất ông Ba Sơn	300
8	Đường dal	KV2 - VT3	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	Hết ranh đất ông Tài	300
9	Đường dal	KV2 - VT3	Đầu ranh đất ông Ngọt	Hết ranh đất ông Tuấn	300
10	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Rạch Su	Hết ranh đất ông Ngọc	300
11	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Năm Tiền	Hết ranh đất ông Tòng	300
12	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Năm Tới	Đất Cô Ngọc	300
13	Đường dal	KV2 - VT3	Cầu Năm Lén	Đất Sáu Tính	300
VII	**Xã An Thạnh Đông.**				
1	Lộ Tẻ	KV2 - VT1	Cầu Lòng Đầm.	Bến phà Lòng Đầm	500

2	Lộ trước đền thờ Bác	KV2 - VT1	Cầu Lòng Đầm.	Bến phà cũ	450
3	Lộ tẻ Vàm Tắc	KV2 - VT1	Cầu Lòng Đầm.	Bến phà Vàm Tắc	350
4	Đường Trung tâm xã (đường ôtô)	KV2 - VT1	Cầu Lòng Đầm.	Cầu Bến Bạ	500
5	Đường Trung tâm xã	KV2 - VT1	Giáp đường ôtô	Hết đường	300
		KV2 - VT1	Cầu Lòng Đầm.	Hết đất Điều Văn Toàn	500
		KV2 - VT2	Giáp đất Điền Văn Toàn	Cầu Rạch Giữa	400
		KV2-VT2	Cầu Rạch Giữa	Hết đường	350
6	Lộ tẻ Bến Đá	KV2-VT3	Đường Trung tâm xã	Hết đường	350
7	Lộ tẻ Rạch Giữa	KV2-VT3	Đường Trung tâm xã	Hết đường	350
8	Đường đal	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Bến phà 6 Giao (Trương Công Nhựt)	300
9	Đường bến phà Bến Bạ	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đường	300
10	Lộ tẻ Xóm 6	KV2-VT3	Giáp đường bến phà Bến Bạ	Hết đường	300
11	Đường đal khu dân cư số 1 ấp Đặng Trung Tiến	KV2-VT4	Giáp đường Trung tâm xã	Giáp cuối đường Trung tâm xã, Đặng Trung Tiến	300
VIII	**Xã Đại Ân I.**				
1	Đường nhựa 933	KV1-VT1	Cầu Cồn Tròn	Hết ranh đất cây xăng Võ Hoàng Khải	600
			Giáp đất cây xăng Võ Hoàng Khải	Bến phà đi Long Phú	600
2	Đường dal Xẻo Bảy	KV2-VT2	UBND xã (cũ)	Giáp đường trung tâm xã	350
3	Đường dal (chợ cũ Xẻo Bảy)	KV2-VT2	Giáp sông Hậu	Hết đường dal	350
4	Đường trung tâm xã	KV1-VT1	Đầu đất Trạm Y Tế	Hết đất Phan Văn Thống	600
		KV1-VT2	Cầu Rạch Đáy	Hết đất Huỳnh Văn Hảo	400
		KV1-VT2	Giáp đất Huỳnh Văn Hảo	Cầu Kinh Đào (ấp Văn Sáu)	400
		KV1-VT3	Cầu Kinh Đào	Cầu treo khém Bà Hành (ấp Văn Sáu)	300

		KV1-VT1	Giáp đất ông Thống	Hết đất trường THCS Đại Ân 1 (điểm nhà ông Lập)	400
		KV1-VT2	Giáp Trường THCS Đại Ân 1 (điểm nhà ông Lập)	Hết đất bà Phan Thị Lơn	350
		KV1-VT3	Giáp ranh nhà Phan Thị Lơn	Hết đường lộ trung tâm (cuối ấp Nguyễn Tăng)	300
5	Đường dal Nhà Thờ	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Rạch Nhà thờ	300
6	Đường dal	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Đất ông Tư Cảnh (ấp Nguyễn Tăng)	300
7	Đường dal rạch Hai Lòng	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đất ông Nguyễn Văn Diệp	300
8	Đường dal Tư Ngộ	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Đất ông Nguyễn Văn Độ (ấp Văn Tố B)	300
9	Đường dal Rạch lớn	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Miếu thờ Rạch Lớn (ấp Văn Tố)	300
10	Đường dal Bần Cầu	KV2-VT3	Cầu treo Khém Bà Hành (ấp Văn Sau)	Hết đất ông Bùi Dũng	300
11	Đường dal Kênh Xáng	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đất ông Huỳnh Văn Đơ	300
12	Đường dal CIDA	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Sông Cồn Tròn	300
13	Đường dal Sáu Tịnh	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Bến phà Xóm Mới	300
14	Đường dal Xẻo Sú	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Sông Cồn Tròn	300
15	Đường dal Khai Luông	KV2-VT3	Giáp đường Trung tâm xã	Hết đất bà Tư Sang	300
J	**HUYỆN CHÂU THÀNH**				
I	**Thị trấn Châu Thành.**				
1	Quốc Lộ 1A	1	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	Hết ranh UBND Thị trấn	1,600
		2	Giáp ranh UBND Thị trấn	Ranh xã Thuận Hòa	1,500
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	1	Suốt tuyến		2,000
3	Các đường khác khu vực chợ	1	Suốt tuyến		1,500
4	Đường tỉnh 939B	1	Từ cầu chợ Thuận Hoà	Hết ranh đất Cây xăng Quang Minh	900

		2	Giáp ranh cây xăng Quang Minh	Ranh xã Thuận Hòa	700
5	Đường Thuận Hòa - Phú Tâm (Huyện 5)	1	Từ giáp Quốc Lộ 1A	Hết ranh đất nhà trọ Út Nhỏ	1,500
		2	Giáp ranh nhà trọ Út Nhỏ	Đường vào bệnh viện	800
		3	Đường vào bệnh viện	Cầu Xây Cáp	500
		4	Cầu Xây Cáp	Cầu 30/4	250
6	Khu tái định cư Xây Đá	1	Khu tái định cư Xây Đá đã đầu tư cơ sở hạ tầng		900
7	Khu tái định cư Thuận Hòa	2	Các đường khác trong khu tái định cư		1,100
		3	Các vị trí tiếp giáp khu tái định cư		800
8	Đường vào khu hành chính huyện (toàn tuyến)	1	Giáp Quốc Lộ 1A	Đường A1	1,600
9	Đường A1	1	Suốt tuyến		1,600
10	Tuyến Đê Bao	1	Cầu Thuận Hoà	Cống Ông Minh	500
		2	Cống Ông Minh	Hết ranh xã Thuận Hòa	300
		3	Cống Thuận Hoà	Ranh xã Hồ Đắc Kiện	300
11	Đường kênh hậu	1	Đầu ranh đất ông Trương Quốc Hoàng	Hết ranh nhà máy Tư Thao	250
12	Lộ đal	1	Các đoạn đường trong phạm vi quy hoạch Khu hành chính đô thị thị trấn Châu Thành		150
		1	Đầu lộ Đài Truyền thanh	Hết ranh đất nhà bà Kiều Anh	150
		1	Cống ông Ướng	Cầu ranh xã Thuận Hoà	150
		1	Đầu ranh đất bà Châu Thị Nguyệt	Giáp đê bao	200
		1	Xây cáp (suốt tuyến)		200
13	Đường đất	1	Cống Thuận Hoà	Ranh xã Hồ Đắc Kiên	120
		1	Kênh Mai Thanh suốt tuyến		120
		1	Kênh Lò gạch hai bên suốt tuyến		120

		1	Kênh Hai Long hai bên suốt tuyến		120
		1	Kênh 30/4 suốt tuyến		120
		1	Hết ranh đất ông Đẳng	Kênh 30/4	120
		1	Rạch Xây Cáp hai bên suốt tuyến		120
		1	Kênh 6 Sệp suốt tuyến		120
		1	Đầu ranh đất Trịnh Thị Bảy	Hết ranh đất Công an huyện	120
		1	Hết ranh đất ông Xiêm	Kênh Mai Thanh	120
		1	Kênh giáp ranh xã Thuận Hòa ấp Trà Quýt (suối tuyến)		120
		1	Đất ông Đường	Giáp ranh đất Công an huyện	120
		1	Kênh ông Minh (suốt tuyến)		120
		1	Đất ông Trần Văn Nhứt	Đất bà Thị Tiên	120
		1	Kênh 2 Cọl (suối tuyến)		120
		1	Kênh 2 Hiến (suốt tuyến)		120
		1	Rạch Sáu Siểng (suốt tuyến)		120
		1	Kênh hậu dọc đường Thuận Hòa - Phú Tâm		120
II	**Xã Thuận Hòa.**				
1	Quốc Lộ 1A	KV1 - VT1	Toàn tuyến		#REF!
2	Đường tỉnh 939 B (TL14)	KV 2 - VT1	Toàn tuyến		280
3	Đường Vào Trại Giống	KV 2- VT1	Toàn tuyến		300
4	Đường vào khu hành chính	KV2 - VT1	Toàn tuyến		300
5	Tuyến Đê Bao Thuận Hoà	KV2 - VT2	Ranh TT. Châu Thành	Hết đất Chùa Cũ	200
		KV2- VT3	Giáp ranh Chùa Cũ	Ranh xã An Hiệp	150
6	Lộ bao quanh khu hành chính xã	KV2 - VT1	Các tuyến		200

III	Xã An Hiệp.				
1	Quốc Lộ 1A	KV2- VT 1	Ranh xã Thuận Hoà	Hết đất cây xăng Trân Trân	950
		KV 2 - VT1	Giáp đất Cây xăng Trân Trân	Hết cống (nhà Lý Sà Nen)	1,000
		ĐB	Giáp cống (nhà Lý Sà Nen)	Hết ranh đất kho Cty Cổ phần TMDL Sóc Trăng	2,400
		ĐB	Giáp ranh đất kho Cty cổ phần TMDL Sóc Trăng	Giáp ranh TP Sóc Trăng	2,400
2	Đường tỉnh 932	KV2 - VT1	Ngã ba An Trạch	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp A	1,000
		KV2- VT2	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp A	Giáp ranh xã Phú Tân	650
3	Đường huyện	KV1- VT1	Giáp Quốc Lộ 1A	Cầu đi Giồng Chùa A	1,300
		KV2- VT2	Cầu đi Giồng Chùa A	Hết ranh đất nhà ông Hoàng	900
		KV2- VT3	Giáp ranh nhà ông Hoàng	Hết đất Chùa PengSomRach	350
		KV2- VT3	Giáp Chùa PengSomRach	Cầu Bưng Tróp	200
		KV2- VT2	Cầu Bưng Chóp A	Đường vào chợ Bưng Tróp (đi An Ninh)	500
		KV2- VT3	Đường vào chợ Bưng Tróp (đi An Ninh)	Giáp ranh xã An Ninh	300
4	Đường Sóc Vồ	KV1- VT2	Quốc lộ 1A	Cầu Sóc Vồ	400
		KV2- VT2	Cầu Sóc Vồ	Giáp ranh xã An Ninh	300
5	Tuyến tránh QL 60	KV2- VT1	Toàn tuyến		800
6	Tuyến đê bao	KV2-VT3	Toàn tuyến		150
7	Chợ An Trạch	KV2- VT1	Hai bên và dãy dưới nhà lồng chợ		1,500
8	Các hẻm Khu vực chợ An Trạch	KV2-VT3	Toàn khu		250
9	Đường vào chợ Bưng Tróp A	KV3- VT2	Suốt tuyến (từ giáp đường huyện đi An Ninh vào chợ và đoạn từ qua cầu Bưng Tróp A vào chợ)		200
10	Khu vực chợ Bưng Chóp A	KV2-VT3	Toàn khu		150
11	Đường Dal	KV2-VT3	Cầu Bưng Tróp	Hết đất Chùa Bưng Tróp	150
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach	Cầu ông Lonl	150
		KV2-VT3	Cầu ông Lonl	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	150

		KV2-VT3	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	Trường Mẫu giáo An Tập	130
		KV2-VT3	Sau chùa PengsomRach		150
12	Khu tái định cư	KV2-VT2	Toàn khu		550
13	Đường vào khu tái định cư	KV2-VT2	Toàn tuyến		600
14	Đường vào trường Tiểu học An Hiệp qua khu tái định cư	KV2-VT2	Toàn tuyến		550
15	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	KV2-VT2	Đầu đường	Vào đến 500m	300
		KV2-VT2	Vào đến 500m	Giáp ranh xã Thiện Mỹ	200
IV	**Xã Phú Tâm.**				
1	Đường tỉnh 932	ĐB	Từ cầu Phú Tâm	Hẻm Công Lập Thành	2,000
		KV1-VT1	Hẻm Công Lập Thành	Hẻm Trạm Y Tế	1,600
		KV2 - VT1	Hẻm Trạm Y Tế	Kênh ống Bọng	500
		KV2 - VT2	Kênh ống Bọng	Giáp ranh huyện Kế Sách	400
2	Đường hai bên nhà lồng chợ	ĐB	Đường hai bên nhà lồng chợ		2,100
		KV2 - VT1	Hẻm Công Lập Thành	Hết đất Trường Mẫu Giáo	300
		KV2 - VT2	Giáp ranh Trường Mẫu giáo	Hết ranh nhà Bảy Tài	200
3	Đường Huyện 5	KV2 - VT3	Giáp ranh đường 932	Cầu Bà Ngẫu	250
		KV2 - VT3	Tuyến đường còn lại		200
4	Hẻm	KV2 - VT2	Hẻm khu 2 của Ấp Phú Bình		250
		KV2 - VT3	Hết ranh đất trường Hoa	Cầu nhà thầy Sinh	200
		KV2 - VT3	Giáp đường tỉnh 932 (cặp VLXD Tân Phong)	Kênh Vòng Đai	150
		KV2 - VT3	Giáp đường tỉnh 932 (cặp trụ sở ấp Thọ Hòa Đông)	Kênh Vòng Đai	150

		KV2 - VT3	Giáp đường tỉnh 932 (cặp nhà Sơn Hậu)	Kênh Vòng Đai	150
		KV2 - VT3	Đầu ranh Quán ông Ịn	Hết ranh đất nhà Cô Dón	150
		KV2 - VT3	Giáp ranh nhà thầy Sinh	Kênh bà Phải	150
		KV2 - VT3	Giáp ranh đất Trường Hoa	Cầu Lương Sơn Bá	150
		KV2 - VT3	Giáp đường huyện 5	Hết đất Nhà 5 Lọt	150
		KV2 - VT3	Các hẻm ximăng còn lại		150
5	Đường Dal	KV2 - VT3	Cầu Bảy Quýt	Mỏ neo (giáp ranh Kế Sách)	150
		KV2 - VT3	Cầu Bảy Quýt	Ranh huyện Kế Sách (Nhà Bảy Ngoan)	150
V	**Xã An Ninh.**				
	Đường tỉnh 938	KV1 - VT 1	Giáp ranh TP Sóc Trăng	Cua Xà Lan	500
		KV1 - VT 2	Cua Xà Lan	Cầu Chùa	400
		KV1 - VT 2	Giáp ranh Cầu Chùa	Đường vào Chông Nô	450
		KV1-VT1	Đường vào Chông Nô	Hết ranh Trường tiểu học An Ninh D	550
		KV 1-VT2	Giáp ranh Trường tiểu học An Ninh D	Cầu Trắng	450
2	Đường tỉnh 939	KV1 - VT2	Cầu Trắng	Hết ranh đất nhà máy ông Ba Chiến	1,000
		KV2 - VT3	Giáp ranh đất nhà máy ông Ba Chiến	Cống Kinh Mới	380
		KV2 - VT3	Cống Kinh Mới	Giáp ranh xã Mỹ Hương	300
3	Đường đi Chông Nô	KV2 - VT3	Đường tỉnh 938	Cầu kênh 76	240
		KV2 - VT3	Cầu kênh 76	Bưng Chóp	200
4	Hẻm Chợ	KV1-VT1	Đầu ranh đất Bà Léng (nhà ông Tường)	Hết ranh đất bà Nguyên	1,000
		KV1-VT1	Giáp ranh đất Bà Dân	Hết đất ông Xe	800
5	Các hẻm trung tâm xã	KV1-VT2	Các hẻm nhựa thuộc Ấp Châu Thành		350

		KV1-VT1	Hai bên nhà lồng chợ cũ		800
		KV1-VT3	Đường sân bóng cũ		250
6	Hẻm ấp Châu Thành	KV2-VT1	Các hẻm xóm 1,2,3,4 thuộc Ấp Châu Thành		240
7	Đường Sóc Vồ	KV2-VT3	Bia truyền thống	Giáp ranh xã An Hiệp	300
8	Hẻm khu vực Sóc Vồ	KV2-VT 2	Các hẻm		150
9	Đường dal	KV2-VT 3	Lộ Dal Xà Lan		150
VI	**Xã Hồ Đắc Kiện.**				
1	Quốc Lộ 1A	KV1-VT1	Ranh TT. Châu Thành	Hết đất Trương Đức Hoàng	1,000
		KV1-VT2	Giáp ranh đất Trương Đức Hoàng	Hết ranh đất cây xăng Dư Hoài	800
		KV1-VT1	Giáp ranh đất cây xăng Dư Hoài	Ranh xã Đại Hải	1,000
2	Lộ Dal trung tâm xã	KV1-VT2	Cầu Hai Sung	Cầu trung tâm xã	250
		KV1-VT3	Hết đất Lò sấy Tám Quốc	Cầu trung tâm xã	150
		KV1-VT2	Cầu trung tâm xã đi Thiện Mỹ	Hết đoạn bờ kè	300
		KV1-VT3	Cầu trung tâm xã	Hết đất UBND xã	300
		KV1-VT4	Chợ xã: Cầu trung tâm xã	Hết bờ kè Kinh Gòn	300
3	Tuyến đê bao	KV2-VT3	Toàn tuyến		175
4	Lộ Đal	KV2-VT3	Cầu chùa mới	Cầu 2 Sung	150
		KV2-VT3	Toàn tuyến kinh cũ ấp Đắc Lực, Đắc Thời		150
		KV2-VT3	Lộ Đal kênh Xây Đạo		150
		KV2-VT3	Hết bờ kè kinh Gòn	Đê bao phân trường	200
		KV2-VT3	Đi Thiện Mỹ: hết bờ kè	Ranh xã Thiện Mỹ	170
		KV2-VT3	Hết bờ kè ấp Đắc Lực	Ranh xã Đại Hải	150
			Lộ đông Kinh Cũ ấp Đắc Lực		150

5	Lộ Dal còn lại	KV2 - VT3	Các tuyến		150
6	Tuyến Lộ trên kênh Phú Cường	KV2-VT2	Giáp Quốc Lộ 1A	Đến kênh thứ Nhất	200
VII	**Xã Thiện Mỹ.**				
1	Đường tỉnh 939 B (Đường Tỉnh 14)	KV1-VT1	Hết đất UBND xã Thiện Mỹ	Cầu xã Thiện Mỹ	1,600
		KV1-VT3	Giáp UBND xã Thiện Mỹ	Ranh xã Thuận Hoà	440
		KV1-VT3	Cầu xã Thiện Mỹ	Hết ranh đất quáng Café Thanh Trúc	#REF!
		KV2-VT 1	Giáp ranh đất café Thanh Trúc	Giáp ranh xã Mỹ Hương	250
2	Đường liên xã Thiện Mỹ - An Hiệp	KV2 - VT 1	Giáp Tỉnh lộ 939	Giáp kênh Điện huyện	400
		KV2 - VT 1	Giáp kênh Điện huyện	Giáp ranh xã An Hiệp	250
3	Lộ đal	KV2 - VT1	Ngã tư Mỹ Phú	Hết đất Trường tiểu học Thiện Mỹ A	220
		KV2 - VT1	Ngã tư Mỹ Phú	Hết đất ông Lương Văn Cam	220
		KV2 - VT1	Cầu chợ	Hết đất Trường THCS Thiện Mỹ	250
4	Lộ Đal còn lại	KV2-VT2	Các tuyến		150
5	Khu vực nhà lồng chợ	KV1-VT1	Dãy hai bên nhà lồng chợ		1,800
		KV1-VT2	Dãy phía sau nhà lồng chợ		1,500
6	Các hẻm xung quanh khu vực chợ	KV2 - VT1	Các tuyến		500
VIII	**Xã Phú Tân.**				
1	Đường tỉnh 932 (Đường Tỉnh 1 cũ)	KV1-VT3	Ranh xã An Hiệp	Cầu 30/4	550
		KV1 - VT2	Cầu 30/4	Hết đất Tịnh xá Ngọc Tâm	950
		KV1-VT1	Giáp ranh Tịnh xá Ngọc Tâm	Giáp ranh xã Phú Tâm	1,600
2	Đường đal	KV2-VT3	Xóm rẫy		160
		KV2-VT3	Chùa bốn mặt		160

		KV2-VT3	Hẻm Ấp văn hoá Phước An		160
		KV2-VT3	Đường Trọt Trà Ét		160
		KV2-VT3	Các đường Dal ấp Phước Lợi		200
		KV2-VT2	Đường vào chùa Bà		190
		KV2-VT2	Đường vào Đình Phước Hưng		220
		KV2-VT2	Toàn tuyến cặp kênh 30/4		200
		KV2-VT2	Các đường dal ấp Phước Hòa		160
3	Đường nhựa	KV2-VT2	Tuyến trục chính xã Phú Tân		200
4	Tuyến tránh QL 60	KV2-VT1	Toàn tuyến		800
K	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**				
I	**Thị Trấn Trần Đề**				
1	Đường 30/4	1	Toàn tuyến		1,500
2	Đường 19/5	1	Toàn tuyến		1,500
3	Đường đal	1	Đoạn lộ từ lộ 19/5 (đi Lăng Ong)	Lộ Tái định cư Nam sông Hậu	800
4	Đường dal 27/7	1	Toàn tuyến		900
5	Đường dal 22/12	1	Toàn tuyến		900
6	Đê ngăn mặn	1	Lộ (đê) cặp cảng cá Trần Đề	Kinh 2	600
7	Đường đal	1	Hẻm lộ đal nông thôn từ lộ NSH (Tiệm vàng Lý Anh)	Hết đất ông Hoá	350
8	Đường tỉnh 934	1	Cầu Bãi Giá	Giao lộ Nam Sông Hậu (gần nhà ông Thêm)	1,000
		1	Giao lộ Nam Sông Hậu (nhà ông Nghiêm)	Lộ 19/5	1,000
9	Đường đal	1	Nhà ông Phan Văn Minh	Bến Phà Qua Cù Lao Dung	500
		2	Đoạn lộ đal Sóc Mồ Côi từ Đ. Nam Sông Hậu	Kênh Hia Bạc	300
10	Đường Nam Sông Hậu	3	Hết đất ông Long	Sông Ngan Rô (Ranh xã Đại Ân 2)	700
		2	Giáp ranh đất ông Long	Ranh đất nhà ông Trúc	1,000

		1	Hết ranh đất nhà ông Trúc	Ranh đất Trường TH Cơ sở	1,100
		1	Hết ranh đất Trường TH Cơ sở	Cống Bãi Giá	1,100
11	Tuyến đê ngăn mặn	1	Ranh trung tâm Thương mại	Giao lộ Nam Sông Hậu	300
		2	Từ lộ NSH tới đê Ngăn Mặn (Ngan Rô 1)	Theo hết tuyến đê ngăn mặn tới Kênh 2	290
12	Đường đal	3	Đập Ngan Rô	Bến Phà Đại Ân 1	200
		2	Từ cầu Thanh niên (giáp kênh lộ NSH)	Đầu kênh Bồn Bồn	350
		1	Đầu kênh Bồn Bồn	Kênh 1	300
13	Đường vào khu tái định cư	1	Từ tỉnh lộ 934 (nhà ông Lâm Văn Bảy) vào suốt lộ		1,000
14	Đường dal	2	Đường Tỉnh 934	Cầu (kênh) Tiếp Nhựt	300
		1	Đường Tỉnh 934	Hết đất Chùa Đầu Giồng	350
		3	Đường đal khu 2 (suốt lộ)		200
		2	Giao lộ đường đal giáp kinh tiếp nhựt (đường Chùa)	Lộ NSH (đối diện nhà ông Nghiêm)	300
15	Đường đal Kinh 2	3	Toàn Tuyến		200
16	Đường Đal	1	Đầu lộ nhà ông Hiếu (xóm sau lộ 22/12)	Hết đất nhà ông Hứa Văn Dũng	300
		1	Giáp đường Tỉnh 934	Hết trường tiểu học Trần Đề A	300
		2	Giáp lộ Nam Sông Hậu	Trường tiểu học Trần Đề B	300
		2	Giáp đường Tỉnh 934 (Nhà ông Triệu Sự)	Lộ đal kinh Tiếp Nhựt	300
		3	Trường tiểu học Trần Đề B (Điểm Ngan Rô 1)	Suốt tuyến	200
17	Đường đất	1	Sau Công an huyện		400
II	**TT Lịch Hôi Thượng**				
1	Đường Dal	1	Đất trụ sở UBND thị trấn	Hết đất ông Phạm Văn Khởi (Bánh mỳ)	6,700
2	Hai đường cặp hông chợ	1	Suốt tuyến		6,700

3		1	Ngã 4 ông Xưa	Ngã 4 Hòa Đức	4,000
4		1	Ngã 4 Thanh Vân	Hết đất ông Hấu	4,500
5		1	Ngã 4 ông Nía	Hết quán cà phê ông Nỉ	4,500
6		1	Ngã 4 Hòa Thành	Hết đất trường Tiểu Học A	2,300
7		1	Ngã 4 Hòa Đức	Ngã 4 cây Vông	2,000
8		1	Ngã 4 cây Vông	Chùa 2 ông cọp	1,300
9		1	Ranh Quán Thanh Vân	Cống ông Hiệp	1,300
10		1	Kinh ông Thầy Pháp	Kinh ông Vinh (bên sông)	450
11	Huyện Lộ 27	1	Lộ Sóc Giữa	Suốt Lộ	800
12		1	Hết đất UBND huyện	Kênh ông Vinh (Lộ cặp Kinh xáng)	350
13		1	Giáp đất ông Phạm Văn Khởi	Đường tỉnh 934	2,750
14		1	Hết đất Trụ sở UBND thị trấn	Hết đất UBND Xã	2,750
15		1	Cống ông Hiệp	Cầu Vĩnh Tường	1,000
16		1	Chùa Phước Đức Cổ Miếu	Cầu Vĩnh Tường	1,800
17	Đường tỉnh 934	1	Cầu UBND huyện	Cầu Hội Trung	1,200
		1	Cầu UBND huyện	Hết đất Trần Huy làm bãi chứa VLXD	1,320
		3	Giáp đất Trần Huy	Ranh xã Liêu Tú	880
		2	Cầu Hội Trung	Hết đất ông Trịnh Tấn Xuân	1,000
		4	Giáp đất ông Trịnh Tấn Xuân	Ranh xã Trung Bình	800
18	Huyện lộ 27	2	Cầu nhà máy Khánh Hưng	Kênh Tư Mới	500
		3	Kênh Tư Mới	Kênh Ba Mới	300
		4	Kênh Ba Mới	Ranh xã Đại Ân 2	200
		1	Chùa 2 ông Cọp	Ranh xã LHT	750
19	Đường đal	1	Bên sông cặp kênh Tiếp Nhựt	Suốt tuyến	150
		1	Lộ Sóc Bìa Hội Trung	Suốt đường	600
		1	Kênh Thầy Pháp	Kênh Giồng Chát	400

		1	Ngã Tư Phố Dưới	Nhà ông Trần Nhứt	700
		1	Ngã 4 cây Vông	Đường huyện 9	250
		1	Đường huyện 9	Cầu Đai Tưng	250
20	Đường đal	4	Chân cầu Bưng Lức	Ranh xã Trung Bình	200
21	Đường đal	2	Đầu kinh Cầu Mát	Đường Huyện 9 (cặp nhà ông Trần Binh)	250
22	Đường đal	2	Quán ông Soi	Cầu nhà ông Thạch Dũng	220
23	Đường đal	1	Đường vào Khu tập thể Huyện Đội	Suốt Tuyến	330
24		2	Lộ Đất cặp Kinh Đai Tưng	Suốt Tuyến	150
25		2	Đường đal xóm nhà ông Sơ	Suốt Tuyến	150
26		1	Hẻm cặp quán cà phê ông Đại	Suốt tuyến	300
27		1	Hẻm cặp Trường tiểu học B	Suốt tuyến	500
28		1	Hẻm cặp nhà ông Liên Tấn	Trường tiểu học B	1,500
29		1	Ngã 4 Hòa Đức	Hết đất nhà bà Yến Ông Dín)	2,300
30		1	Hẻm nhà ông Tám Điếc	Suốt tuyến	600
31		1	Hẻm nhà ông Lâm Sướng	Suốt tuyến	600
32		1	Hẻm cặp UBND TT	Suốt tuyến	250
33		1	Hẻm cặp Quán Cô Năm	Phước đức cổ Miếu	350
34		1	Lộ đal cặp nhà ông Dên	Suốt tuyến	400
35		1	Hẻm nhà ông Siều	Suốt tuyến	300
36		1	Hẻm nhà ông Huỳnh Chứ	Suốt tuyến	450
37		1	Hẻm nhà ông Khưu Thành	Giáp đường nhựa cặp mé sông	250
38	Lộ đal	1	Trường tiểu học A	Hết nhà ông Trần Văn Lạl	300
39		2	Hai đường đal trước chùa 2 ông Cọp	Suốt tuyến	250
40	Lộ đal	1	Cặp nhà ông Hà Vĩnh Phong	Giáp đường Huyện 9	250

41	Lộ đal	2	Nhà ông Trần Nhứt	Giáp đường Huyện 9	250
42	Đường đất	3	Nhà ông Khưu Bảo Quốc	Giáp đường đal ranh UBND xã (trước nhà ông Sáu Lễ)	150
43	Đường đất	1	Trước nhà ông Lưu Hữu Phước	Suốt tuyến	200
44		1	Hẻm Quán Thanh Vân (cặp nhà ông Hầu)	Giáp nhà Lồng Chợ	1,300
45		1	Hẻm từ Chợ cá	Giáp nhà Lồng Chợ	1,000
46		1	Hẻm từ Chợ cá	Cầu Hội Đồng	950
47	Lộ cặp mé sông	1	Kinh Tiếp Nhựt	Ranh xã Đại Ân 2 (bên kia kinh Tú Điềm)	150
		1	Tuyến cặp sông Bưng Lức	Suốt tuyến	150
III	**Xã Đại Ân 2**				
1	Đường Huyện 28	KV1-VT2	Cầu Bưng Cốc	Cống ông Til	500
		KV1-VT1	Đầu cầu sắt	Hết đất UBND xã	900
		KV1-VT3	Cống ông Til	Giáp huyện lộ 27	400
		KV1-VT3	Cầu Bưng Cốc	Đập Ngan Rô	400
2	Đường Nam Sông Hậu	KV2-VT1	Ranh TT Trần Đề	Kênh Quốc Hội	500
		KV2-VT2	Kênh Quốc Hội	Kênh Xả Chỉ - Long Phú	350
3	Tuyến đê ngăn mặn	KV2-VT2	Đập Ngan Rô	Đập Ba Cào	200
		KV2-VT2	Đập Ba Cào	Cống Xả Chỉ	200
		KV2-VT2	Cầu Bưng Cốc	Kênh Quốc Hội	200
		KV2-VT1	Cầu Phước Thiện	Giáp kênh 2 (lộ Bưng Lức cũ)	260
4	Đường Ngan Rô	KV2-VT2	Cầu Ông Mó	Giáp huyện lộ 27	200
		KV2-VT1	Đầu Kênh Bồn Bồn qua đầu cầu chợ	Cầu nhà ông Ó	400
		KV2-VT2	Đầu Kênh Bồn Bồn	Kênh 1	290

5	Đường Huyện 9	KV2 - VT1	Ranh Xã Long Phú	Kênh So Đủa	240
		KV2-VT2	Kênh So Đủa	Ranh Lịch Hội Thượng (kênh 1 mới)	220
		KV2-VT3	Cầu Chùa	Hết đất Tư Kiên	200
		KV2-VT3	Đầu đất bà Út Lên (ngã 3)	Cầu Ông Kên	200
		KV2 - VT3	Đầu Cầu Ông Mó	Ranh xã Trung Bình (kênh 2)	200
		KV2-VT3	Giáp đất Tư Kiên	Ranh xã Long Phú	200
		KV2-VT3	Đầu đất ông Đào Sen	Giáp Chùa Bưng Buối	200
IV	**Xã Liêu Tú**				
1	Đường Tỉnh 934	KV1-VT1	Hết đất UBND xã	Hết ranh Trường Trung học Cơ sở	700
		KV1-VT2	Giáp UBND xã	Ranh Lịch Hội Thượng	700
		KV1-VT3	Từ giáp Trường Trung học Cơ sở	Ranh xã Viên Bình	600
2	Đường bên sông	KV1 - VT2	Ranh Lịch Hội Thượng	Ranh xã Viên Bình (lộ bên sông)	200
3	Tiếp Nhựt	KV1-VT2	Cầu Nhà ông Chanh	Hết đất ông Châu Phát	250
		KV1-VT2	Ngã 3 Đường Tỉnh 934	Đầu đất ông Huỳnh Đại Thắng	200
4	Sóc Đôm - Tà Nịt	KV2-VT2	Lộ Sóc Đôm - Tà Nịt	Ranh Lịch Hội Thượng	200
5	Các tuyến còn lại	KV2 - VT2	Đầu đất Kim Quợl	Giáp đất ông Tăng Huynh	200
		KV2-VT1	Đầu đất Trịnh Hữu Bình (thầy Đức)	Cầu Ông Đáo	300
		KV2-VT1	Bến đò cũ Tổng cán qua đất ông Hải	Hết đất ông 8 Tạo	300
		KV2-VT1	Cầu sắt ông Thại	Hết đất ông Lâm Phel	300
		KV3-VT2	Từ đất ông Lâm Phel	Chùa Khmer ấp Giồng Chát	150
		KV2-VT1	Hết đất Trường TH xóm 3 Bưng Triết	Lò xấy lúa ông Phát Bưng Buối	150
V	**Xã Trung Bình**				
1	Đường 934	KV1-VT1	Chợ Bãi Giá	Hết đất Đảng ủy củ	1,000

		KV1-VT2	Giáp Đảng ủy củ	Cầu Đen	900
		KV1-VT2	Cầu Đen	Ranh xã Lịch Hội Thượng	650
2		KV2-VT1	Lộ nhựa từ Đảng Uỷ (cũ)	Giáp Trường học ấp chợ	650
3		KV2-VT2	Hết đất Trường học ấp chợ	Hết đất Giáp Nhà Thờ Bãi Giá	450
4	Đường Dal	KV2-VT2	Giáp Nhà Thờ Bãi Giá (nhà ông Tây)	Hết Chợ Bồ Đề	450
		KV2-VT3	Giáp Chợ Bồ Đề (hết nhà ông Sáu Say)	Giáp nhà Vũ Quyền	300
		KV2-VT3	Lộ quân khu từ đường tỉnh 934	Cống Tầm Vu	450
		KV2-VT2	Lộ Mỏ Ó Tuyến 1	Suốt lộ	200
		KV1-VT3	Lộ Mỏ Ó Tuyến 2	Suốt lộ	200
5		KV2-VT3	Đê ngăn mặn từ cống Bãi Giá	Giáp Lộ Nam Sông Hậu (hướng Mỏ Ó)	500
6		KV2-VT1	Cầu Sắt kênh 6 Quế 1	Giao lộ Nam Sông Hậu	350
7	Lộ Nam Sông Hậu	KV2-VT2	Cống Bãi Giá	Hết Trạm kiểm lâm	500
		KV2-VT2	Lộ Mỏ Ó (tuyến 2)	Cầu 6 Quế 2	400
		KV2-VT2	Cầu 6 Quế 2	Ranh Lịch Hội Thượng (cầu Sáu Quế 1)	250
		KV2-VT2	Trạm kiểm lâm (phía giáp lộ)	Lộ Mỏ Ó (tuyến 2)	350
8	Đường dal	KV2-VT2	Đường Tỉnh 934 (Cầu Đen)	Nhà thờ Bãi Giá	200
9	Đường dal	KV2-VT2	Đường Tỉnh 934	Lộ nhựa Nhà Thờ	200
10	Đường dal	KV2-VT2	Lộ Quân khu	Hết đất ông Bảy Tững	200
11	Đường dal	KV2-VT3	Cổng Nhà thờ Bãi Giá (phía Tây)	Nhà ông Bảy Lục	200
		KV2-VT3	Giáp ranh xã Đại Ân 2 (phía Tây Sông Bứng Lức)	Ranh TT Lịch Hội Thượng	200
		KV2-VT3	Giáp ranh xã Đại Ân 2 (phía Đông Sông Bưng)	Kinh Tiếp Nhựt (đối diện nhà ông Go)	200

		KV2-VT3	Kinh 4	Kinh Tiếp Nhựt	200
		KV2-VT3	Đường đal Kinh 2 (suốt đường)		200
		KV2-VT3	Đường đal Kinh 3 (suốt đường)		200
		KV2-VT3	Đường đal Kinh 4 (suốt đường)		200
VI	**Xã Lịch Hội Thượng**				
1	Đường Nhựa	KV2-VT1	Ngã 4 Chùa Phước Đức Cổ Miếu (đất ông Húa)	Ngã 4 Phố Dưới (cầu Vĩnh Tường)	1,800
2	Đường Nhựa	KV2-VT1	Ngã 4 Chùa Phước Đức Cổ Miếu (đất ông Húa)	Hết đất bà Út Dung	700
3	Đường Nhựa	KV2-VT2	Hết đất bà Út Dung	Hết đất Chùa Hội Phước	350
4	Huyện lộ 27	KV2-VT2	Chùa Sóc Tia	Kênh 6 Quế 1 (giáp ranh xã Trung Bình)	400
5	Đường Đal	KV2 - VT2	Hết đất ông Tống Kim Châu(qua Chùa Phật)	Ngã 3 Bằng Lăng	600
6	Huyện lộ 27	KV2-VT1	Ranh TT LHT	Chùa Sóc Tia	500
7		KV3-VT1	Ngã Tư Chùa Hội Phước	Đê ngăn mặn	300
8		KV3-VT1	Lộ đal trước chùa Sóc Tia	Suốt lộ	250
9		KV2-VT1	Ngã 4 Phố Dưới (Cầu Vĩnh Tường)	Hết đất ông Tống Kim Châu	890
10	Đường Nam Sông Hậu	KV3-VT1	Tuyến lộ Nam Sông Hậu	Suốt tuyến	250
11	Đường Đal	KV2-VT3	Lộ đal trước nhà ông Trương Kim Long (suốt lộ)		250
		KV2-VT3	Lộ đal cặp Đình Nam Chánh (suốt lộ)		250
		KV2-VT2	Kinh Giồng Chát	Kinh Ngọc Sinh	400
		KV2-VT1	Lộ đal cặp Giồng Bằng Lăng Mặn (suốt Lộ)		350
VII	**Xã Tài Văn**				
1	Đường tỉnh 934 (tỉnh lộ 8 cũ)	KV1-VT1	Giáp ranh thị trấn Mỹ Xuyên	Hết ranh đất DNTN thủy sản Hồng Vân	1,500
		KV1-VT2	Hết ranh đất DNTN thủy sản Hồng Vân	Đến ngã 3 đi Vĩnh Châu	1,100

		KV1-VT2	Đoạn còn lại của đường 934		700
2	Khu vực chợ Tài Văn	KV2-VT1	2 bên chợ		800
3	Đường tỉnh 935 (tỉnh lộ 11 cũ)	KV2-VT1	Ngã 3 Tài Văn	Về hướng Vĩnh Châu 300m	600
		KV2-VT2	Đoạn còn lại đến ranh Thạnh Thới An		400
4	Đê bao Phú Hữu-Mỹ Thanh	KV3-VT1	Suốt đường		150
5	Khu vực đất ở nông thôn dọc theo lộ đal và các tuyến kênh rạch	KV3-VT2	Trên địa bàn xã		200
VIII	**Xã Viên An**				
1	Đường tỉnh 934	KV2-VT1	Từ cầu Trà Đức	Đến đường vào ấp Bưng Sa	650
2	Đường vào chùa Lao Vên	KV3-VT1	Đoạn trên địa bàn xã Viên An		180
IX	**Xã Viên Bình**				
1	Đường tỉnh 934	KV2-VT1	Giáp ranh xã Viên An	Hết đất Cây xăng Thuận An	700
		KV2-VT2	Đoạn còn lại theo tuyến đường 934		600
2	Khu vực chợ Viên Bình	KV2, VT1	Khu vực chợ Viên Bình		700
3	Đường vào chùa Lao Vên	KV3-VT1	Từ giáp xã Viên An	Đến chùa Lao Vên	200
4	Đất ở ven kênh Tiếp Nhựt	KV3-VT2	Suốt tuyến		200
5	Đất ở dọc theo lộ đal, các tuyến kênh,rạch	KV3-VT3	Trên địa bàn xã		150
X	**Xã Thạnh Thới An**				
1	Đường tỉnh 935 (tỉnh lộ 11 củ)	KV2-VT1	Giáp ranh xã Tài Văn	Đến cầu An Hòa	400
		KV2-VT3	Từ cầu An Hòa	Đến cách cầu Lác Bưng 200m	250
		KV2-VT2	Cách cầu Lác Bưng 200m	Qua cầu đến giáp ranh xã Thạnh Thới Thuận	300
2	Khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã	KV2-VT3	Cầu sắt UBND xã dọc theo lộ đal 300 m (về ấp An Hòa 1, Hưng Thới, Đầy Hương 3)		250

		KV3-VT1	Từ Giáp đường 935	Đến cách UBND xã 300m (hai bên lộ)	180
		KV3-VT2	Giáp đường 935 Lộ Đal	Vào ấp Tắc Bướm 500m	150
		KV3-VT2	Giáp đường 935 Lộ Đal	Vào ấp Tiên Cường 1, 300m	150
		KV3-VT2	Giáp đường 935 Lộ Đal	Vào ấp Thanh Nhàn 300m	150
		KV3-VT3	Khu vực có lộ đal còn lại	Các tuyến lộ đal còn lại	120
		KV3-VT2	Đê bao Phú Hữu-Mỹ Thanh	Suốt tuyến giáp Thị Trấn Mỹ Xuyên	150
XI	**Xã Thạnh Thới Thuận**				
1	Đường tỉnh 935 (tỉnh lộ 11 củ)	KV2-VT1	Cầu Mỹ Thanh	Đến Cầu So Đũa	650
		KV2-VT2	Đoạn còn lại		350
2	Đường 936B	KV3-VT1	Đường 935 đến qua Thánh thất Thái Văn Minh 300m		150
		KV3-VT2	Đoạn còn lại		130
3	Khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã	KV3-VT3	Tuyến lộ dal con lại trên địa bàn xã		120

PHỤ LỤC 2: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị tính 1000 đồng/m2

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất năm 2013
A	**HUYỆN MỸ XUYÊN**		
I	**KV2**	**Thị trấn Mỹ Xuyên**	
1	VT2	Giới hạn bởi: Ranh TP Sóc Trăng, đường Trần Hưng Đạo, hương lộ 14 và ranh xã Tham Đôn.	45
2	VT4	Kênh Phước Kiện đi Cần Giờ đến giáp ranh xã Tham Đôn, Thạnh Thới An và Tài Văn.	35
II	**KV3**	**Xã Tham Đôn**	
1	VT7	Đất cây hàng năm trên địa bàn xã	20
III	**KV3**	**Xã Đại Tâm**	
1	VT5	Đất cây hàng năm trên địa bàn xã	30
IV	**KV3**	**Xã Thạnh Phú**	
1	VT4	Giới hạn bởi: Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; đê bao Phú Hưng; đường khu 4, lộ đan vào Phú Hoà, Phú Thành và ranh xã Lâm Kiết - Thạnh Trị	35
2	VT5	Khu vực còn lại	30
V	**KV3**	**Xã Thạnh Quới**	
1	VT5	Đất cây hàng năm trên địa bàn xã	30
VI	**KV3**	**Xã Gia Hòa 1.**	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất hàng năm của xã.	25
VII	**KV3**	**Xã Gia Hòa 2.**	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất hàng năm của xã.	25

VIII	KV3	**Xã Hòa Tú 1**	
1	VT5	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đình đến kênh Tư và ranh xã Ngọc Đông, Ngọc Tố và Hòa Tú 2.	30
2	VT6	Khu vực còn lại.	25
IX	**KV3**	**Xã Hòa Tú 2**	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất hàng năm của xã.	25
X	**KV3**	**Xã Ngọc Đông**	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất Nông nghiệp của xã	30
XI	**KV3**	**Xã Ngọc Tố**	
1	VT5	Khu vực ấp Cổ Cò	30
2	VT6	Khu vực còn lại.	25
B	**HUYỆN MỸ TÚ**		
I	**KV2**	**Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa.**	
1	VT3	Phía Đông giáp sông Tân Lập. Phía Tây giáp kênh Bộ Thon, kênh 1/5, kênh ông Nam, kênh Bá Hộ. Nam giáp Rạch đường Trâu, ranh xã Mỹ Tú. Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, rạch Ô Rô, rạch Xẽo Lá.	40
2	VT4	Các vị trí còn lại.	35
II	**KV3**	**Xã Mỹ Hương.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, kênh Chùa Ông Gạch, ranh huyện Châu Thành, kênh rạch Ô Quên, kênh Ba Anh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, đường tỉnh 939B. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng, kênh Ô Quên, kênh Ba Đáng, kênh Mười Đường. Phía Bắc giáp kênh 10 đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương.	35
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Bầu. Phía Tây giáp xã Thuận Hưng. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng. Phía Bắc giáp sông Ô Quên.	30
		Phía Đông giáp xã An Ninh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa. Phía Bắc giáp kênh 10 Đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương. Phía Bắc giáp xã Thiện Mỹ.	30
3	VT6	Các vị trí còn lại.	25

III	KV3	**Xã Mỹ Phước**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm, kênh 7 thước. Phía Nam giáp kênh xáng cụt, kênh Sáu sương, kênh 3 Trí, kênh 5 Rạch, kênh Ông Phán, kênh Bao Lâm trường. Phía Bắc giáp kênh xáng Mỹ Phước.	35
2	VT5	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp kênh U Rê. Phía Nam giáp kênh xáng Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kinh ranh Lâm Trường, kênh ranh, ranh xã Mỹ Thuận.	30
		Phía Đông giáp xã Mỹ Tú. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm. Phía Nam giáp kênh Trà cú cạn. Phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú.	30
		Phía Đông giáp kênh 5 rạch. Phía Tây giáp kênh 7 Thước. Phía Nam giáp kênh Xóm Tiệm. Phía Bắc giáp kênh 3 Trí, Sáu Sương.	30
3	VT6	Các vị trí còn lại.	25
IV	**KV3**	**Xã Mỹ Thuận.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Thuận Hưng. Phía Tây giáp đường Tỉnh 940. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc, dọc kinh Nhu Gia và huyện Thạnh trị. Phía Bắc giáp kênh Tà Liêm.	35
2	VT5	Các vị trí còn lại.	30
V	**KV3**	**Xã Thuận Hưng.**	
1	VT4	Phía Đông giáp tỉnh lộ 939. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc. Phía Bắc giáp kênh Nổi Tà Liêm.	35
2	VT5	Phía Đông giáp ranh xã An Ninh. Phía Tây giáp kênh Tam Bình. Phía Nam giáp kênh nổi Tà Liêm. Phía Bắc giáp kênh Miễu Ông Tà, rạch Tà Ân, kênh Sáu	30
		Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Hương, rạch Tà Ân. Phía Tây giáp kênh Năm Đông. Phía Nam giáp rạch Tà Ân. Phía Bắc ranh xã Mỹ Hương	30
		Phía Đông giáp xã Phú Mỹ. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp xã Phú Mỹ, xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp kênh Tam Sóc	30
		Phía Đông giáp rạch Nhu Gia. Phía Tây giáp rạch Cái Chiết. Phía Nam giáp rạch Nhu Gia. Phía Bắc giáp kênh Ô Quên, ranh xã Mỹ Hương	30
		Phía Đông giáp kênh năm Đông. Phía Tây giáp kênh Nhà Trường. Phía Bắc giáp sông Nhu Gia. Phía Nam giáp kênh Miếu Ông Tà.	30
3	VT6	Các vị trí còn lại.	25
VI	**KV3**	**Xã Long Hưng.**	

1	VT4	Phía Đông giáp kênh nông trại 1/5 ,kênh Hàng Sắn nối. Phía Tây giáp kênh kênh Đập Đá giáp, xã Hưng Phú. Phía Nam giáp TT-HHN, kênh Năm Thường, xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh xáng Phụng Hiệp-Hậu Giang.	35
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Thước, kênh Chệt Siều. Phía Tây kênh Hàng Sắn. Phía Nam giáp xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh Tân Phước, kênh Lý, kênh Xáng 1.	30
3	VT6	Các vị trí còn lại.	25
VII	**KV3**	**Xã Hưng Phú.**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Long Hưng. Phía Tây giáp rang huyện Thạnh Trị. Phía Nam giáp ranh kênh 1000, kênh Tư Lý, kênh 9 Có, kênh Hai Chi, kênh 1000, kênh ba Cường, kênh Cô Ba. Phía Bắc giáp kênh xáng Phụng Hiệp.	35
		Phía Đông giáp rạch đường Láng. Phía Tây giáp ranh ấp Phương An 3 . Phía Nam giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kênh Cô Ba	35
2	VT5	Các vị trí còn lại.	30
VIII	**KV3**	**Xã Mỹ Tú.**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp rạch Cây Cồng, Kênh Đooc Dong, kênh đường tỉnh 940. Phía Nam giáp xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp TT-HHN.	35
		Phía Đông giáp ranh TT-HHN. Phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Nam giáp Rạch Cây bàng. Phía Bắc giáp kênh nội đồng.	35
2	VT5	Các vị trí còn lại.	30
IX	**KV3**	**Xã Phú Mỹ.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, TP Sóc Trăng. Phía Tây giáp rạch Trà Quýt, lộ Đai Úi, rạch Bố Thảo. Phía Nam giáp huyện Mỹ Xuyên. Phía Bắc giáp xã An Ninh, xã Thuận Hưng, lộ đai Úi, rạch Bố Thảo,	35
2	VT5	Các vị trí còn lại.	30
C	**HUYỆN KẾ SÁCH**		
I	**KV2**	**Thị trấn Kế sách**	
1	VT2	- Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp cống Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	45
		- Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bưng Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lèo. Phía Bắc giáp kênh Số1	45
2	VT3	- Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bưng Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	40

		- Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nổi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tưng. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	40
		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bưng Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tưng. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	40
3	VT4	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giống, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	35
		Phía Đông giáp kênh Nổi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tưng, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	35
II	**KV3**	**Xã Kế Thành**	
1	VT3	Phía Đông giáp Rạch Bưng Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bần	40
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lăng, phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, phía Nam giáp Rạch Bồ Đề, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	40
2	VT4	Phía Đông giáp Thị Trấn Kế Sách, phía Tây giáp xã Kế An, Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bồ Đề.	35
		Phía Đông giáp ranh xã Thới An Hội, phía Tây giáp ranh xã Kế An, phía Nam giáp Kênh 9 Quang, phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	35
III	**KV3**	**Xã Kế An**	
1	VT3	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
IV	**KV3**	**Xã Trinh Phú**	
1	VT3	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
V	**KV3**	**Xã An Lạc Thôn**	
1	VT3	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
VI	**KV3**	**Xã An Mỹ**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.	35
		Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.	35
2	VT5	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cả Bá, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	30
VII	**KV3**	**Xã Đại Hải**	

1	VT4	Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bảy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.	35
		Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.	35
2	VT5	Phía Đông giáp xã Kế An, phía Tây giáp xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh Ba Hoàng, phía Bắc giáp xã Ba Trinh.	30
		Phía Đông giáp kênh Mỏ Neo, xã Kế An, phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.	30
		Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.	30
VIII	**KV3**	**Xã Ba Trinh**	
1	VT4	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niềm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	35
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cư, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thuỷ Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	35
		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buôl. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	35
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tiểu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa	30
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	30
		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thuỷ, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	30
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buôl. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niềm, kênh Năm Quảng.	30
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miễu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	30
IX	**KV3**	**Xã An Lạc Tây**	
1	VT3	Toàn bộ đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
X	**KV3**	**Xã Thới An Hội**	

1	VT4	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	35
2	VT5	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bưng Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú.	30
XI	**KV3**	**Xã Nhơn Mỹ**	
1	VT3	Toàn bộ đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã	40
D	**HUYỆN THẠNH TRỊ**		
I	**KV2**	**Thị trấn Phú Lộc**	
1	VT4	Phía Đông: Giáp kênh thuỷ lợi; Phía Tây: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Nam: Giáp Đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp Kênh Mã Lớn	35
		Phía đông: Giáp kênh thuỷ lợi, Kênh sường; PhíaTây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp Kênh Hai Tài, Kinh KT 13, Kênh Tà Ná; Phía Bắc: Giáp xã Tuân Tức	35
		Phía Đông: Giáp Kênh thuỷ lợi; Phía Tây: Giáp kênh Chắc Tranh, kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp sông Xa Mau 1	35
2	VT5	Phía Đông: Giáp kênh thuỷ lợi (Giáp ấp 1; Phía Nam: Giáp kênh Mã Lớn; Phía Bắc: Giáp xã Thạnh Trị	30
		Phía Đông: Giáp huyện Mỹ Xuyên; Phía Tây: Giáp kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp Sông cái	30
		Phía Đông: Giáp kinh Chắc Tranh, Phía Tây: Giáp Sông Công Điền, kênh thuỷ lợi, Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu, Phía Bắc: Giáp kênh thuỷ lợi	30
3	VT3	Các khu vực còn lại	40
II	**KV3**	**Xã Thạnh Trị**	
1	VT5	Phía Đông: Kênh Xáng Ngã Năm, giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh Ba Dừa, đường huyện Lộ 5, sông Tà Lọt, kênh Mây Vóc; Phía Nam: Giáp kênh xáng thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp ấp B2, xã Thạnh Tân	30
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Mây Vóc; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp đường huyện lộ 5, sông Tà Lọt	25
3	VT4	Các khu vực còn lại	35
III	**KV3**	**Xã Tuân Tức**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp rạch 5 Toán, ấp Trung Nhất xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp kênh KT 13, sông Trung Hoà; Phía Nam: Giáp kênh ông Út, kênh trường Học; Phía Bắc: Giáp Sông Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh bà Xe, rạch ấp Trung Thống	30

		Gồm diện tích ấp Trung Thống và ranh phía Nam giáp: kênh Tám Tâm ông Cuội, kênh Phú Giao, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên;	30
		Phía Đông: Hết đất Lý Tổng dọc đến hết đất Huỳnh Thanh Hồng đến hết đất La Văn Dũng dọc đến hết đất Trần Đặng, lâm Văn Tửng, Từ Thị Của, Chung Văn Hoà, kênh ông Hoà hết đất bà Lê Thị Đủ, Khâu Khuông; Phía Nam: Giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh KT 13; Phía Bắc: Giáp kênh SaDi	30
2	VT6	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa); Phía Tây: Giáp ấp Tân Lợi, xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh Thầy Hai; Phía Bắc: Giáp xã Lâm Tân	25
		Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa); Phía Tây: Giáp Rạch Tà Lọt; Phía Nam: Giáp Rạch Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh Bà Ke, rạch 5 Toán, ấp Trung Thống; Phía Bắc: Giáp kênh Cầu Sắc, rạch Sa Keo	25
3	VT4	Các khu vực còn lại	35
IV	KV3	**Xã Thạnh Tân**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Kênh Lý Sang, kênh 14/9, kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp kênh 10m; Phía Bắc: Giáp kênh Ông Tàu, kênh Cái Trầu	30
		Phía Đông: Giáp kênh Xáng Ngã Năm, giáp TT Phú Lộc; Phía Tây: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Nam: Giáp kênh Vĩnh Lợi, Thạnh Tân, giáp ấp Tà Lọt C, xã Thạnh Trị; Phía Bắc: Giáp kênh 5 Hạt, kênh 9 Sạn	30
2	VT6	Phía Đông: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 5 Hạt; Phía Bắc: Giáp huyện Ngã Năm	25
		Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp kênh ông Tàu, kênh Cái Trầu; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Tú	25
3	VT4	Các khu vực còn lại	35
V	KV3	**Xã Vĩnh Lợi**	
1	VT4	Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 8 Sao; Phía Tây: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Nam: Giáp kênh 14, kênh Nàng Rền; Phía Bắc: Kênh Ông Tà	35
2	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp ấp 14; Phía Bắc: giáp Kênh Ông Tà	30
		Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 8 Sao; Phía Nam: Giáp kênh 13; Phía Bắc: Giáp xã Vĩnh Thành	30
3	VT6	Các khu vực còn lại	25
VI	**KV3**	**Xã Vĩnh Thành**	

1	VT4	Phía Đông: Giáp Kênh 5 Căn; Phía Tây: Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Toán, hết ranh đất Nguyễn Văn Tiển; Phía Nam: Giáp kênh 5 Năng; Phía Bắc: Giáp kênh Ma Rênh	35
2	VT5	Phía Đông: Giáp ấp 22, xã Thạnh Trị; Phía Tây: Giáp kênh Lò Than; Phía Nam: Giấp ấp 22, xã Vĩnh Thành, kênh Ma Rênh; Phía Bắc: Giáp kênh Hương Hào Đẩu	30
		Phía Đông: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 16/1, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp ranh xã Vĩnh Lợi; Phía Bắc: Giáp kênh 5 Năng	30
3	VT6	Các khu vực còn lại	25
VII	**KV3**	**Xã Lâm Tân**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Đình Mương Điều; Phía Tây: Giáp xã Tuân Tức; Phía Nam: Giáp kênh Xẻo Cui ranh ấp Tân Nghĩa, Kiết Lập A; Phía Bắc: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức	30
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh 6 Bảnh; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức 3, giáp xã Tuân Tức; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Xuyên	25
3	VT4	Các khu vực còn lại	35
VIII	**KV3**	**Xã Lâm Kiết**	
1	VT4	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp ấp Kiết Lập A, Kiết Lập B (xã Lâm Tân); Phía Nam: Giáp huyện Mỹ Xuyên, kênh nội đồng; Phía Bắc: Giáp kênh ông Tà, kênh Xáng xã Tuân Tức, ranh ấp Kiết Thắng, ấp Kiết Lợi	35
2	VT5	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp kênh ông Ban, rạch Bào Mướp, kênh ông Lượng, ranh xã Lâm Tân, kênh ông Dâu; Phía Nam: Giáp kênh Xáng xã Tuân Tức, kênh SaDi; Phía Bắc: Giáp ranh huyện Mỹ Tú	30
3	VT6	Các khu vực còn lại	25
IX	**KV3**	**Thị trấn Hưng Lợi**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp Sông Thổ Mô; Phía Tây: Giáp ấp 23, xã Châu Hưng; Phía Nam: Giáp đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành	30
		Phía Đông: Giáp thị trấn Phú Lộc, giáp tỉnh Bạc Liêu; Phía Tây: Giáp kênh Thầy Ban, xã Châu Hưng; Phía Nam: giáp Ranh tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp kênh công, kênh ông Hiền, rạch Bào Cát	30
2	VT4	Các khu vực còn lại	35
X	**KV3**	**Xã Châu Hưng**	

1	VT4	Phía Đông: Giáp kênh 2 Gấm; Phía Tây: Giáp kênh Tràm Kiến; Phía Nam: Giáp sông Kinh Ngay 2; Phía Bắc: Giáp kênh Bà Phúc	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Tây Nhỏ; Phía Tây: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp Sông Tràm Kiến; Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi	25
		Phía Đông: Giáp kênh ông Sóc; Phía Tây: Giáp kênh Già Mê; Phía Nam: Giáp kênh ông Miễn;- Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Trò, xã Vĩnh Lợi	25
3	VT5	Các khu vực còn lại	30
E	**HUYỆN NGÃ NĂM**		
I	**KV2**	**Thị trấn Ngã Năm**	
1	VT1	Toàn bộ khu vực ấp 5 và khu vực ấp 6 ven kênh xáng chìm tính từ mốc chỉ giới đường thủy nội địa đến kênh nông trường (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	50
		Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xẻo Chít, phía Tây giáp xã Vĩnh Quới và phía Nam giáp kinh xáng Phụng Hiệp – Cà Mau.	50
		Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kinh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Tây giáp kinh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B và tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	50
		Khu vực phía Bắc giáp kinh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Nam giáp xã Vĩnh Biên, phía Đông giáp kênh Dân Quân và phía Tây giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100m tính từ mốc GPMB).	50
2	VT2	Vị trí còn lại	45
II	**KV3**	**Xã Long Tân**	
1	VT3	Ấp Tân Quới, Tân Thành B, Tân Lập và ấp Tân Lập B khu vực ven Quản lộ Phụng Hiệp tính từ mốc lộ giới qua hai bên kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	40
		Ven kinh Tân chánh B, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kinh Thuỷ lợi (kinh 500).	40
		Khu vực phía Tây Nam giáp ấp 6 – TT Ngã Năm, phía Tây Bắc giáp huyện Long Mỹ - Hậu Giang đến kinh Thuỷ lợi.	40
		Khu vực phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang tính từ đê bao kinh Thuỷ lợi (kinh 500).	40

		Khu vực phía Bắc giáp kinh Mỹ Phước, phía Nam giáp kinh Lâm Trà ven kinh Mỹ Lợi qua hai bên đến kinh Thuỷ lợi (kinh 500).	40
		Khu vực phía Bắc giáp Lâm Trà, phía Nam giáp kinh Lung Bào Tượng	40
2	VT4	Vị trí còn lại	35
III	**KV3**	**Xã Mỹ Quới**	
1	VT2	Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Nam giáp rạch Ba Cụi (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45
2	VT3	Vị trí còn lại	40
IV	**KV3**	**Xã Tân Long**	
1	VT3	Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kinh Tư Cửu, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kinh Bình Hưng.	40
		Khu vực phía Tây Bắc giáp xã Long Bình, phía Đông giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	40
		Khu vực phía Bắc giáp huyện Mỹ Tú , phía Nam giáp Quốc lộ 61B, phía Đông giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây giáp kênh Thủy lợi (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	40
		Khu vực phía Đông Bắc giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	40
		Khu vực phía Bắc giáp kinh xáng Ngã Năm – Phú Lộc, phía Nam giáp kinh 2A, phía Đông giáp kinh 26/3 và phía Tây giáp kinh Cocsanen	40
		Khu vực phía Đông Bắc giáp kênh thủy lợi, phía Tây giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ)	40
2	VT4	Vị trí còn lại	35
V	**KV3**	**Xã Vĩnh Quới**	
1	VT4	Khu vực phía Tây Bắc giáp rạch Lục Bà Tham, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Nam giáp rạch Xẻo Chít.	35
		Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xẻo Chít và phía Đông giáp rạch đường Chùa.	35
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Sóc Sải, phía Nam giáp kinh Xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp kinh Mới và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu	35

		Khu vực phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía đông giáp rạch Xẻo Gỗ, phía Tây Nam giáp rạch Xẻo Chít	35
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Cây Đa, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp Xẻo Chít.	35
		Khu vực phía Bắc giáp kinh Vĩnh Khương, phía Đông giáp rạch Xẻo Sải, phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu và phía Nam giáp rạch Sóc Sải.	35
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Xẻo Chít, phía Nam giáp kinh Xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp rạch đường Chùa.	35
2	VT5	Vị trí còn lại	30
VI	**KV3**	**Xã Vĩnh Biên**	
1	VT3	Ấp Vĩnh Tiền, Vĩnh Mỹ A khu vực ven kênh xáng Phụng Hiệp tính từ mốc đường thủy nội địa đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	40
		Khu vực phía Bắc giáp kinh Ba Liếm, phía Nam giáp rạch Lung Lớn, phía Đông giáp kinh 90 và phía Tây giáp kinh Cống Đá.	40
		Khu vực phía Bắc giáp kinh Nàng Rền, phía Nam giáp kinh Làng Mới, phía Đông giáp kinh Xóm Lẫm và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu.	40
		Khu vực phía Bắc giáp kinh Ngang, phía Đông giáp xã Mỹ Bình và phía Đông giáp rạch Cống Đá.	40
		Khu vực phía Đông giáp kinh Cống Đá, phía Tây Nam giáp kinh Thủy lợi gần kinh Xáng Phụng Hiệp.	40
2	VT4	Vị trí còn lại	35
VII	**KV3**	**Xã Long Bình**	
1	VT3	Khu vực phía ven kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc tính từ kênh xáng qua hai bên đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	40
2	VT4	Vị trí còn lại	35
VIII	**KV3**	**Xã Mỹ Bình**	
1	VT3	Khu vực UBND xã phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên và phía Đông giáp kênh Nàng Rền.	40
		Khu vực phía Đông Bắc giáp kinh Thủy Lợi, phía Tây giáp kênh Nàng Rền và phía Nam giáp huyện Thạnh Trị	40

		Khu vực ven rạch Mười Lửa, phía Đông giáp xã Mỹ Quới, phía tây giáp Rạch Mười Gà – xã Mỹ Quới, phía Bắc Đông Nam giáp kinh Thủy Lợi.	40
		Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Tây giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây giáp xã Mỹ Quới (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	40
		Khu vực phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên, phía Tây giáp xã Mỹ Quới, phía Đông và Nam giáp kinh Thủy Lợi.	40
2	VT4	Vị trí còn lại	35
F	**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**		
I	KV3	**Xã Lạc Hòa**	
1	VT4	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	35
2	VT5	Từ Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hòa Đông	30
II	**KV3**	**Xã Vĩnh Hải**	
1	VT4	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	35
III	**KV3**	**Xã Vĩnh Hiệp**	
1	VT5	Rạch Trà Nho đến sông Mỹ Thanh	30
IV	**KV3**	**Xã Vĩnh Tân**	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10 (Giồng Nhãn)	35
2	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	30
V	**KV3**	**Xã Lai Hòa**	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	35
2	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	30
VI	**KV3**	**Xã Hòa Đông**	
1	VT5	Trong địa giới hành chính xã	30
G	**HUYỆN LONG PHÚ**		
I	**KV2-VT4**	**Thị trấn Long Phú, thị trấn Đại Ngãi**	35
II	**KV3**	**Xã Song Phụng.**	
1	VT4	- Đông: kênh sườn (từ rạch Bần - Đại Ngãi).	35

		- Tây: giáp Huyện Kế Sách. - Nam: xã Đại Ngãi. - Bắc: Kênh Bà Kính.	
	VT4	- Đông:giáp kênh giữa. - Tây: giáp kênh sườn (ranh Phụng Sơn - Phụng Tường 1,2). - Nam: xã Đại Ngãi. - Bắc: đầu kênh hai Bé nối qua kênh giữa.	35
III	**KV3**	**Xã Hậu Thạnh.**	
1	VT5	- Đông:giáp sông Saintard và xã Phú Hữu. - Tây: giáp kênh số 3 và kênh Cây Dương. - Nam: xã Phú Hữu. - Bắc: xã Đại Ngãi và Quốc lộ 60.	30
2	VT4	Diện tích đất cây hàng năm còn lại trên địa bàn xã.	35
IV	**KV3**	**Xã Trường Khánh.**	
1	VT5	- Đông: kênh 8 hal - kinh xáng - ranh An Mỹ. - Tây: lung giáp xã Phú Tâm - Châu Thành. - Nam: kênh ông Thuận. - Bắc: Xã An Mỹ - Kế Sách.	30
	VT5	- Đông: rạch Bắt chết giáp Hậu Thạnh. - Tây: giáp kênh 76. - Nam: Rạch bắt chết (Trường Hưng). - Bắc: rạch Bắt chết giáp Hậu Thạnh.	30
	VT5	- Đông: rạch Trường Thọ. - Tây: giáp kênh Triệu Sâm. - Nam: lộ Trường Thọ. - Bắc: kênh ông Sang.	30
2	VT4	Diện tích đất cây hàng năm còn lại trên địa bàn	35
V	**KV3**	**Xã Long Đức.**	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã.	35
VI	**KV3**	**Xã Phú Hữu.**	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã.	35
VII	**KV3**	**Xã Châu Khánh**	
1	VT5	- Đông : xã Tân Hưng - Tây : từ kênh ông Rộng thẳng tới đầu kênh trung thủy nông - Nam : từ đầu kênh trung thủy nông giáp Tân Hưng - Bắc : kênh ông Rộng	30
2	VT4	Diện tích đất trồng cây hàng năm còn lại trên địa bàn.	35
VIII	**KV3**	**Xã Tân Thạnh**	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã.	35

IX	KV3	**Xã Tân Hưng**	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn xã.	35
X	**KV3**	**Xã Long Phú**	
1	VT5	- Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện lộ 27 (Long Phú - LHT). - Nam: kênh 85 - Bắc: kênh mương ông kép	30
	VT5	- Đông: kênh 25/4 - Tây: xã Tân Hưng - Nam: Rạch Bưng Thum - Bắc: xã Tân Hưng	30
	VT5	- Đông: kênh 96 Long Hưng. - Tây: huyện Mỹ Xuyên. - Nam: kênh Cái Xe. - Bắc: xã Tân Hưng Tân Thạnh.	30
	VT5	- Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện Mỹ Xuyên - Nam: xã Liêu Tú. - Bắc: kênh Cái Xe	30
2	VT4	Diện tích đất cây hàng năm còn lại trên địa bàn xã.	35
H	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**		
I	**KV2**	**Thị trấn Cù Lao Dung**	
1	VT2	Đất trồng cây hàng năm trên địa bàn thị trấn	45
II	**KV3**	**Xã An Thạnh I**	
1	VT1	Đất cây hàng năm trên địa bàn xã	50
III	**KV3**	**Xã An Thạnh Tây**	
1	VT3	Toàn xã	40
IV	**KV3**	**Xã An Thạnh 2**	
1	VT3	Từ Kinh Đình Trụ (ấp Phạm Thành Hơn A) đến Rạch Đôi (ấp Bình Du A)	40
		Từ Rạch Lớn (ấp Bình Du B) đến Rạch Xóm Mới (ấp Bình Du B)	
2	VT4	Từ Rạch Đôi (ấp Bình Du A) đến Rạch Lớn (ấp Bình Du B)	35
		Từ Rạch Xóm Mới (ấp Bình Du B) đến Rạch Mù U (ấp Bình Danh B), giáp xã An Thạnh 3	
V	**KV3**	**Xã An Thạnh 3**	

1	VT3	Toàn xã	40
VI	**KV3**	**Xã An Thạnh Nam**	
1	VT5	Toàn ấp Vàm Hồ; Khu vực NT 30/4 (cũ); ấp Vàm Hồ A; Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Tây) đến bờ phía Đông Rạch Su, ấp Võ Thành Văn	30
2	VT6	Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Đông) đến đê Quốc Phòng giáp xã An Thạnh 3; Khu vực từ nhà ông Khải đến nhà ông Ba Đời, qua cống số 4 đến giáp Cầu Cây Mắm.	25
VII	**KV3**	Xã An Thạnh Đông	
1	VT2	Toàn Xã	45
VIII	**KV3**	Xã Đại Ân 1	
1	VT3	Toàn ấp Văn Sáu, ấp Đoàn Văn Tố, Toàn ấp Đoàn Văn Tố A và 1 phần phía trên ấp Sáu Thử (Từ ấp Đoàn Văn Tố đến rạch Sáu Tịnh)	40
2	VT4	Các khu vực còn lại	35
I	**HUYỆN CHÂU THÀNH**		
I	**KV2**	**Thị trấn Châu Thành.**	
1	VT3	Phía đông Dọc kênh Xây Cáp theo hướng Bắc dọc ranh đường Huyện 5, kênh thủy lợi, kênh Mai Thanh và phần đất ấp Trà Quýt, phía tây, nam giáp ranh xã Thuận Hòa, phía bắc giáp ranh xã Thuận Hòa và Hồ Đắc Kiện	40
2	VT4	Các vùng còn lại	35
3	VT5	Hướng đông giáp Kênh Hai Col- phía tây giáp kênh 30/4- phía nam Ranh xã Phú Tân - phía bắc giáp kênh Hai Col	30
II	**KV3**	**Xã Thuận Hoà.**	
1	VT4	Phía đông giáp thị trấn Châu Thành, phía tây giáp ranh xã Thiện Mỹ, phía nam giáp Kênh ông Ủng, phía bắc giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	35
		Phía đông giáp ranh xã Phú Tân - Kênh 6 - Kênh Hai Sung, phía tây giáp Quốc lộ 1A, phía nam Kênh 6 - ranh xã Phú Tân, phía bắc giáp ranh thị trấn Châu Thành	35
2	VT5	Các vùng còn lại	30

3	VT6	Kênh Sườn-Kênh Tư Lung-Kênh 6-Kênh Ông Nam, phía tây , nam giáp ranh xã An Hiệp, phía bắc giáp kênh Ông Ửng	25
III	**KV3**	**Xã An Hiệp.**	
1	VT4	Các vùng còn lại	35
2	VT5	Phía đông giáp các vị trí tiếp giáp vị trí I dọc tuyến đê bao Kênh Xáng Phụng Hiệp, phía tây An Hiệp, phía nam giáp ranh xã An Ninh, phía bắc giáp Kênh 77	30
		Phía đông giáp đường đất-rạch, phía tây, nam giáp ranh xã An Ninh, phía bắc giáp Kênh 85	30
3	VT6	Phía đông giáp ranh xã Thuận Hòa, phía tây giáp ranh xã An Ninh, phía nam giáp Kênh 85, phía bắc giáp ranh xã Thiện Mỹ	25
IV	**KV3**	**Xã Phú Tâm.**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh huyện Kế Sách, phía Tây giáp ranh xã Phú Tân, phía Nam giáp kênh ông Quên, kênh Hồng Hỷ - kênh thủy lợi, phía Bắc giáp đường Tỉnh 923	35
2	VT5	Phía đông giáp ranh huyện Kế Sách, phía tây, nam giáp ranh huyện Long Phú, phía bắc giáp kênh ông Quên	30
		Phía đông giáp ranh huyện Kế Sách, Long Phú, phía tây giáp ranh xã Phú Tân, Thuận Hòa, phía nam Pà Chắc, kênh Bảy Quýt, phía bắc giáp Kênh 30/4	30
		Phía đông giáp ranh huyện Kế Sách, phía tây giáp ranh xã Thuận Hòa, phía nam giáp kênh 30/4, phía bắc giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	30
3	VT6	Các vùng còn lại	25
V	**KV3**	**Xã An Ninh.**	
1	VT4	Phía đông giáp ranh xã An Hiệp, phía tây giáp Kênh xáng Bố Thảo, phía nam giáp các vị trí tiếp giáp TP Sóc Trăng -đường Tỉnh lộ 13, phía bắc giáp ranh xã An Hiệp	35
		Phía đông giáp Kênh xáng Tà Liêm, phía tây, nam, bắc giáp xã Thuận Hưng	35
2	VT5	Các vùng còn lại	30
3	VT6	Phía Đông giáp ranh xã An Hiệp, phía Tây giáp sông Hòa Long - rạch Chăn Đùm, kênh thủy lợi, phía Nam giáp kênh 77, phía Bắc giáp ranh xã Mỹ Hương	25
VI	**KV3**	**Xã Hồ Đắc Kiện.**	
1	VT4	Phía đông giáp ranh huyện Kế Sách, Phúa Tâm, phía tây, bắc giáp Quốc Lộ 1A, phía nam giáp ranh TT Châu Thành	35

		Kênh Gòn - Kênh Sườn (ấp kinh Đào) - ranh TT Châu Thành	35
2	VT5	Các vùng còn lại	30
3	VT6	Phía đông giáp Lộ đal Thiện Mỹ đi Đại Hải đến hết đất Lâm Trường, phía tây, nam, bắc giáp tỉnh Hậu Giang, xã Long Hưng	25
		Phía đông giáp kênh lâm trường, phía tây giáp kênh kênh Hai Nhân, phía nam, bắc giáp kênh sườn	25
VII	**KV3**	**Xã Thiện Mỹ.**	
1	VT4	Phía đông giá ranh xã Thuận Hòa, phía tây giáp ranh huyện Mỹ Tú, phía nam giáp kênh 6 thước, kênh 5 Ửng, kênh 5 Thục, kênh 2 Phong, phía bắc giáp đường đất - kênh Giao Thông	35
2	VT5	Phần còn lại	30
3	VT6	Phía đông Kênh Phú Tường, kênh ranh, phía tây, nam, bắc giáp ranh huyện Mỹ Tú	25
VIII	**KV3**	**Xã Phú Tân.**	
1	VT4	Phía đông giáp Kênh Xây Chô - ranh xã Phú Tâm, phía tây giáp ranh xã An Hiệp, phía nam giáp kênh Xây Chô, phía bắc giáp kênh Vành Đai đến ranh xã An Hiệp	35
		Phía đông giáp Kênh 6 Thước, phía tây giáp ranh xã An Hiệp, phía nam các vị trí tiếp giáp ranh TP Sóc Trăng, phía bắc giáp kênh Hai Mươi	35
2	VT5	Phía đông giáp ranh xã Phú Tâm, phía tây, bắc giáp ranh xã Thuận Hòa, phía nam giáp kênh Sườn	30
		Phía đông giáp ranh xã Phú Tâm, phía tây giáp kênh 6 thước, kênh 30/4, phía nam các vị trí tiếp giáp ranh TP Sóc Trăng, phía bắc giáp kênh Xây Chô.	30
3	VT6	Các vùng còn lại	25
J	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**		
I	**KV3**	**Xã Đại Ân 2**	
1	VT4	Đông: kênh xáng mới.Nam: kênh Chùa Bưng Buối. Bắc lộ đất Tú Điềm. Tây: xã Liêu Tú, xã Long Phú, huyện Long Phú	35
2	VT3	Phần đất cây hàng năm còn lại trên địa bàn xã.	40
II	**KV3**	**Xã Liêu Tú**	
1	VT5	Đông: xã Lịch Hội Thượng. Tây xã Viên Bình. Nam: Kênh Tổng Cáng. Bắc: Đường tỉnh 934	30
2	VT4	Từ giáp kênh Tiếp Nhựt- đến ranh huyện Long Phú	35
III	**KV3**	**Xã Lịch Hội Thượng**	

1	VT5	Đông: sông gòi – kênh 5 huyện – lộ đan Chùa Hội Phước ra đê ngăn mặn.Tây: kênh ranh Liêu Tú-LHT. Nam: lộ đê ngăn mặn kênh Mã Đức. Bắc: kênh Xà Khị	30
		Đông: kênh cách ly. Tây: huyện lộ 9. Nam: huyên lộ 9. Bắc: Kênh Lâm Ton.	30
2	VT4	Phần cây hàng năm còn lại trên địa bàn xã.	35
IV	**KV3**	**Xã Trung Bình**	
1	VT5	Đông: kênh Bồn Bồn. Tây: sông Bưng Lức. Nam: kênh 85. Bắc : kênh mương ông Kép	30
		Đông: kênh ngang mặt trời lặn Bưng Lức. Tây: Xã Lịch Hội Thượng. Nam: kênh Tư. Bắc : kênh Hai.	30
2	VT4	Phần đất cây hàng năm còn lại trên địa bàn xã.	35
V	**KV2**	**Thị trấn Trần Đề**	
1	VT4	Tất cả đất cây hàng năm trên địa bàn thị trấn.	35
VI	**KV2**	**Thị trấn Lịch Hội Thượng**	
1	VT4	Tất cả đất cây hàng năm trên địa bàn thị trấn.	35
VII	**KV3**	**Xã Thạnh Thới Thuận**	
1	VT4	Từ giáp đường 935 đến kênh thủy lợi thứ nhất	35
2	VT5	khu vực còn lại trên địa bàn xã	30
VIII	**KV3**	**Thạnh Thới An**	
1	VT4	Từ giáp đường 935 đến giáp ranh xã Thạnh Thới Thuận, kênh Hưng Thạnh, kênh Tư Cổ. Hương lộ 11 vào UB xã đến giáp ranh xã Tài Văn, khu vực ấp Hưng Thới, Đầy Hương 3, Tiên Cường 1, Tiên Cường 2.	35
2	VT5	Khu vực còn lại.	30
IX	**KV3**	**Xã Tài Văn**	
1	VT4	Từ giáp đường 934 đến giáp ranh thị trấn Mỹ Xuyên, Thạnh Thới An, Viên An	35
2	VT5	Giáp Kênh Tiếp Nhựt đến giáp ranh huyện Long Phú	30
3	VT6	Khu vực còn lại	25
X	**KV3**	**Xã Viên An**	

1	VT4	Từ kênh Tiếp Nhựt-đến giáp ranh huyện Long Phú; và từ đường 934 vào đến kênh Tắc Bướm-Tổng Cáng	35
2	VT5	Từ kênh Tắc Bướm-Tổng Cáng đến giáp ranh xã Thạnh Thới An	30
3	VT5	Khu vực đất Lung trũng ấp Bờ Đập	30
XI	**KV3**	**Xã Viên Bình**	
1	VT5	Từ giáp kênh Tiếp Nhựt đến giáp ranh huyện Long Phú; Từ giáp đường 934 đến kênh tắc Bướm-Tổng Cáng.	30
2	VT5	Từ giáp kênh tắc Bướm-Tổng Cáng; đến Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cáng	30
3	VT6	Từ Kênh Hưng Thạnh - Tổng Cáng; đến sông Mỹ Thanh	25

PHỤ LỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 29/2012/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất năm 2013
A	**HUYỆN MỸ XUYÊN**		
I	**KV2**	**Thị trấn Mỹ Xuyên**	
1	VT3	Giới hạn bởi: Ranh TP Sóc Trăng, đường Trần Hưng Đạo, Huyện lộ 14 của xã Tham Đôn	50
2	VT4	Kênh Phước Kiện đi Cần Giờ đến giáp ranh xã Tham Đôn, Thạnh Thới An và Tài Văn.	45
II	**KV3**	**Xã Tham Đôn**	
1	VT5	Giới hạn bởi: Đường Huyện 14 đến đê bao rạch Sên, giáp xã Đại Tâm, đường 936 (trở về phía sông Dù Tho), TP Sóc Trăng.	35
2	VT6	Khu vực còn lại	30
III	**KV3**	**Xã Đại Tâm**	
1	VT5	Giáp Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; từ Quốc lộ 1 hướng về xã Tham Đôn 500m tới kênh Phú Thuận	35
2	VT6	Khu vực còn lại	30
IV	**KV3**	**Xã Thạnh Phú**	
1	VT3	Giới hạn bởi: Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; đê bao Phú Hưng; đường khu 4, lộ đan vào Phú Hoà, Phú Thành và ranh xã Lâm Kiết - Thạnh Trị	45
2	VT4	Khu vực còn lại.	40
V	**KV3**	**Xã Thạnh Quới**	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm của xã.	40
VI	**KV3**	**Xã Gia Hòa 1**	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	30
VII	**KV3**	**Xã Gia Hòa 2**	

1	VT6	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	30
VIII	**KV3**	**Xã Hòa Tú 1**	
1	VT5	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đình đến kênh Tư và ranh xã Ngọc Đông, Ngọc Tố và Hòa Tú 2.	35
2	VT6	Khu vực còn lại.	30
IX	**KV3**	**Xã Hòa Tú 2**	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	35
X	**KV3**	**Xã Ngọc Đông**	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	35
XI	**KV3**	**Xã Ngọc Tố**	
1	VT5	Khu vực đất lâu năm ở ấp Cổ Cò	35
2	VT6	Khu vực còn lại.	30
B	**HUYỆN MỸ TÚ**		
I	**KV2**	**Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa.**	
1	VT4	Phía Đông giáp sông Tân Lập. Phía Tây giáp kênh Bộ Thon, kênh 1/5, kênh ông Nam, kênh Bá Hộ. Nam giáp Rạch đường Trâu, ranh xã Mỹ Tú. Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, rạch Ô Rô, rạch Xẽo Lá.	45
2	VT5	Các vị trí còn lại.	40
II	**KV3**	**Xã Mỹ Hương.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, kênh Chùa Ông Gạch, ranh huyện Châu Thành, kênh rạch Ô Quên, kênh Ba Anh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, đường tỉnh 939B. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng, kênh Ô Quên, kênh Ba Đáng, kênh Mười Đường. Phía Bắc giáp kênh 10 đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương.	40
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Bầu. Phía Tây giáp xã Thuận Hưng. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng. Phía Bắc giáp sông Ô Quên.	35
		Phía Đông giáp xã An Ninh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa. Phía Bắc giáp kênh 10 Đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương. Phía Bắc giáp xã Thiện Mỹ.	35

3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
III	**KV3**	**Xã Mỹ Phước.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm, kênh 7 thước. Phía Nam giáp kênh xáng cụt, kênh Sáu sương, kênh 3 Trí, kênh 5 Rạch, kênh Ông Phán, kênh Bao Lâm trường. Phía Bắc giáp kênh xáng Mỹ Phước.	40
2	VT5	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp kênh U Rê. Phía Nam giáp kênh xáng Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kinh ranh Lâm Trường, kênh ranh, ranh xã Mỹ Thuận.	35
		Phía Đông giáp xã Mỹ Tú. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm. Phía Nam giáp kênh Trà cú cạn. Phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú.	35
		Phía Đông giáp kênh 5 rạch. Phía Tây giáp kênh 7 Thước. Phía Nam giáp kênh Xóm Tiệm. Phía Bắc giáp kênh 3 Trí, Sáu Sương.	35
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
IV	**KV3**	**Xã Mỹ Thuận.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Thuận Hưng. Phía Tây giáp đường Tỉnh 940. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc, dọc kinh Nhu Gia và huyện Thạnh trị. Phía Bắc giáp kênh Tà Liêm.	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
V	**KV3**	**Xã Thuận Hưng.**	
	KV3	Phía Đông giáp tỉnh lộ 939. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc. Phía Bắc giáp kênh Nổi Tà Liêm.	**40**
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã An Ninh. Phía Tây giáp kênh Tam Bình. Phía Nam giáp kênh nổi Tà Liêm. Phía Bắc giáp kênh Miễu Ông Tà, rạch Tà Ân, kênh Sáu	**35**
2	VT5	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Hương, rạch Tà Ân. Phía Tây giáp kênh Năm Đông. Phía Nam giáp rạch Tà Ân. Phía Bắc ranh xã Mỹ Hương	**35**
		Phía Đông giáp xã Phú Mỹ. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp xã Phú Mỹ, xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp kênh Tam Sóc	**35**
		Phía Đông giáp rạch Nhu Gia. Phía Tây giáp rạch Cái Chiết. Phía Nam giáp rạch Nhu Gia. Phía Bắc giáp kênh Ô Quên, ranh xã Mỹ Hương	**35**
		Phía Đông giáp kênh năm Đông. Phía Tây giáp kênh Nhà Trường. Phía Bắc giáp sông Nhu Gia. Phía Nam giáp kênh Miễu Ông Tà.	35
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
VI	**KV3**	**Xã Long Hưng.**	

1	VT4	Phía Đông giáp kênh nông trại 1/5 ,kênh Hàng Sắn nối. Phía Tây giáp kênh kênh Đập Đá giáp, xã Hưng Phú. Phía Nam giáp TT-HHN, kênh Năm Thường, xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh xáng phụng Hiệp-Hậu Giang.	40
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Thước, kênh Chệt Siều. Phía Tây kênh Hàng Sắn. Phía Nam giáp xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh Tân Phước, kênh Lý, kênh Xáng 1.	35
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
VII	**KV3**	**Xã Hưng Phú.**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Long Hưng. Phía Tây giáp rang huyện Thạnh Trị. Phía Nam giáp ranh kênh 1000, kênh Tư Lý, kênh 9 Có, kênh Hai Chi, kênh 1000, kênh ba Cường, kênh Cô Ba. Phía Bắc giáp kênh xáng Phụng Hiệp.	40
		Phía Đông giáp rạch đường Láng. Phía Tây giáp ranh ấp Phương An 3 . Phía Nam giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kênh Cô Ba	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
VIII	**KV3**	**Xã Mỹ Tú.**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp rạch Cây Cồng, Kênh Dooc Dong, kênh đường tỉnh 940. Phía Nam giáp xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp TT-HHN.	40
		Phía Đông giáp ranh TT-HHN. Phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Nam giáp Rạch Cây bàng. Phía Bắc giáp kênh nội đồng.	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
IX	**KV3**	**Xã Phú Mỹ.**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, TP Sóc Trăng. Phía Tây giáp rạch Trà Quýt, lộ Đai Úi, rạch Bố Thảo. Phía Nam giáp huyện Mỹ Xuyên. Phía Bắc giáp xã An Ninh, xã Thuận Hưng, lộ đai Úi, rạch Bố Thảo.	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
C	**HUYỆN KẾ SÁCH**		
I	**KV2**	**Thị Trấn Kế sách**	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp cống Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	50

		Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bưng Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lèo. Phía Bắc giáp kênh Số 1	50
2	VT4	Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bưng Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	45
		Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nổi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tưng. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	45
		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bưng Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tưng. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	45
1.3	VT5	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giống, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	40
		Phía Đông giáp kênh Nổi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tưng, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	40
II	**KV3**	**Xã Kế Thành**	
1	VT4	Phía Đông giáp Rạch Bưng Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bần	40
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lăng, thị trấn Kế Sách. Phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp Rạch Bồ Đề, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	40
2	VT5	Phía Đông giáp Rạch Ba Lăng, Thị Trấn Kế Sách. Phía Tây giáp rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bồ Đề.	35
		Phía Đông giáp xã Thới An Hội. phía Tây giáp xã Kế An. phía Nam giáp Kênh 9 Quang. phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	35
III	**KV3**	**Xã Kế An**	
1	VT3	Toàn bộ đất cây lâu năm trên địa bàn xã	45
IV	**KV3**	**Xã Trinh Phú**	
1	VT2	Phía Đông giáp xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp, xã Thới An Hội. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	50
2	VT3	Phía Đông giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Tây giáp rạch Ngã Cũ, kênh Thông Cư. Phía Nam giáp xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	45
3	VT4	Phía Đông giáp rạch Ngã Cũ. Phía Tây giáp rạch Phong Thọ, xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh kênh Đào ấp 12. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã Xuân Hoà	40
V	**KV3**	**Xã Xuân Hoà**	
1	VT2	Phía Đông giáp rạch Mương Khai, Bờ Dọc. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp Ngã tư trên, rạch Giồng Đá. Phía Bắc giáp xã Phú Hữu (huyện Châu Thành) và xã An Lạc Thôn	50

		Phía Đông giáp rạch Giồng Đá, Rạch Năm Riềng, rạch Mười Trọng, rạch Sao sáo, kênh Năm Lò đường, kênh thủy lợi. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp xã Ba Trinh. Phía Bắc giáp rạch Giồng Đá.	50
2	VT3	Phía Đông giáp xã An Lạc Thôn, rạch Hào Bá. Phía Tây giáp rạch Mương Khai, Giồng Đá, Rạch Năm Riềng, rạch Mười Trọng. Phía Nam giáp kênh thủy lợi, rạch Cái Cao. Phía Bắc giáp xã An Lạc Thôn.	45
3	VT4	Vị trí còn lại	40
VI	**KV3**	**Xã An Lạc Thôn**	
1	VT2	Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Mương Khai. Bắc: Giáp Kênh Cái Côn	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Cái Cao. Bắc: Giáp rạch Mương Khai	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh Giữa, cầu Ba Trường, rạch Cái Cao. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp rạch Cái Cao	50
		Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh 5 Chấm. Nam: Giáp rạch Phèn Đen. Bắc: Giáp rạch Cái Trâm	50
		Đông: Giáp kênh Giữa. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp kênh giữa, cầu Ba Trường	50
		Đông: Giáp rạch 5 Chấm. Tây: Giáp kênh Mương Lộ. Nam: Giáp kênh Thủy Lợi (Phèn Đen). Bắc: Giáp rạch Cái Trâm	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
VII	**KV3**	**Xã Phong Nẫm**	
1	VT2	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	50
VIII	**KV3**	**Xã An Mỹ**	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.	40
		Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.	40
2	VT5	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cả Bá, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	35
IX	**KV3**	**Xã Đại Hải**	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bảy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.	40
		Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.	40

2	VT5	Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp xã Ba Trinh. Phía Nam giáp kênh Ba Hoàng. Phía Bắc giáp xã Ba Trinh.	35
		Phía Đông giáp kênh Mỏ Neo, xã Kế An. Phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.	35
		Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.	35
X	**KV3**	**Xã Ba Trinh**	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niềm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	45
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cư, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thuỷ Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	45
		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buôl. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	45
2	VT4	Phía Đông giáp kênh Tiểu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa	40
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	40
		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thuỷ, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	40
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buôl. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niềm, kênh Năm Quảng.	40
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miễu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	40
XI	**KV3**	**Xã An Lạc Tây**	
1	VT2	Toàn bộ đất cây lâu năm trên địa bàn xã	50
XII	**KV3**	**Xã Thới An Hội**	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp	45
2	VT4	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bưng Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú	40
XIII	**KV3**	**Xã Nhơn Mỹ**	

1	VT2	Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp rạch Tiểu La Thành, rạch Mương Khai, kênh Khả. Phía Nam giáp rạch Mọp, phía Bắc giáp kênh Giữa	50
		Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp sông Hậu, phía Nam giáp xã Song Phụng, phía Bắc giáp Xã An Lạc Tây	50
		Phía Đông giáp Sông Hậu, rạch Trà Ếch, kênh Giữa, rạch Cây Dông, rạch Mương Siêu. Phía Tây giáp rạch Mỹ Hội, kênh Tắc. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp rạch Chùa Giá, rạch Trà Ếch.	50
2	VT3	Phía Đông giáp rạch Đồng Phèn, kênh Tắc. Phía Tây giáp rạch Nhơn Mỹ. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc giáp rạch Nhơn Mỹ, xã Thới An Hội.	45
		Phía Đông giáp Kênh Khả, kênh Tiểu La Thành. Phía Tây giáp rạch Mương Siêu, rạch Cây Dông. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc kênh Giữa.	45
D	**HUYỆN THẠNH TRỊ**		
I	**KV2**	**Thị trấn Phú Lộc**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp kênh thuỷ lợi ; Phía Tây: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Nam: Giáp Đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp Kênh Mã Lớn	40
		Phía đông: Giáp kênh thuỷ lợi, Kênh sường;- PhíaTây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp Kênh Hai Tài, Kinh KT 13, Kênh Tà Ná; Phía Bắc: Giáp xã Tuân Tức	40
		Phía Đông: Giáp Kênh thuỷ lợi;Phía Tây: Giáp kênh Chắc Tranh, kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu ; Phía Bắc: Giáp sông Xa Mau 1	40
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh thuỷ lợi (Giáp ấp 1); Phía Nam: Giáp kênh Mã Lớn; Phía Bắc: Giáp xã Thạnh Trị	35
		Phía Đông: Giáp huyện Mỹ Xuyên; Phía Tây: Giáp kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp Sông cái	35
		Phía Đông: Giáp kinh Chắc Tranh; Phía Tây: Giáp Sông Công Điền, kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp kênh thuỷ lợi	35
3	VT4	Các khu vực còn lại	45
II	**KV3**	**Xã Thạnh Trị**	
1	VT5	Phía Đông: Kênh Xáng Ngã Năm, giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh Ba Dừa, đường huyện Lộ 5, sông Tà Lọt, kênh Mây Vóc; Phía Nam: Giáp kênh xáng thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp ấp B2, xã Thạnh Tân	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Mây Vóc; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp đường huyện lộ 5, sông Tà Lọt	30

3	VT4	Các khu vực còn lại	40
III	**KV3**	**Xã Tuân Tức**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp rạch 5 Toán, ấp Trung Nhất xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp kênh KT 13, sông Trung Hoà; Phía Nam: Giáp kênh ông Út, kênh trường Học; Phía Bắc: Giáp Sông Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh bà Xe, rạch ấp Trung Thống	35
		- Gồm diện tích ấp Trung Thống và ranh phía Nam giáp: kênh Tám Tâm ông Cuội, kênh Phú Giao, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên;	35
		Phía Đông: Hết đất Lý Tổng dọc đến hết đất Huỳnh Thanh Hồng đến hết đất La Văn Dũng dọc đến hết đất Trần Đặng, lâm Văn Tửng, Từ Thị Của, Chung Văn Hoà, kênh ông Hoà hết đất bà Lê Thị Đủ, Khâu Khuông; Phía Nam: Giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh KT 13 - Phía Bắc: Giáp kênh SaDi	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa);- Phía Tây: Giáp ấp Tân Lợi, xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh Thầy Hai; Phía Bắc: Giáp xã Lâm Tân	30
		Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa); Phía Tây: Giáp Rạch Tà Lọt; Phía Nam: Giáp Rạch Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh Bà Ke, rạch 5 Toán, ấp Trung Thống; Phía Bắc: Giáp kênh Cầu Sắc, rạch Sa Keo	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
IV	**KV3**	**Xã Thạnh Tân**	
1	VT6	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Kênh Lý Sang, kênh 14/9, kênh thuỷ lợi; Phía Nam: Giáp kênh 10m; Phía Bắc: Giáp kênh Ông Tàu, kênh Cái Trầu	30
		Phía Đông: Giáp kênh Xáng Ngã Năm, giáp TT Phú Lộc; Phía Tây: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Nam: Giáp kênh Vĩnh Lợi, Thạnh Tân, giáp ấp Tà Lọt C, xã Thạnh Trị;- Phía Bắc: Giáp kênh 5 Hạt, kênh 9 Sạn	30
2	VT5	Phía Đông: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 5 Hạt; Phía Bắc: Giáp huyện Ngã Năm	35
		Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp kênh ông Tàu, kênh Cái Trầu; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Tú	35
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
V	**KV3**	**Xã Vĩnh Lợi**	

1	VT4	Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 8 Sao; Phía Tây: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Nam: Giáp kênh 14, kênh Nàng Rền; Phía Bắc: Kênh Ông Tà	40
2	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp ấp 14 ; Phía Bắc: giáp Kênh Ông Tà	35
		Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 8 Sao; Phía Nam: Giáp kênh 13; Phía Bắc: Giáp xã Vĩnh Thành	35
3	VT6	Các khu vực còn lại	30
VI	**KV3**	**Xã Vĩnh Thành**	
1	VT4	Phía Đông: Giáp Kênh 5 Căn; Phía Tây: Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Toán, hết ranh đất Nguyễn Văn Tiển; Phía Nam: Giáp kênh 5 Năng; Phía Bắc: Giáp kênh Ma Rênh	40
2	VT5	Phía Đông: Giáp ấp 22, xã Thạnh Trị; Phía Tây: Giáp kênh Lò Than; Phía Nam: Giấp ấp 22, xã Vĩnh Thành, kênh Ma Rênh; Phía Bắc: Giáp kênh Hương Hào Đầu	35
		Phía Đông: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 16/1, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp ranh xã Vĩnh Lợi; Phía Bắc: Giáp kênh 5 Năng	35
3	VT6	Các khu vực còn lại	30
VII	**KV3**	**Xã Lâm Tân**	
1	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Đình Mương Điều; Phía Tây: Giáp xã Tuân Tức; Phía Nam: Giáp kênh Xẻo Cui ranh ấp Tân Nghĩa, Kiết Lập A; Phía Bắc: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh 6 Bảnh; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức 3, giáp xã Tuân Tức; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Xuyên	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
VIII	**KV3**	**Xã Lâm Kiết**	
1	VT4	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp ấp Kiết Lập A, Kiết Lập B (xã Lâm Tân); Phía Nam: Giáp huyện Mỹ Xuyên, kênh nội đồng; Phía Bắc: Giáp kênh ông Tà, kênh Xáng xã Tuân Tức, ranh ấp Kiết Thắng, ấp Kiết Lợi	40
2	VT5	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp kênh ông Ban, rạch Bào Mướp, kênh ông Lượng, ranh xã Lâm Tân, kênh ông Dâu; Phía Nam: Giáp kênh Xáng xã Tuân Tức, kênh SaDi; Phía Bắc: Giáp ranh huyện Mỹ Tú	35

3	VT6	Các khu vực còn lại	30
IX	**KV3**	**Thị trấn Hưng Lợi**	
1	VT6	Phía Đông: Giáp Sông Thổ Mô; Phía Tây: Giáp ấp 23, xã Châu Hưng; Phía Nam: Giáp đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành	35
		Phía Đông: Giáp thị trấn Phú Lộc, giáp tỉnh Bạc Liêu; Phía Tây: Giáp kênh Thầy Ban, xã Châu Hưng; Phía Nam: giáp Ranh tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp kênh công, kênh ông Hiền, rạch Bào Cát	35
2	VT5	Các khu vực còn lại	40
X	**KV3**	**Xã Châu Hưng**	
1	VT4	- Phía Đông: Giáp kênh 2 Gấm - Phía Tây: Giáp kênh Tràm Kiến; Phía Nam: Giáp sông Kinh Ngay 2 - Phía Bắc: Giáp kênh Bà Phúc	40
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Tây Nhỏ - Phía Tây: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp Sông Tràm Kiến - Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi	30
		Phía Đông: Giáp kênh ông Sóc; Phía Tây: Giáp kênh Già Mê; Phía Nam: Giáp kênh ông Miễn; Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Trò, xã Vĩnh Lợi	30
3	VT5	Các khu vực còn lại	35
E	**HUYỆN NGÃ NĂM**		
I	**KV2**	**Thị trấn Ngã Năm**	
1	VT1	Toàn bộ khu vực ấp 5 và khu vực ấp 6 ven kênh xáng chìm tính từ mốc chỉ giới đường thuỷ nội địa đến kênh nông trường (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	60
		Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xẻo Chít, phía Tây giáp xã Vĩnh Quới và phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau.	60
		Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Tây giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B và tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	60
		Khu vực phía Bắc giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Nam giáp xã Vĩnh Biên, phía Đông giáp kênh Dân Quân và phía Tây giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	60

2	VT2	Vị trí còn lại	55
II	**KV3**	**Xã Long Tân**	
1	VT3	Ấp Tân Quới, Tân Thành B, Tân Lập và ấp Tân Lập B khu vực ven Quản lộ Phụng Hiệp tính từ mốc lộ giới qua hai bên kênh Thuỷ lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	45
		Ven kênh Tân chánh B, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kênh Thủy lợi (kênh 500).	45
		Khu vực phía Tây Nam giáp ấp 6, TT Ngã Năm; phía Tây Bắc giáp huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến kênh Thủy lợi.	45
		Khu vực phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang tính từ đê bao kênh Thủy lợi (kênh 500).	45
		Khu vực phía Bắc giáp kênh Mỹ Phước, phía Nam giáp kênh Lâm Trà ven kênh Mỹ Lợi qua hai bên đến kênh Thủy lợi (kênh 500).	45
		Khu vực phía Bắc giáp Lâm Trà, phía Nam giáp kênh Lung Bào Tượng.	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
III	**KV3**	**Xã Mỹ Quới**	
1	VT2	Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Nam giáp rạch Ba Cụi (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
IV	**KV3**	**Xã Tân Long**	
1	VT3	Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kênh Tư Cửu, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kênh Bình Hưng.	45
		Khu vực phía Tây Bắc giáp xã Long Bình, phía Đông giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45
1		Khu vực phía Bắc giáp huyện Mỹ Tú , phía Nam giáp Quốc lộ 61B, phía Đông giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây giáp kênh Thủy lợi (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45
		Khu vực phía Đông Bắc giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45

		Khu vực phía Bắc giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Nam giáp kênh 2A, phía Đông giáp kênh 26/3 và phía Tây giáp kênh Cocsanen.	45
		Khu vực phía Đông Bắc giáp kênh Thủy lợi, phía Tây giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
V	**KV3**	**Xã Vĩnh Quới**	
1	VT3	Khu vực phía Tây Bắc giáp rạch Lục Bà Tham, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Nam giáp rạch Xẻo Chít.	45
		Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xẻo Chít và phía Đông giáp rạch đường Chùa.	45
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Sóc Sải, phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp kênh Mới và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu.	45
		Khu vực phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía đông giáp rạch Xẻo Gỗ, phía Tây Nam giáp rạch Xẻo Chít.	45
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Cây Đa, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp Xẻo Chít.	45
		Khu vực phía Bắc giáp kênh Vĩnh Khương, phía Đông giáp rạch Xẻo Sải, phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu và phía Nam giáp rạch Sóc Sải.	45
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Xẻo Chít, phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp rạch đường Chùa.	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
VI	**KV3**	**Xã Vĩnh Biên**	
1	VT3	Ấp Vĩnh Tiền, Vĩnh Mỹ A khu vực ven kênh xáng Phụng Hiệp tính từ mốc đường thủy nội địa đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).	45
		Khu vực phía Bắc giáp kinh Ba Liếm, phía Nam giáp rạch Lung Lớn, phía Đông giáp kênh 90 và phía Tây giáp kênh Cống Đá.	45
		Khu vực phía Bắc giáp kênh Nàng Rền, phía Nam giáp kênh Làng Mới, phía Đông giáp kênh Xóm Lẫm và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu.	45

		Khu vực phía Bắc giáp kênh Ngang, phía Đông giáp xã Mỹ Bình và phía Đông giáp rạch Cống Đá.	45
		Khu vực phía Đông giáp kênh Cống Đá, phía Tây Nam giáp kênh Thủy lợi gần kênh xáng Phụng Hiệp.	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
VII	**KV3**	**Xã Long Bình**	
1	VT2	Khu vực phía ven kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc tính từ kênh xáng qua hai bên đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
VIII	**KV3**	**Xã Mỹ Bình**	
1	VT3	Khu vực UBND xã phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên và phía Đông giáp kênh Nàng Rền.	45
		Khu vực phía Đông Bắc giáp kênh Thủy Lợi, phía Tây giáp kênh Nàng Rền và phía Nam giáp huyện Thạnh Trị.	45
		Khu vực ven rạch Mười Lửa, phía Đông giáp xã Mỹ Quới, phía Tây giáp Rạch Mười Gà, xã Mỹ Quới; phía Bắc Đông Nam giáp kênh Thủy lợi.	45
		Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Tây giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây giáp xã Mỹ Quới (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	45
		Khu vực phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên, phía Tây giáp xã Mỹ Quới, phía Đông và Nam giáp kênh Thủy lợi.	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
F	**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**		
I	**KV3**	**Xã Lạc Hòa**	
1	VT4	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	40
2	VT5	Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hoà Đông	35
II	**KV3**	**Xã Vĩnh Hải**	
1	VT3	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	45

2	VT5	Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hoà Đông	35
III	**KV3**	**Xã Hòa Đông**	
1	VT5	Trong địa giới hành chính xã	35
IV	**KV3**	**Xã Vĩnh Hiệp**	
1	VT5	Trong địa giới hành chính xã	35
V	**KV3**	**Xã Vĩnh Tân**	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	40
2	VT6	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	30
3	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	35
VI	**KV3**	**Xã Lai Hòa**	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	40
2	VT6	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	30
3	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	35
G	**HUYỆN LONG PHÚ**		
I	**KV2-VT4**	**Thị trấn Long Phú, thị trấn Đại Ngãi**	45
II	**KV3**	**Xã Song Phụng.**	
1	VT4	- Đông: kênh sườn (từ rạch Bần - Đại Ngãi). - Tây: giáp Huyện Kế Sách. Nam: xã Đại Ngãi - Bắc: Kênh Bà Kính.	40
		- Đông:giáp kênh giữa. - Tây: giáp kênh sườn (ranh Phụng Sơn - Phụng Tường 1,2). - Nam: xã Đại Ngãi. - Bắc: đầu kênh hai Bé nối qua kênh giữa.	40
2	VT2	Diện tích đất cây lâu năm còn Lại trên địa bàn xã (kể cả cồn Lý Quyên).	50
III	**KV3**	**Xã Hậu Thạnh.**	
1	VT4	- Đông:giáp sông Saintard và xã Phú Hữu. - Tây: giáp kênh số 3 và kênh Cây Dương.	40

		- Nam: xã Phú Hữu. - Bắc: xã Đại Ngãi và Quốc lộ 60.	
2	VT3	Diện tích đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45
IV	**KV3**	**Xã Trường Khánh.**	
1	VT4	- Phần phía nam sông Văn Cơ.	40
2	VT3	- Phần phía bắc sông Văn Cơ.	45
V	**KV3**	**Xã Long Đức.**	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
VII	**KV3**	**Xã Phú Hữu.**	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
VII	**KV3**	**Châu Khánh**	
1	VT5	- Đông : xã Tân Hưng - Tây : từ kênh ông Rộng thẳng tới đầu kênh trung thủy nông - Nam : từ đầu kênh trung thủy nông giáp Tân Hưng - Bắc : kênh ông Rộng	35
2	VT3	Diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn.	45
VIII	**KV3**	**Tân Thạnh**	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
IX	**KV3**	**Tân Hưng**	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
X	**KV3**	**Xã Long Phú**	
1	VT5	- Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện lộ 27 (Long Phú - LHT) - Nam: kênh 85 - Bắc: kênh mương ông kép	35
	VT5	- Đông: kênh 25/4 - Tây: xã Tân Hưng - Nam: Rạch Bưng Thum - Bắc: xã Tân Hưng	35

	VT5	- Đông: kênh 96 Long Hưng. - Tây: huyện Mỹ Xuyên. - Nam: kênh Cái Xe. - Bắc: xã Tân Hưng Tân Thạnh.	35
	VT5	- Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện Mỹ Xuyên - Nam: xã Liêu Tú. - Bắc: kênh Cái Xe	35
2	VT3	Diện tích đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45
H	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**		
I	**KV2-VT2**	**Thị trấn Cù Lao Dung**	
1	VT2	Đất trồng cây lâu năm của thị trấn	55
II	**KV3**	**Xã An Thạnh I**	
1	VT1	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	55
III	**KV3**	**Xã An Thạnh Tây**	
1	VT2	Toàn xã	50
IV	**KV3**	**Xã An Thạnh 2**	
1	VT4	Toàn xã	40
V	**KV3**	**Xã An Thạnh 3**	
1	VT3	Toàn xã	45
VI	**KV3**	**Xã An Thạnh Nam**	
1	VT4	Toàn ấp Vàm Hồ; Khu vực NT 30/4 (cũ), ấp Vàm Hồ A; Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Tây) đến bờ phía Đông Rạch Su, ấp Võ Thành Văn	40
2	VT5	Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Đông) đến đê Quốc Phòng giáp xã An Thạnh 3; Khu vực từ nhà ông Khải đến nhà ông Ba Đời, qua cống số 4 đến giáp cầu cây Mắm.	35

VII	KV3	**Xã An Thạnh Đông**	
1	VT3	Toàn ấp Lê Minh Châu A, Lê Minh Châu B, Tăng Long	45
2	VT2	Toàn ấp: Trương Công Nhật, Đặng Trung Tiến, Nguyễn Công Minh A, Nguyễn Công Minh B, Đền Thờ.	50
VIII	**KV3**	**Xã Đại Ân 1**	
1	VT4	Toàn ấp Văn Sáu, ấp Đoàn Văn Tố, Toàn ấp Đoàn Văn Tố A và 1 phần phía trên ấp Sáu Thử	40
2	VT5	Các khu vực còn lại	35
I	**HUYỆN CHÂU THÀNH**		
I	**KV2**	**Thị trấn Châu Thành.**	
1	VT3	Dọc kênh Xây Cáp theo hướng Bắc dọc ranh đường Huyện 5, kênh thủy lợi, kênh Mai Thanh và phần đất ấp Trà Quýt	50
2	VT4	Phần còn lại	45
3	VT5	Kênh Hai Col- kênh 30/4- Ranh xã Phú Tâm - xã Phú Tân	40
II	**KV3**	**Xã Thuận Hoà**	
1	VT4	Kênh ông Ửng - ranh xã Hồ Đắc Kiện-ranh xã Thiện Mỹ.	40
		Quốc lộ 1A-ranh xã Phú Tân- kênh Hai Gô-rạch hàng Bằng	40
2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Rạch Trà Canh A-kênh Sườn- kênh ông Ửng- ranh xã An Hiệp (hướng Nam)	30
III	**KV3**	**Xã An Hiệp**	
1	VT4	Các vùng còn lại	40
2	VT5	Kênh 77 -ranh TP Sóc Trăng	40
		Kênh 85-đường đất- rạch thuộc ấp Bưng Tróp A và B - kênh ranh xã An Ninh	35
3	VT6	Kênh 85 - Ranh xã Thiện Mỹ	30

IV	**KV3**	**Xã Phú Tâm**	
1	VT4	Toàn bộ ấp Phú Thành B	40
2	VT5	Kênh Cầu Chùa- kênh ông Quên - ranh huyện Long Phú	35
		Kênh ông Quên - kênh Cầu Chùa- ranh xã Phú Tân	35
		Kênh 77 - kênh ông Bọng - kênh thủy lợi - kênh Pà Chất	35
		Kênh 7 Quýt - kênh 77 - ranh huyện Kế Sách	35
		Kênh 30/4 đến ranh xã Hồ Đắc Kiện	35
3	VT6	Các vùng còn lại	30
V	**KV3**	**Xã An Ninh**	
1	VT4	Kênh xáng Bố Thảo - Đường Tỉnh 939 - Kênh ranh xã An Hiệp	40
		Kênh xáng Tà Liêm - kênh ranh xã Thuận Hưng	40
2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Kênh 77-rạch Chăn Đùm- ranh xã Mỹ Hương- ranh xã Thiện Mỹ	30
VI	**KV3**	**Xã Hồ Đắc Kiện**	
1	VT4	Quốc Lộ 1A -ranh TT Châu Thành, Phú Tân và huyện Kế Sách	40
		Kênh Gòn - Kênh Sườn (ấp kinh Đào) - ranh TT Châu Thành	40
2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Lộ đal Thiện Mỹ đi Đại Hải đến hết đất Lâm Trường	30
		Kênh lâm trường - kênh Sườn - kênh Hai Nhân	30
VII	**KV3**	**Xã Thiện Mỹ**	
1	VT4	Kênh Ba Rinh - kênh Phú Tường - kênh Năm Cưởng, kênh Năm Thục, kênh Hai Phong	40
2	VT5	Phần còn lại	35

3	VT6	Kênh Phú Tường - xã Long Hưng	30
VIII	**KV3**	**Xã Phú Tân**	
1	VT4	Kênh Xây Chô - ranh xã Phú Tâm - kênh Vành Đai - ranh xã An Hiệp	40
		Kênh 6 Thước -Kênh ranh xã An Hiệp	40
2	VT5	Kênh Trà Canh - Ranh xã Thuận Hòa , Phú Tâm	35
3	VT6	Các vùng còn lại	30
J	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**		
I	**KV3**	**Xã Đại Ân 2**	
1	VT5	Đông: kênh xáng mới. Tây: Xã Viên Bình, Tài Văn. Nam kênh Chù Bưng Buối. Bắc: lộ đất Tú Điềm.	40
2	VT4	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45
II	**KV3**	**Xã Liêu Tú**	
1	VT7	Đông: xã Lịch Hội Thượng. Tây: xã Viên Bình. Nam: giáp kênh Giồng Chát- Tổng Cáng. Bắc: kênh Sóc Đơm-Tà Nịt	30
2	VT6	Đông: xã Lịch Hội Thượng. Tây xã Viên Bình. Nam: Kênh ông Đum kéo thẳng giáp Viên Bình. Bắc: Kênh Sóc Đum-Tà Nịt	35
3	VT5	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	40
III	**KV3**	**Xã Lịch Hội Thượng**	
1	VT5	Đông: sông gòi – kênh 5 huyện – lộ đan Chùa Hội Phước ra đê ngăn mặn.Tây: kênh ranh Liêu Tú - LHT. Nam: lộ đê ngăn mặn kênh Mã Đức. Bắc: kênh Xà Khị.	40
2	VT5	Đông: kênh cách ly. Tây: huyện lộ 9. Nam: huyện lộ 9. Bắc: Kênh Lâm Ton.	40
3	VT4	Phần đất cây lâu năm còn trên địa bàn xã.	45
IV	**KV3**	**Xã Trung Bình**	
1	VT6	- Đông: kênh Bồn Bồn - Tây: sông Bưng Lức - Nam: kênh 85	35

PHỤ LỤC 4: BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG

		- Bắc : kênh mương ông Kép	
	VT6	- Đông: kênh ngang mặt trời lặn Bưng Lức - Tây: Xã Lịch Hội Thượng - Nam: kênh Tư - Bắc : kênh Hai	35
2	VT5	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	40
V	**KV2**	**TT Lịch Hội Thượng**	
1	KV2-VT3	Tất cả đất cây lâu năm trên địa bàn TT.	50
VI	**KV2**	**TT Trần Đề**	
1	VT3	Tất cả đất cây lâu năm trên địa bàn TT.	50
VII	**KV3**	**Xã Thạnh Thới Thuận**	
1	VT6	Toàn xã	35
VIII	**KV3**	**Xã Thạnh Thới An**	
1	VT6	Toàn xã	35
IX	**KV3**	**Xã Tài Văn**	
1	VT5	Giáp Kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT6	Khu vực còn lại trên địa bàn xã	35
X	**KV3**	**Xã Viên An**	
1	VT5	Khu vực ven kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT5	Khu vực ven đường vào đến Chùa Lao Vên (theo tuyến khu dân cư)	40
3	VT6	Toàn bộ phần diện tích đất cây lâu năm còn lại của xã	35
XI	**KV3**	**Xã Viên Bình**	
1	VT5	Khu vực ven kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT7	Khu vực còn lại	30

Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

			Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2
STT	**Khu vực, vị trí**	**Ranh giới, vị trí**	**Giá đất năm 2013**
A	**HUYỆN MỸ XUYÊN**		
I	**KV3**	**Xã Tham Đôn**	
1	VT3	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	30
II	**KV3**	**Xã Thạnh Phú**	
1	VT2	Giới hạn bởi: Giáp Quốc lộ 1 đến đường khu 4, lộ đan vào Phú Hoà, Phú Thành	35
2	VT3	Khu vực còn lại.	30
III	**KV3**	**Xã Thạnh Quới**	
1	VT3	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	30
IV	**KV3**	**Xã Gia Hòa 1**	
1	VT5	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	20
V	**KV3**	**Xã Gia Hòa 2**	
1	VT5	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	20
VI	**KV3**	**Xã Hòa Tú 2**	
1	VT3	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	30
VIII	**KV3**	**Xã Ngọc Đông**	
1	VT3	Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	30
VIII	**KV3**	**Xã Ngọc Tố**	

1	VT2	Khu vực đất Nuôi trồng thủy sản ở ấp Cổ Cò	35
2	VT5	Khu vực còn lại.	20
IX	**KV3**	**Xã Hòa Tú 1**	
1	VT3	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đình đến kênh Tư, giáp xã Ngọc Đông, Ngọc Tố và Hòa Tú 2.	30
2	VT5	Khu vực còn lại.	20
B	**HUYỆN KẾ SÁCH**		
I	**KV3**	**Xã An Lạc Tây**	
1	VT1	Toàn bộ đất nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn xã	50
II	**KV3**	**Xã Phong Nẫm**	
1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn xã	50
III	**KV3**	**Xã Nhơn Mỹ**	
1	VT1	Toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thuỷ sản trên địa bàn	50
C	**HUYỆN THẠNH TRỊ**		
I	**KV2**	**Thị trấn Phú Lộc**	
	VT3	Khu vực ấp Thạnh Điền	30
II	**KV3**	**Xã Lâm Kiết**	
1	VT2	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp ấp Kiết Lập A, Kiết Lập B (xã Lâm Tân); Phía Nam: Giáp huyện Mỹ Xuyên, kênh nội đồng; Phía Bắc: Giáp kênh ông Tà, kênh Xáng xã Tuân Tức, ranh ấp Kiết Thắng, ấp Kiết Lợi	35
2	VT3	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp kênh ông Ban, rạch Bào Mướp, kênh ông Lượng, ranh xã Lâm Tân, kênh ông Dâu; Phía Nam: Giáp kênh Xáng xã Tuân Tức, kênh SaDi; Phía Bắc: Giáp ranh huyện Mỹ Tú	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	25

D	THỊ XÃ VĨNH CHÂU		
I	**KV3**	**Xã Lạc Hòa**	
1	VT3	Từ Huyện Lộ 111 đến ranh Phường Khánh Hoà	30
II	**KV3**	**Xã Vĩnh Hải**	
1	VT2	Từ Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	35
2	VT3	Từ Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hoà Đông	30
III	**KV3**	**Xã Hòa Đông**	
1	VT3	Trong địa giới hành chính xã	30
IV	**KV3**	**Xã Vĩnh Hiệp**	
1	VT3	Trong địa giới hành chính xã	30
V	**KV3**	**Xã Vĩnh Tân**	
1	VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	35
2	VT5	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	20
3	VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	30
VI	**KV3**	**Xã Lai Hòa**	
1	VT2	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	35
2	VT3	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	30
3	VT5	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	20
E	**HUYỆN CÙ LAO DUNG**		
I	**KV3**	**Xã An Thạnh I**	
1	VT3	Toàn xã	30
II	**KV3**	**Xã An Thạnh 2**	
1	VT2	Toàn xã	35
III	**KV3**	**Xã An Thạnh 3**	

1	VT2	Toàn xã	35
IV	**KV3**	**Xã An Thạnh Nam**	
1	VT3	Toàn ấp Vàm Hồ; Khu vực NT 30/4 (cũ), ấp Vàm Hồ A; Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Tây) đến bờ phía Đông Rạch Su, ấp Võ Thành Văn	30
2	VT5	Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Đông) đến đê Quốc Phòng giáp xã An Thạnh 3; Khu vực từ nhà ông Khải đến nhà ông Ba Đời, qua cống số 4 đến giáp cầu cây Mắm.	20
V	**KV3**	**Xã Đại Ân 1**	
1	VT2	Toàn xã	35
F	**HUYỆN TRẦN ĐỀ**		
I	**KV3**	**Xã Liêu Tú**	
1	VT2	- Từ đê ngăn mặn trở ra sông Mỹ Thanh.	35
2	VT3	- Đông: lộ Giồng Chác. - Tây: lộ Tổng Cáng. - Nam: đê ngăn mặn. - Bắc: kênh 81.	30
3	VT4	Phần đất nuôi trồng thủy sản còn lại	25
II	**KV3**	**Xã Lịch Hội Thượng**	
1	VT2	- Từ đê ngăn mặn trở ra sông Mỹ Thanh.	35
2	VT3	Phần đất nuôi trồng thủy sản còn lại	30
III	**KV3**	**Xã Trung Bình.**	
1	VT3	- Đông: rạch Cầu Đen – Kinh Tầm Du – Kinh Sáu Quế 2. - Tây: xã Lịch Hội Thượng (kênh Sáu Quế 1). - Nam: Lộ Quốc Phòng. - Bắc: kênh Máy bay.	30
2	VT2	Phần đất nuôi trồng thủy sản còn lại.	35
IV	**KV3**	**Xã Thạnh Thới Thuận**	

1	VT2	Từ trục 936B ra sông Mỹ Thanh.	35
2	VT3	Khu vực còn lại.	30
V	**KV3**	**Xã Thạnh Thới An**	
1	VT3	Phần đất Nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã	30
VI	**KV3**	**Xã Viên Bình**	
1	VT4	Khu vực đất thủy sản ven sông Mỹ Thanh	25

Phụ lục 5
GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ
VÀ VÙNG GIÁP RANH THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, ĐẤT TRỒNG RỪNG, ĐẤT LÀM MUỐI VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN (KHU VỰC 3 CÒN LẠI) TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

1. Giá đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Sóc Trăng (áp dụng cho đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thuỷ sản và đất nông nghiệp khác): 80.000 đồng/m^2.

2. Giá đất nông nghiệp trên địa bàn 04 phường thị xã Vĩnh Châu (áp dụng cho đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thuỷ sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác): 75.000 đồng/m^2.

3. Giá đất nông nghiệp giáp ranh giữa các huyện Mỹ Tú, Châu Thành, Mỹ Xuyên, Long Phú với thành phố Sóc Trăng (được xác định trong phạm vi khoảng cách 300 m tính từ đường địa giới hành chính về phía huyện và áp dụng chung cho đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, nuôi trồng thuỷ sản): 48.000 đồng/m^2.

Trường hợp giá đất nông nghiệp vùng giáp ranh quy định tại Khoản 3 Phụ lục này khi tính giá mà thấp hơn giá đất từng loại theo quy định trong các phụ lục giá đất nông nghiệp tại các huyện giáp ranh thì áp dụng theo quy định tại phụ lục tại các huyện.

4. Đối với diện tích đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm trên địa bàn tỉnh chưa được xác định khu vực, vị trí và mức giá tại Quy định này, khi Nhà nước thu hồi đất được lấy giá đất trồng cây hàng năm có cùng khu vực, vị trí để xác định mức giá cụ thể.

5. Giá đất làm muối các Hợp tác xã muối Lai Hoà, Vĩnh Tân thuộc thị xã Vĩnh Châu: 30.000 đồng/m^2.

6. Giá đất nông nghiệp khác (đất nông nghiệp khác quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP) trên địa bàn các huyện, thị xã thuộc tỉnh được tính 75.000 đồng/m^2.

7. Giá đất rừng sản xuất của các phân trường thuộc Công ty Lâm nghiệp trên địa bàn các huyện: 20.000 đồng/m^2.

8. Giá đất ở tại nông thôn khu vực 3 trên địa bàn các huyện và các xã thuộc thị xã Vĩnh Châu.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
Khu vực 3	120	100	80

9. Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở; đất nông nghiệp nằm trong trong khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với Quốc lộ, đường Tỉnh, đường Huyện trong phạm vi 100m tính từ mép đường lộ (ngoại trừ thành phố Sóc Trăng):

a) Tại khu vực thị trấn, đô thị loại IV và loại V: 75.000 đồng/m².

b) Tại các xã trong tỉnh: 70.000 đồng/m².

10. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp gồm đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; đất sử dụng vào các hoạt động kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, dạy nghề: Mức giá được xác định bằng 70% giá đất ở có cùng khu vực, vị trí.

11. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, đất do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa và đất phi nông nghiệp còn lại ngoại trừ đất ở và đất quy định tại Khoản 10 Phụ lục này (gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác nghệ thuật, đất sử dụng vào mục đích công cộng…): Giá đất được căn cứ vào giá đất ở có cùng khu vực, vị trí hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất ở liền kề) đã quy định để xác định mức giá cụ thể.

12. Giá đất cặp mương lộ

Trường hợp các tuyến đường giao thông có mương lộ đang sử dụng vào mục đích công cộng, giá đất ở mương lộ được tính bằng 60% giá đất phía cặp đường. Trường hợp các tuyến đường trung tâm có mương lộ đang sử dụng vào mục đích công cộng, phía bên mương lộ có đường đal, giá đất ở được tính bằng 70% giá đất phía đường cặp đường lộ.

Phục lục 6
GIÁ ĐẤT Ở THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ MINH CHÂU, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

1. Giá đất ở đối với các thửa đất thuộc Đường A1 và A2 (suốt đường): 560.000 đồng/m^2 .

2. Giá đất ở đối với các thửa đất thuộc đường B, theo 03 giới hạn chiều dài tuyến đường :

- Giới hạn 1 (từ Quốc lộ 1A đến Đường A2): 1.120.000 đồng/m^2.

- Giới hạn 2 (từ Đường A2 đến Đường A1): 620.000 đồng/m^2.

- Giới hạn 3 (từ Đường A1 đến Kênh 30/4): 336.000 đồng/m^2.

3. Giá đất ở đối với các thửa đất thuộc Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6 và C7 (suốt đường): 560.000 đồng/m^2.

4. Giá đất ở đối với các thửa đất thuộc Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18 và D19 (suốt đường): 208.000 đồng/m^2.

Ghi chú: Tên đường quy định trên căn cứ theo bản vẽ quy hoạch Khu dân cư Minh Châu được phê duyệt tại Quyết định số 1653/QĐ.HC.04 ngày 21/10/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Phục lục 7
GIÁ ĐẤT Ở THUỘC DỰ ÁN KHU DÂN CƯ XUNG QUANH TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU 9, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

1. Giá đất ở đối với các thửa đất thuộc Khu A (các lô A_5, A_8 và A_{12}) và Khu B có vị trí mặt tiền giáp đường Trần Hưng Đạo nối dài: 4.000.000 đồng/m^2 .

2. Giá đất ở cặp đường lộ số 01: Theo 02 giới hạn chiều dài tuyến đường:

- Giới hạn 1 (Đối với các thửa đất nằm trong đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường số 09): 2.800.000 đồng/m^2 .

- Giới hạn 2 (Đối với các thửa đất nằm trong đoạn từ đường số 09 đến đường số 07): 2.000.000 đồng/m^2.

3. Giá đất các đường còn lại trong khu dân cư: số 02, số 03, số 04, số 05, số 06, số 07, số 08, số 09 và số 10: 1.400.000 đồng/m^2.

4. Hệ số tính giá bổ sung: Đối với thửa đất có vị trí giáp 02 mặt đường, giá đất nhân thêm hệ số 1,2.

Phục lục 8
GIÁ ĐẤT Ở CỦA TIỂU DỰ ÁN 1 VÀ 5 THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHU 5A - MẠC ĐĨNH CHI, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

(*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng*)

1. Giá đất ở thực hiện đối với các đối tượng thu nhập thấp được Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt theo chủ trương và chính sách của tỉnh:

a) Lớp nhà bên trong: Giá 1.000.000 đồng/m^2 .

b) Lớp nhà bên ngoài:

- Đường số 8 (giáp khu tái định cư): Giá 1.200.000 đồng/m^2.

- Đường số 7 (giáp tuyến Nam Nhân Lực): Giá 1.400.000 đồng/m^2 .

2. Giá đất ở đối với các đối tượng là hộ dân được bố trí tái định cư do bị ảnh hưởng của dự án Kè bờ sông Maspéro, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:

a) Đất dãy nhà bên trong (có lộ giới 8m): 900.000 đồng/m^2.

b) Đất dãy nhà bên ngoài:

- Giáp đường số 7: 1.080.000 đồng/m^2.

- Giáp đường số 8: 1.280.000 đồng/m^2.

3. Giá đất các đường 9A, 9B, 14, 16, 20, 21, 22 và 23: 1.300.000 đồng/m^2.